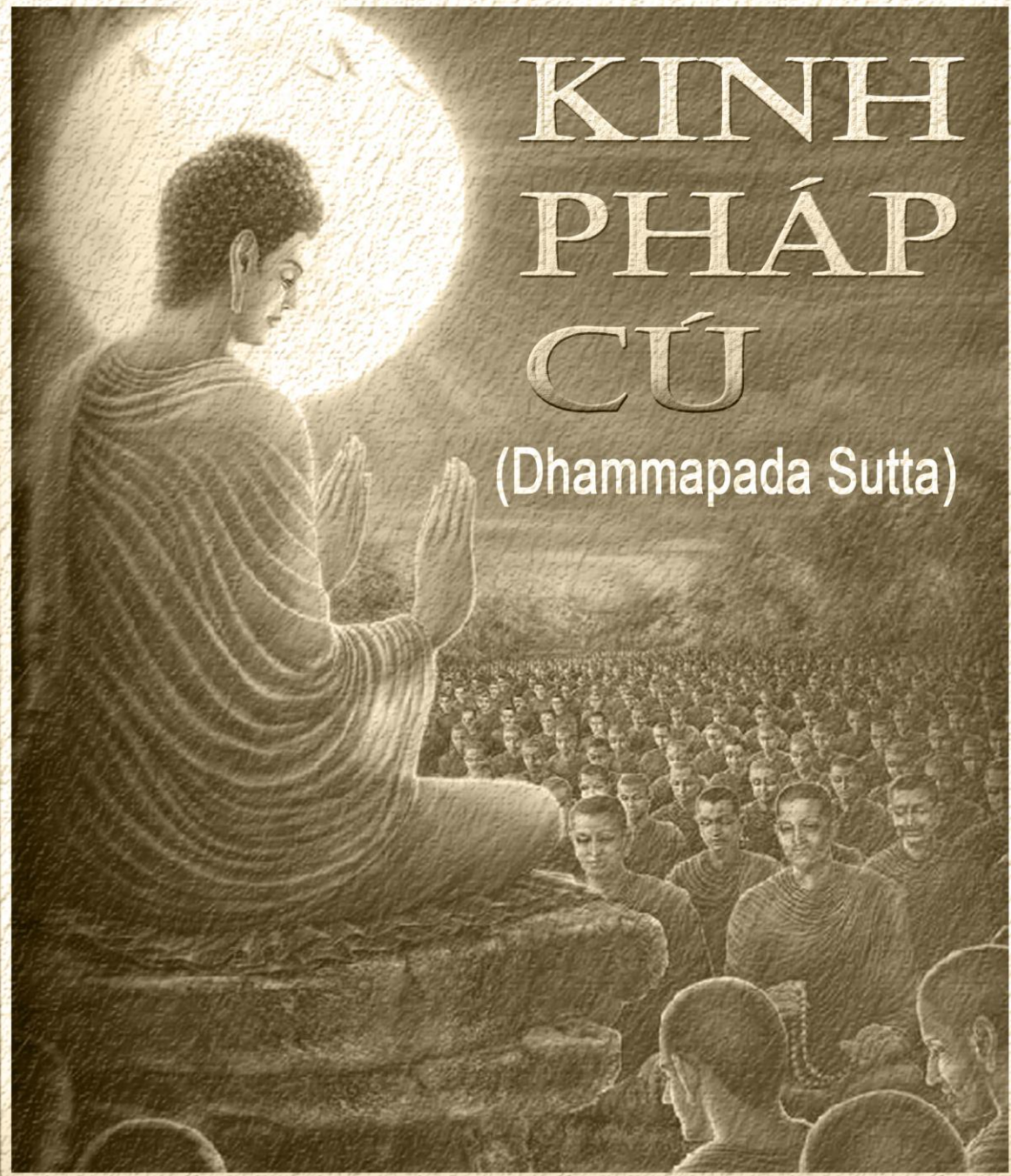


GIÁO ÁN



Đại Đức Sán Nhiên biên soạn - 1988





**Giáo Án Kinh Pháp Cú – Ấn Bản 2011**  
**Sư Sán Nhiên biên soạn (1988) và hiệu đính (2011)**

**Kỳ Viên Tự**  
**Jetavana Vihara**  
1400 Madison Street Northwest  
Washington, D.C. 20011  
Phone: 202-882-6054

**Tâm Pháp Thiền Viện**  
**Saddhamma Meditation**  
574 Willow Brook Road  
Bumpass, VA 23024  
Phone: 804-556-6162

<http://www.saddhamma.com> & [tamphapthienvien@gmail.com](mailto:tamphapthienvien@gmail.com)

**Hội Thiện Đức**  
**Universal Benevolence Foundation**  
P.O. Box 523582, Springfield, Virginia 22152 USA  
[hoithienduc@gmail.com](mailto:hoithienduc@gmail.com)

Hết lòng trân quý và ghi nhớ ân đức sâu dày của sư Sán Nhiên đã biên soạn và hiệu đính tập sách này, cũng như đã hoan hỷ cho phép Hội Thiện Đức ấn tống nhằm góp phần vào công cuộc hoằng hóa Phật pháp đem đến lợi lạc cho nhiều người.

Hội Thiện Đức xin biết ơn sự ủng hộ tinh thần và tán thán sự phát tâm đóng góp tịnh tài của quý Phật tử và ân nhân cho công trình ấn tống này. Xin tri ân chị Thân Thực & anh Thân Phúc đánh máy tập sách; anh Thân Hòa trình bày sách bao gồm thiết kế bìa sách; anh Chúc Giới, anh Thiện Tánh, cùng anh Chúc Tùng cung cấp tài liệu và hình ảnh; Tâm Hân Huệ thỉnh ý sư Sán Nhiên; chị Tâm Thiện, chị Chơn Hạnh Bạch, chị Diệu Âm, Thân Hồng, cùng anh chị Lê Lộc (Lancaster, PA) phụ giúp sổ sách, liên lạc, và kêu gọi cho quỹ ấn tống.

Đặc biệt cảm tạ chú Phan Thanh Thu, cô Quỳnh Trâm, Sonny, cùng nhà in CT Printing & Graphics (Silver Spring, MD) tận tâm yểm trợ việc ấn loát tập sách này.

Kính xin đức Phật cùng chư thiên gia hộ và xin nguyện hồi hướng công đức ấn tống tập sách này đến hết thảy chúng sanh đều được sống an vui và có nhiều duyên lành tinh tấn thực tập thiện pháp.





**MỤC LỤC**

A. Kinh Pháp Cú (Dhammapada) trong kinh tạng Pāli.....	7
B. Ý nghĩa của từ ngữ “Dhammapada” .....	8
C. Nội dung tổng quát của Kinh Pháp Cú.....	9
Phẩm thứ nhất – Phẩm Song Yếu .....	15
Phẩm thứ hai – Phẩm Không Phóng Dật .....	19
Phẩm thứ ba – Phẩm Tâm .....	23
Phẩm thứ tư – Phẩm Hoa .....	27
Phẩm thứ năm – Phẩm Người Ngu .....	31
Phẩm thứ sáu – Phẩm Hiền Trí .....	35
Phẩm thứ bảy – Phẩm A La Hán.....	39
Phẩm thứ tám – Phẩm Ngàn .....	43
Phẩm thứ chín – Phẩm Ác.....	45
Phẩm thứ mười – Phẩm Hình Phật .....	49
Phẩm thứ mười một – Phẩm Già.....	53
Phẩm thứ mười hai – Phẩm Tự Ngã .....	57
Phẩm thứ mười ba – Phẩm Thế Gian.....	61
Phẩm thứ mười bốn – Phẩm Phật.....	63
Phẩm thứ mười lăm – Phẩm An Lạc.....	69
Phẩm thứ mười sáu – Phẩm Hỷ Ái .....	73
Phẩm thứ mười bảy – Phẩm Phẫn Nộ.....	77
Phẩm thứ mười tám – Phẩm Cấu Uế.....	81
Phẩm thứ mười chín – Phẩm Pháp Trụ .....	87
Phẩm thứ hai mươi – Phẩm Đạo .....	91
Phẩm thứ hai mươi mốt – Phẩm Tạt Lược .....	97
Phẩm thứ hai mươi hai – Phẩm Địa Ngục .....	103
Phẩm thứ hai mươi ba – Phẩm Voi.....	107
Phẩm thứ hai mươi bốn – Phẩm Ái Dục .....	113
Phẩm thứ hai mươi lăm – Phẩm Tỳ Khuru .....	119
Phẩm thứ hai mươi sáu – Phẩm Bà La Môn .....	125
Phương Danh Ấn Tổng - Năm 2011 .....	133
Hình ảnh các khóa tu học Phật pháp.....	135



## A. Kinh Pháp Cú (Dhammapada) trong kinh tạng Pālī

Kinh Pháp Cú thuộc thành phần Kinh Tạng Pālī. Theo một phân loại, Kinh Pháp Cú thuộc Bộ Kinh thứ năm là Tiểu Bộ Kinh (Khuddakanikāya), đứng thứ hai trong mười lăm tập kinh, thuộc Tiểu Bộ Kinh như sau:

Khuddakapātha (Tiểu Tụng Kinh)  
Dhammapada (Pháp Cú)  
Udāna (Tự Thuyết Kinh)  
Itivuttaka (Như Thị Ngữ Kinh)  
Suttanipāta (Kinh Tập)  
Vimānavatthu (Thiên Cung Sự Kinh)  
Petavatthu (Ngạ Quỷ Sự Kinh)  
Theragāthā (Trưởng Lão Tăng Kệ)  
Therīgāthā (Trưởng Lão Ni Kệ)  
Jātaka (Bốn Sanh)  
Niddesa (Nghĩa Tích)  
Patisambhidāmagga (Vô Ngại Giải Đạo)  
Apadāna (Thí Dụ Kinh)  
Buddhavaṃsa (Phật Sự)  
Carīyāpitaka (Tiểu Nghĩa Kinh)

Theo một phân loại khác, phân loại tất cả kinh điển Pālī thành năm Nikāya là:

Dīghanikāya (Trường Bộ Kinh)  
Majjhimanikāya (Trung Bộ Kinh)  
Sampayuttanikāya (Tương Ứng Bộ Kinh)  
Aṅguttaranikāya (Tăng Chi Bộ Kinh)  
Khuddakanikāya (Tiểu Bộ Kinh)

Tiểu Bộ Kinh này gồm cả Vinayaṭṭaka (Luật Tạng) và Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammaṭṭaka) cùng với mười lăm tập kinh được đề cập ở trên, và như thế Kinh Pháp Cú thuộc vào Tiểu Bộ Kinh.

Thứ tự và con số 15 tập kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh cũng không được thống nhất.

Các vị thọ trì Trường Bộ Kinh không chấp nhận các kinh Khuddakapātha, Cariyapitaka và Apadāna, và phân loại các kinh khác vào Vô Tỷ Pháp Tạng.

Các vị thọ trì Trung Bộ Kinh không chấp nhận tập Khuddakapātha, nhưng chấp nhận các kinh còn lại và phân loại chúng vào Kinh Tạng.

Thay thế tập Cūlaniddha vào Tiểu Bộ Kinh, nên vẫn có mười lăm tập Kinh, nhưng với thứ tự có sai khác như sau:

Jātaka (Bản Sanh)  
Mahāniddeśa (Đại Nghĩa Tích)  
Cūlaniddeśa (Tiểu Nghĩa Tích)  
Patisambhidāmagga (Vô Ngại Giải Đạo)  
Suttanipāta (Kinh Tập)  
Dhammapada (Pháp Cú)  
Udāna (Tự Thuyết Kinh)  
Itivuttaka (Như Thị Ngữ Kinh)  
Vimānavatthu (Thiên Cung Sự Kinh)  
Petavatthu (Ngạ Quỷ Sự Kinh)  
Theragāthā (Trưởng Lão Tăng Kệ)  
Therīgāthā (Trưởng Lão Ni Kệ)  
Carīyāpitaka (Tiểu Nghĩa Kinh)  
Apadāna (Thí Dụ Kinh)  
Buddhavaṃsa (Phật Sử Kinh)

## **B. Ý nghĩa của từ ngữ “Dhammapada”**

Dhammapada bao gồm có hai chữ là “Dhamma” và “Pada.” Dhamma dịch là Pháp, Pada dịch là câu, cú.

“Dhamma” theo Pālī và “Dharma” theo Sanskrit, là một danh từ rất khó phiên dịch ra ngôn ngữ khác bởi vì có rất nhiều ý nghĩa.

Pháp là chi? Chi cũng là Pháp.

Tại sao gọi là Pháp? Do có trạng thái nên gọi là Pháp.

Trạng thái ra sao? Ra sao cũng là trạng thái.

Ta phải hiểu theo đoạn văn ở đây, từ ngữ “Dhammapada” là Pháp Cú như thường được dịch, tức là những câu nói về Pháp. Chữ “Dhamma” dịch là Pháp, có nhiều nghĩa là Giáo lý Phật dạy, hay chân thiện, tốt đẹp. “Dhamma” cũng có nghĩa là nguyên nhân hay năng lực đưa đến giải thoát, giác ngộ. Cuối cùng “Dhamma” có nghĩa là Pháp theo nghĩa các sự kiện xảy ra.

“Pada” có nghĩa là bàn chân hay bước chân, cũng bao hàm ý nghĩa tiết mục, đoạn, phần hay đường lối câu.

Vậy “Dhammapada” có nghĩa là những bước chân đưa đến giác ngộ; những đoạn, những phần của giáo pháp, đường lối của Giáo Pháp đưa đến giải thoát.

“Dhammapada” được giải thích là Pháp Cú, tức là câu nói về Chánh Pháp.



### C. Nội dung tổng quát của Kinh Pháp Cú

Không có kinh nào được dịch ra nhiều thứ tiếng như tập Kinh Pháp Cú này. Hầu hết các ngôn ngữ quan trọng trên thế giới đều đã dịch tập Kinh Pháp Cú này, và nhiều tác giả đã xem tập này như một Thánh Thư (Bible) của Đạo Phật.

Tại các nước thuộc Phật Giáo Nam Tông, tập kinh này đã được các vị Sa Di học thuộc lòng.

Kinh Pháp Cú gồm có 423 câu kệ đã được đức Phật đọc lên trong khoảng 300 trường hợp trên đường hoằng pháp kéo dài trọn 45 năm, thích hợp với những tâm tánh khác nhau của người nghe. Chân lý cao thượng nằm trong những kệ Pháp Cú thể hiện rõ ràng giáo huấn có tánh cách luân lý và triết học của đức Phật.

Đức Phật không giảng Kinh Pháp Cú dưới hình thức ta thấy ngày nay. Ba tháng sau khi Ngài viên tịch Níp Bàn, chư Thinh Văn A La Hán tụ họp lại trong kỳ triệu tập đầu tiên để nghe đọc lại những lời giáo huấn của Ngài, rồi kết tập lại thành hai mươi sáu phẩm như sau:

1. Phẩm Song Yếu (Yamaka vagga): Có 20 câu song đối với nhau. Bao hàm các nội dung đối lập nhau, giữa tốt và xấu, thiện và bất thiện xuyên qua các hành động của chính mình đã tạo và gặt lãnh kết quả từ những hành động tạo tác ấy.

2. Phẩm Không Phóng Dật (Appamāda vagga - Bất Khinh Suất): Có 12 câu, gồm những câu khuyến thiện, nhắc nhở làm việc thiện, tạo thiện nghiệp, luôn luôn giữ tâm ghi nhớ lấy mình, thận trọng hay nên biết mình đang làm việc gì.

3. Phẩm Tâm (Citta vagga): Có 11 câu, gồm những câu khuyên dạy chúng ta nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu, khuyên chúng ta nên hướng tâm về điều thiện và xa lánh những điều bất thiện, hầu đem lại sự an vui cho chính mình.

4. Phẩm Hoa (Puppha vagga): Có 16 câu, lấy hoa làm chủ đề với ngụ ý so sánh hoa với đời sống chánh hạnh của người đệ tử Phật.

5. Phẩm Người Ngu (Bāla vagga): Có 16 câu, nêu lên tính chất của người ngu dại. Theo chú giải, danh từ này có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, Tuệ Minh Sát, Đạo Quả. Như vậy không nên hiểu ngu dại theo định nghĩa thông thường. Ngu dại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, Tuệ Minh Sát, không đi trên Đạo Quả giải thoát, ẩn chứa trong mình ba căn bất thiện là Tham, Sân, Si hằng liên hệ với những việc làm sai lỗi và gặt hái những kết quả không an lành. Với người ngu dại do Vô Minh che án, đức Phật cho biết không thể biết được chân lý cao siêu; do vậy chịu khổ thật lâu dài trong vòng sanh tử luân hồi.

6. Phẩm Hiền Trí (Pandita vagga): Có 14 câu, nêu lên tính chất cao quý của người hiền trí, rất có ích cho chúng ta khi được gần gũi học hỏi với những người ấy, trái ngược với người ngu dại.

7. Phẩm A La Hán (Arahanta vagga): Có 10 câu, gồm những câu nêu lên những đức hạnh của những bậc đã đoạn tận mọi lậu hoặc, đó là bậc “Ứng Cúng - đáng cúng dường”, “Vô Sinh - diệt trừ mọi thăng thục trôi buộc trí tuệ và chúng ngộ Níp Bàn không còn tái sanh nữa.”

Bậc Tứ Quả A La Hán bao gồm tất cả các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Độc Giác, Chí Thượng Thịnh Văn, Đại Thịnh Văn và Thịnh Văn tâm thường.

8. Phẩm Ngàn (Sahassa vagga): Có 16 câu với nội dung chánh yếu cần nắm bắt là đức Phật khuyến khích chúng ta nên tầm cầu chất lượng tu tập hơn là số lượng trau dồi về phân phẩm tu hơn lượng tu.

9. Phẩm Ác (Pāpa vagga): Có 13 câu, nêu lên lợi ích trong việc gìn giữ tâm cho được thiện lành và nên xa lánh điều ác xấu. Hãy tránh xa điều ác, như chúng ta lánh xa một con đường nguy hiểm, không nên xem thường điều ác.

10. Phẩm Hình Phạt (Danta vagga): Có 17 câu, gồm những câu khuyến khích chúng ta tuyệt đối ôn hòa, không nên gây tổn hại bất luận một chúng sanh nào. Tầm cầu hạnh phúc cho mình và cho người không qua gây gộc và hình phạt gây tổn hại người. Người Phật tử phải biết, trước hết phải giữ lấy hạnh khiêm tốn, tự chế lấy mình, nghiêm trì trau dồi giới đức, và tiêu trừ mọi khổ đau.

11. Phẩm Già (Jarā vagga): Có 11 câu, nêu lên những lời cảnh giác chúng ta là lúc nào ta cũng sẵn có sự già ở trong ta, chớ buông mình phóng túng mà gặp nhiều khó khăn, và sẽ phải hối hận ăn năn khi nhớ lại những gì đã đánh mất đi của dĩ vãng trẻ trung.

12. Phẩm Tự Ngã (Atta vagga): Có 10 câu, nêu tầm quan trọng của tự ngã, tinh thần trách nhiệm về hành động của chính tự ngã của mình. Đức Phật đã hết sức nhấn mạnh đến con người và những năng lực của con người. Tự ngã của con người là sản phẩm của một chuỗi các hành động không ngừng biến dịch. Vì vậy, tự ngã của con người thì không trường cửu và không có chi bí ẩn.

13. Phẩm Thế Gian (Loka vagga): Có 12 câu, nêu đủ cả hai mặt nghĩa đen và nghĩa bóng của từ ngữ “Thế Gian.” Theo nghĩa đen, đức Phật chỉ cho chúng ta về mặt thời gian của đời sống, bao gồm kiếp quá khứ - hiện tại - vị lai, và thế gian của Tam Giới (Dục Giới - Sắc Giới - Vô Sắc Giới) về mặt không gian. Theo nghĩa bóng, đức Phật dùng để chỉ về thân ngũ uẩn của chúng ta.

14. Phẩm Phật (Buddha vagga): Có 18 câu. Đấng Giác Ngộ chân chánh, đã tỉnh giác vô minh, thông suốt lý Tứ Đế, và đem ra giáo hóa chúng sinh cùng hiểu biết. Đức Phật tự

xác chứng vị trí của mình khi Ngài nói với tôn giả Sariputta, “Những ai nói về Ta một cách chân chánh sẽ nói như sau: Một vị hữu tình không bị ai chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và nhân loại.”

Nói đến Phật, chúng ta phải nghĩ đến ba ân đức vô cùng to lớn đó là Tịnh đức, Bi đức và Trí đức.

15. Phẩm An Lạc (Sukha vagga): Có 12 câu. An lạc trong Phật giáo có hai loại là:

- a. An Lạc về vật chất (nặng về thế tục).
- b. An Lạc về tinh thần (phi vật chất, an lạc tinh tú).

An lạc hạnh phúc là cái vui trong sạch không nương vào các cảnh, vật, người, là cái vui yên lặng khỏi phiền não. An lạc ngoài thế tục là an lạc chân thực vì đã đoạn tuyệt phiền não. An lạc của thế tục là cái vui phát sanh do sự hỗn hợp với cảnh, vật, người và phiền não, là cái vui tạm bợ, nhất thời, xen lẫn nhiều khổ đau.

16. Phẩm Hỷ Ái (Piya vagga): Có 12 câu, nêu lên 2 khía cạnh của hỷ ái. Hỷ ái thông thường là xuôi theo pháp thế gian, hiện thân của những căn gốc tham sân si, thì những hỷ ái đó đáng ghê sợ và xa lánh. Hỷ ái khước từ thế gian, vun bồi chánh kiến tri, thành đạt chứng ngộ chân lý, xứng đáng cho mọi người ái kính, kiên cố trong Giáo Pháp, đó là chín trạng thái siêu thế, gồm Bốn Đạo, Bốn Quả và Níp Bàn. Chứng ngộ chân lý tối thượng và Tứ Thánh Đế (Khổ - Tập - Diệt - Đạo). Tự hoàn thành nhiệm vụ, viên mãn mọi hạnh nguyện là thực hành đầy đủ Giới - Định - Tuệ. Bạc như vậy gọi là đáng ái kính trong thế gian này.

17. Phẩm Phẫn Nộ (Kodha vagga): Có 14 câu, gồm những lời đức Phật khuyên dạy chúng ta cố gắng dứt bỏ tâm sân hận, chế ngự tâm phẫn nộ, và cố gắng trau giồi đời sống cao thượng. Giữ hạnh chân thật, nhẫn nại, và bố thí sẽ nâng đỡ con người chúng ta đến chỗ thanh cao siêu thoát.

18. Phẩm Cầu Uế (Mala vagga): Có 21 câu, nêu lên những uế trược, làm cho tâm bị dơ đục, gây ra những hành động tội lỗi, và trình bày con đường chánh hạnh, làm tiêu trừ các ô nhiễm, uế hạnh. Bao gồm năm pháp triền cái, mười sáu pháp tùy phiền não, tám pháp cầu uế, và chín pháp ô trược.

19. Phẩm Pháp Trụ (Dhammattha vagga): Có 17 câu, nói về đời sống chánh hạnh, công bằng, nương vào giới luật tìm thấy hạnh phúc vững bền. Một Phật tử chân chính phải cố tránh những điều không nên làm, phải khép mình trong giới luật để sống đời sống lý tưởng. Giới luật là nền tảng của Phật giáo, là nền tảng của tất cả đức hạnh. Muốn được hoàn toàn trong sạch, người Phật tử phải biết khép mình vào giới luật.

20. Phẩm Đạo (Magga vagga): Có 17 câu, nêu lên con đường của bậc thánh nhân có tám ngành, là con đường duy nhất để dẫn đến Níp Bàn, là con đường thanh tịnh dẫn đến chứng ngộ Tam Tướng (vô thường, khổ não, vô ngã) của thế gian, xa rời mọi phiền não, tuệ tri Tứ Thánh Đế.

21. Phẩm Tap Lục (Pakinnaka vagga): Có 16 câu, gồm có nhiều ý nghĩa về mọi mặt, thích hợp trong việc suy niệm và hoạch định cho mình một hướng đi an lành.

22. Phẩm Địa Ngục (Niraya vagga): Có 14 câu, diễn tả những cảnh khổ đau do người tạo ác nghiệp phải gặt lãnh, rất hữu ích cho chúng ta trong đời sống hằng ngày đầy đủ những cám dỗ. Nhắc nhở chúng ta luôn thức tỉnh với mỗi hành động của mình vì cảnh khổ luôn chờ chờ với người thất niệm, để duôi bụng lung.

23. Phẩm Voi (Nāga vagga): Có 14 câu, với biểu tượng voi là loài thú to lớn, có nhiều năng lực phi thường, chịu đựng được bao điều khó khăn. Ngụ ý nói lên đức hạnh nhẫn nại phi thường, trọng điểm để thành đạt chân lý siêu thoát.

24. Phẩm Ái Dục (Tanhā vagga): Có 26 câu, nêu những tính nguy hại của ái dục và khuyên chúng ta mau cố gắng đoạn tận mọi phiền não của ái dục.

25. Phẩm Tỳ Khuru (Bhikkhu vagga): Có 23 câu, trình bày đời sống phạm hạnh cao thượng chân chánh của một người đệ tử Phật. Sống hạnh khước từ mọi cuộc vui thú thế gian để chọn lấy đời sống tu sĩ, tự chế các hành động, điều ngự các căn để chỉ nhằm một mục đích duy nhất là giải thoát Níp Bàn.

26. Phẩm Ba La Môn (Brahmana vagga): Có 41 câu, với đầy đủ ý nghĩa nêu lên tính hạnh của một vị Bà La Môn, không vì sanh trưởng trong gia đình ở giai cấp Bà La Môn mà trở thành vị Bà La Môn, nhưng vì họ thành đạt mục tiêu tối thượng, chứng đắc quả A La Hán – Níp Bàn giải thoát, thành đạt chân lý và đầy đủ chánh hạnh.

Ngay hai câu đầu tiên đã vấn tắt trình bày hệ thống luân lý triết học của Phật giáo. Tầm quan trọng của Tâm, lấy Tâm làm khuôn vàng thước ngọc để đo lường giá trị luân lý. Định luật nhân quả (nghiệp báo) trong Phật giáo, vấn đề đau khổ và hạnh phúc, trách nhiệm cá nhân v.v... cùng với hai thí dụ lấy ngay trong đời sống quen thuộc hằng ngày, tất cả bấy nhiêu được diễn đạt trong hai câu đầu của Phẩm Song Yêu.

Những câu có liên quan đến tâm sân và sự dập tắt lòng sân hận có một ý nghĩa đặc biệt giữa thời đại nguyên tử này, sức mạnh chắc chắn phải đương đầu với sức mạnh, bom đạn sẽ gặp bom đạn, hận thù sẽ đối diện hận thù. Báo oán, trả thù không bao giờ đi đến hòa bình, an tịnh. Lời Đức Phật khuyên dạy hàng tín đồ bất bạo động của Ngài là: Sân hận không bao giờ dập tắt sân hận, chỉ có tình thương mới diệt sân hận. Mettā, tâm từ ái là giải đáp duy nhất trước bom đạn của thời hiện đại.

Trình độ luân lý cao thượng mà Đức Phật ước mong những tín đồ lý tưởng của Ngài sẽ đạt đến cũng được mô tả trong vài câu. Hai câu cuối cùng của Phẩm đầu cho thấy rõ thái độ của đức Phật đối với cách học từ chương và pháp hành thực tiễn. Như vậy, giáo pháp được ví dụ như chiếc thuyền để độ chúng sanh vượt qua đại dương của vòng luân hồi. Chỉ riêng câu cuối cùng cũng đủ cho trọn vẹn một đời sống thầy tỳ khuru lý tưởng.

Câu chuyện hoàng tử Nanda, người em cùng cha khác mẹ với đức Phật, hiển nhiên cho thấy làm cách nào đức Phật dùng oai lực thần thông để biến đổi một thầy tỳ khuru có tinh thần ươn yếu, đang ôm ấp tham dục tai hại trở thành một cá tánh trong sạch, một tinh thần tráng kiện.

Vì nặng lòng tôn kính đức Phật, mặc dù không vui, Hoàng Tử thọ lễ xuất gia ngay trong ngày lễ cưới của mình, nhưng tỳ khuru Nanda luôn luôn tưởng nhớ vị tân nương của mình và không cố gắng tu hành. Thay vì áp dụng phương pháp răn dạy trực tiếp, đức Phật sắp đặt một phương kế thực tiễn và hữu hiệu để đưa sự chú tâm của tỳ khuru Nanda về một đối tượng tương tự, thoáng qua hình như đáng ưa thích hơn, và thành công làm cho vị này đắc quả A La Hán (xem câu 13 và 14).

Hai Phẩm đầu đề cập đến phần luân lý trong Phật giáo và được xem là đồng quan trọng cho cả hai đời sống, xuất gia và tại gia.

Phẩm thứ hai là câu giải đáp hùng biện những lời chỉ trích Phật giáo là một tôn giáo thụ động, tiêu cực. “Appamāda Không Phóng Dật” là một phạm ngữ bao hàm ý nghĩa chú tâm, cẩn mật, thận trọng, trang nghiêm chuyên cần, giác tỉnh v.v... là tựa của phẩm thứ hai.

Chính câu đầu tiên của phẩm này đã đổi hẳn tâm tánh của vua Asoka, vị minh quân, trước kia có tên là Asoka con người tội lỗi vì những hành động tàn bạo và ác độc của ông khi chưa biết Phật pháp.

Đôi khi chỉ một câu nói giản dị như vừa kể trên hay một hàng chữ đơn độc như “không nên tìm thỏa thích trong hương vị của thế gian mà phải trau giồi đời sống ần dật,” hay chỉ vồn vẹn của một chữ có nhiều ý nghĩa như “chuyên cần” cũng đủ cho trọn một kiếp sống.

Câu 24 đề cập đến những nguyên nhân tạo nên tiến bộ vật chất, cho thấy rằng Phật giáo không hoàn toàn xuất thế, không đứng ngoài thế gian vật chất, như có vài lời chỉ trích vội vã có khuynh hướng làm cho người ta nghĩ như vậy.

Phẩm thứ ba có một ý nghĩa đặc biệt giúp ta thấu hiểu quan niệm của Phật giáo về Tâm và tầm quan trọng của việc kiểm soát Tâm.

Những phẩm Hoa, Người Ngu, Hiền Trí, Ác, Thế Gian, An Lạc, Hỷ Ái, Địa Ngục, Ái Dục tỏ ra rất hữu ích cho những ai còn say đắm dục lạc. Bản chất vô thường tạm bợ của

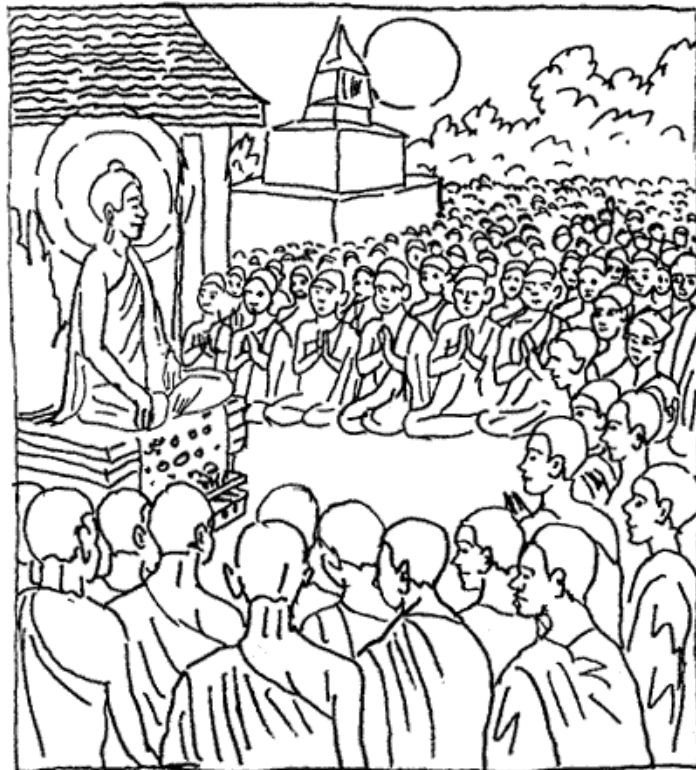
khoái lạc vật chất và nếp sống phải có của ta trong một thế gian tương tự cũng được chỉ dẫn trong những phẩm này.

Những phẩm Phật, A La Hán, Bà La Môn sẽ thích hợp đặc biệt với những người có trình độ tư tưởng cao. Các phẩm này diễn tả tâm trạng của những nhân vật thật sự giác ngộ.

Tất cả những ngôn từ của Kinh Pháp Cú đều được đức Phật dùng rất giản dị để cho mọi người đều hiểu được. Như thí dụ cái bánh xe lăn theo vật kéo xe, bóng theo người, mái nhà khéo lợp, một làng đang say ngủ, ao hồ sâu thẳm và trong veo, hoa có hương thơm, ong hút mật v.v... Trí tuệ của đức Phật đã tỏ rạng trong cách trình bày chân lý cao thâm với những danh từ thông thường, dễ hiểu, không rườm rà và phiền phức.

Đọc những bài kệ trong Kinh Pháp Cú, chúng ta cảm thấy như thân nghe chính lời Phật dạy từ hơn hai ngàn năm vọng lại trở thành bất hủ với mọi thời gian.

Những Phật ngôn này rất có lợi ích, áp dụng thật sự vào đời sống hằng ngày và chắc hẳn được hạnh phúc như trong Pháp Cú: “Người thấm nhuần Giáo Pháp sống hạnh phúc.”





## Phẩm thứ nhất – Phẩm Song Yếu

Từ ngữ “Yamaka - Song Yếu” dịch là Song Đối, là một cặp, một đôi. Phẩm Song Yếu này có 20 câu, gồm mười đôi những câu song đối với nhau.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ nhất:

Manopubbarigamā dhammā	<i>Ý dẫn đầu các Pháp</i>
Manoseṭṭhā manomayā	<i>Ý làm chủ, ý tạo</i>
Manasā ce paduṭṭhena	<i>Nếu với ý ô nhiễm</i>
bhāsati vā karoti vā	<i>Nói lên hay hành động</i>
Tato naṃ dukkhamanveti	<i>Khổ nào bước theo sau</i>
cakkam' vā vahato padam	<i>Như xe, chân vật kéo</i>

Đại ý: Tâm dẫn đầu các Tâm Sở (bất thiện). Tâm là chủ. Tâm tạo tất cả (các Tâm Sở Bất Thiện). Nếu nói hay làm với Tâm ác, do đó đau khổ sẽ theo liền với ta như bánh xe lăn theo vật kéo xe (P.C.1).

Trong kệ pháp đầu tiên, danh từ “Dhamma” có ý nghĩa là các Tâm Sở hiện bày về nghiệp lực (Kamma hay Karma), tức là “Tâm Sở Tư Tác Ý – Cetanācetasika” và những Tâm Sở khác cùng nằm chung trong một loại Tâm, thiện hay bất thiện. Tại nơi đây, Dhamma là những Tâm Sở xấu, bất thiện. Nếu không có Tâm hay Thức, tất nhiên các Tâm Sở không thể phát sanh. Do đó tâm là cái đến trước, tâm dẫn đầu tất cả các Tâm Sở Thiện và Bất Thiện. Nói đến Tâm, ta nói đến tứ ý nghĩa của Tâm là:

- Trạng thái: Biết cảnh (Ārammaṅgānalanakkhaṇam).
- Phân sự: Dẫn dắt các Tâm Sở (Pubbaṅgamarasaṃ).
- Thành trụ: Nối nhau liên tiếp (Sandahanapaccupaṭṭhānam).
- Nhân cần thiết: Có Danh và Sắc (Nāmarūpapadaṭṭhānam)

Và tứ nhân sanh Tâm là:

Nghiệp quá khứ (Atītakamma): là những hành động thiện hay bất thiện trong quá khứ tạo ra quả hiện tại. Thành quả ấy phần chánh yếu phải nói là các Tâm Quả.

Tâm Sở (Cetasika): là những thành phần phụ thuộc của Tâm. Có bốn ý nghĩa về Tâm Sở là:

- Đồng sanh với Tâm (Ekuppāda): Tâm Sở sanh cùng lúc với Tâm, không có việc Tâm Sở sanh trước hay sanh sau với Tâm.
- Đồng diệt với Tâm (Ekanirodha): Tâm Sở diệt cùng lúc với Tâm, không diệt trước cũng không diệt sau.

- Đồng cảnh với Tâm (Ekālabana): Tâm Sở đồng cùng tiếp thu chung một với Tâm.
- Đồng trú một căn với Tâm (Ekavatthuka): Tâm Sở cùng trú một căn với Tâm, như Tâm nương nhãn căn sanh thì Tâm Sở cũng nương nhãn căn sanh v.v...

Cảnh (Āramma): là đối tượng của Tâm. Tâm biết cảnh, những chi bị Tâm biết gọi là cảnh. Nếu không có cảnh thì không có Tâm, có Tâm thì có cảnh. Không có cảnh sắc thì không có nhãn thức, không có cảnh thanh thì không có nhĩ thức v.v...

Khi có đủ cả bốn trường hợp trạng thái trên, do vậy được gọi là Tâm Sở.

Do đó Tâm không thể không có Tâm Sở. Như vậy, Tâm không là một đơn vị thuần nhất, mà là sự tổng hợp nhiều thành phần với nhau. Ví như phim không thể chụp hình được, mà cần phải có máy chụp hình, gồm có ống kính, bộ phận ánh sáng v.v... thì phim mới ghi nhận được cảnh sắc.

Vật (Vatthu): là sắc thân kinh, chỗ nương của Tâm thức. Như thân kinh nhãn là chỗ nương của Nhãn thức, thân kinh nhĩ là chỗ nương của Nhĩ thức v.v...

Tâm dẫn đầu mọi hành động và tác dụng như thành phần chánh yếu trong khi tác hành, cũng như trong khi quyết định hoạt động. Chính Tâm điều khiển tạo tác hành động bằng thân, lời và ý.

Trong các Tâm Sở, Tâm Sở Tư Tác Ý là quan trọng hơn hết. Chính Tư Tác Ý tạo nghiệp cho nên đức Phật ngài nói “Cetanaham bhikkavekammam vadāmi. Này chư tỳ khuru, nghiệp là Tư Tác Ý.” Và cũng nên biết có Câu Sanh Nghiệp và Dị Thời Nghiệp.

Câu Sanh Nghiệp là Tư Tác Ý đang cùng sanh với Tâm.

Dị Thời Nghiệp là mãnh lực sẽ tạo quả và sắc nghiệp do Tâm. Sở Tư hợp với Tâm Thiện hay Bất Thiện để ảnh hưởng lại.

Qua hệ Pháp Cú này, đức Phật nhấn mạnh vào vai trò rất quan trọng của Tâm trong đời sống con người, và từ đó đức Phật giải thích bằng cách nào hành động có thể trở nên tốt hay xấu, thiện hay bất thiện tùy thuộc vào Tâm. Cuối cùng, Ngài nhắc đến những hậu quả dĩ nhiên phải có của chính những hành động tạo tác. Chỉ đến cả những bậc A La Hán là những bậc hoàn toàn trong sạch vì đã tận diệt mọi khát vọng, các ngài đã chấm dứt mọi hành động để tạo nghiệp báo; tuy nhiên, các ngài vẫn còn có thể gặt hái quả lành hay dữ của nghiệp đã tạo trong quá khứ cho đến hết kiếp sống cuối cùng, viên tịch Níp Bàn.

Manopubbaṅgamā dhammā  
manoseṭṭhā manomayā  
manasā ce pasanrena  
bhāsati vā karoti vā

*Ý dẫn đầu các pháp  
Ý làm chủ, ý tạo  
Nếu với ý thanh tịnh  
Nói lên hay hành động*



Tato nam sukhananveti  
Chāyā' va anapāyinī

*An lạc bước theo sau  
Như bóng không rời hình.*

Đại ý: Tâm dẫn đầu các Tâm Sở (Thiện). Tâm làm chủ. Tâm tạo tất cả (các Tâm Sở Thiện). Nếu nói hay làm với Tâm trong sạch, do đó hạnh phúc sẽ theo liền với ta như bóng không bao giờ rời hình (P.C. 2).

Trong kệ pháp thứ hai này, danh từ “Dhamma” cũng có ý nghĩa là các Tâm Sở hiện bày về nghiệp lực, tức là “Tâm Sở Tư Tác Ý,” và tại nơi đây Dhamma là Tâm Sở thiện, tịnh hảo. Do đó, cho ta thấy hành động tạo tác thiện lương và cho kết quả an lành.

Qua hai kệ Pháp Cú mang tính chất song đối này, đức Phật muốn chỉ dẫn cho chúng ta thấy hai trường hợp khác nhau để chỉ rõ hậu quả dĩ nhiên phải có của những hành động tốt cũng như xấu.

Con người gặt hái những gì đã gieo trong quá khứ hay hiện tại. Cái mà con người đang gieo bây giờ, con người phải gặt hái, hoặc ngay trong hiện tại, hoặc một lúc nào trong vị lai vào một cơ hội thích ứng. Chính con người lãnh lấy trách nhiệm tạo cho mình hạnh phúc hay khốn cùng. Con người tạo cho mình thiên đàng hay địa ngục. Con người xây dựng số phận cho chính mình. Cái mà con người làm ra, hợp lại, con người có thể phá tan, tháo mở ra được.

Phật giáo giảng dạy trách nhiệm của mỗi người đối với chính mình, và tánh cách dĩ nhiên phải có, không thể lẫn tránh của định luật nhân quả.

Ta gặt hái tương xứng với những gì mà ta đã gieo trồng. Nhưng không bắt buộc phải gặt hết tất cả hậu quả của những gì đã gieo trồng. Nếu phải gặt hái tất cả ắt không thể có giải thoát.

Akkocchi maṃ, avadhimaṃ,  
ajinimaṃ ahāsime  
ye taṃ upanayhanti,  
veraṃ tesaṃ na sammati

*“Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi.”  
Ai ôm niềm hận ấy,  
Hận thù không thể nguôi.*

Đại ý: “Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giật tôi.” Lòng sân hận không nguôi trong tâm của người còn ôm ấp những ý tưởng tương tự (P.C. 3).

Akkocchi maṃ, avadhimaṃ,  
ajinimaṃ ahāsime  
ye taṃ na upanayhanti,  
veraṃ tesūpasammati

*“Nó mắng tôi, đánh tôi,  
Nó thắng tôi, cướp tôi.”  
Không ôm niềm hận ấy  
Hận thù được tự nguôi.*

Đại ý: “Nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiến thắng tôi, cướp giật tôi.” Lòng sân sẽ nguôi ngoài trong tâm của người không ôm ấp những ý tưởng tương tự (P.C. 4).

Qua kệ Pháp Cú 3 và 4, đức Phật hằng khuyên dạy hàng tín đồ không nên trả thù báo oán, mà phải hành pháp nhẫn nại, luôn luôn trong mọi trường hợp, ở mọi nơi, trước mọi khiêu khích. Đức Phật tán dương những ai sẵn sàng chịu đựng lỗi lầm của kẻ khác, mặc dầu trong tay có đủ quyền lực để trả thù. Thể hiện nhất là đức Phật luôn luôn hành pháp nhẫn nại, dầu lắm khi Ngài cũng bị chỉ trích thậm tệ, bị chưởi mắng và bị tấn công. Nhẫn nại không bao giờ là dấu hiệu của sự uơ hèn yếu kém, hay chủ bại, đầu hàng, mà trái lại là sức mạnh bất khuất của con người tự chủ.

Subhānupassim viharantaṃ indriyesu asaṃvutaṃ bhojanamhi amattaññuṃ kusītaṃ hīnavīriyaṃ taṃ ve pasahati Māro vāto rukkhaṃ'va dubbalaṃ	<i>Ai sống nhìn tịnh tướng, Không nhiếp hộ các căn, Ăn uống thiếu tiết độ, Biếng nhác, chẳng tinh cần Ma uy hiếp kẻ ấy Như gió, cây mềm yếu.</i>
---	--

Đại ý: Người hằng suy tưởng đến lạc thú, lục căn không thu thúc, ẩm thực vô độ, đã đuối, dễ đuối, người ấy chắc chắn sẽ bị Ma Vương lôi cuốn, không khác nào gió (cuốn) cội cây mềm (P.C. 7).

Asubhānupassim viharantaṃ indriyesu susaṃvutaṃ bhojanamhi ca mattaññuṃ saddhaṃ āraddhavīriyaṃ taṃ ve nappasahati Māro vāto selaṃ'va pabbattaṃ	<i>Ai sống quán bất tịnh Khéo nhiếp hộ các căn Ăn uống có tiết độ Tín tâm, siêng, tinh cần Không bị Ma uy hiếp Như núi đá trước gió.</i>
--	--

Đại ý: Người hằng suy niệm về những “uế trược,” thu thúc lục căn, ẩm thực điều độ, niềm tin vững chắc, kiên trì tinh tấn, người ấy, Ma Vương không hề lôi cuốn, như gió không thể cuốn thạch sơn (P.C. 8).

Qua hai kệ Pháp Cú 7 và 8 chỉ để dạy chư vị tỳ khưu, những người đã chú nguyện sống đời Phạm Hạnh Thiêng Liêng. Câu 7 chỉ con đường vật chất, thỏa mãn nhục dục; câu 8 là con đường tinh thần, tự chế, tự kiểm và phạm hạnh. Nên nhận định rằng Phật giáo cung ứng một lối sống cho hàng xuất gia và một lối khác cho người tại gia cư sĩ.

Theo Phật giáo, Pháp học sẽ không bỏ ích nếu không thực sự thực hành điều đã học. Như vậy, Phật giáo không phải là một triết học suông mà là con đường Giác Ngộ duy nhất.





## Phẩm thứ hai – Phẩm Không Phóng Dật

Từ ngữ “Appamāda” dịch là không phóng dật, không chao động, không lay chuyển, bất khinh suât; có nghĩa là luôn luôn giữ tâm niệm, luôn luôn thận trọng, hay biết mình đang làm việc gì. Phẩm Không Phóng Dật có 12 câu, gồm những câu khuyên thiện, nhắc nhở hành động thiện, tạo thiện nghiệp.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai mươi mốt:

Appamādo amatapadam	<i>Không phóng dật, đường sống</i>
Pamādo maccuno padam	<i>Phóng dật là đường chết</i>
Appamattā na mīyanti	<i>Không phóng dật, không chết</i>
Ye pamattā yathāmatā	<i>Phóng dật như chết rồi.</i>

Đại ý: Không phóng dật là con đường bất diệt. Phóng dật đưa đến diệt vong. Người chuyên niệm, không chết. Kẻ phóng dật cũng như chết (P.C. 21).

Kệ Pháp Cú này nêu lên hai con đường đang trải ra. Với trạng thái chuyên cần chú niệm, không phóng dật đưa chúng ta đến con đường bất diệt (amata) của Níp Bàn là mục tiêu tối hậu của người Phật tử. Với trạng thái buông lung phóng túng, dễ dãi quên mình sẽ đưa chúng ta đến con đường diệt vong (maccuno) của vòng sanh tử luân hồi (vattasamsāra), còn phải tái sanh.

Một khía cạnh khác, không nên hiểu rằng những người không phóng dật là mãi không chết, bất tử. Không một chúng sanh nào không chết, chí đến chư Phật và chư vị A La Hán cũng phải chết. Ý nghĩa nơi đây là người không phóng dật, có tâm niệm được chứng ngộ Níp Bàn thì không còn tái sanh lại nữa và như vậy là không chết. Người còn phóng dật được xem như đã chết với ý nghĩa còn dễ dãi, tạo các ác nghiệp, không làm các việc lành, nên còn phải chịu nghiệp báo do mình tạo tác, do vậy còn phải tái sanh.

Đức Phật hằng khuyên chúng ta nên tăng tiến việc lành, nỗ lực gia công, liên tục kiên trì, không nên dễ dãi phóng dật, hằng được an vui Níp Bàn.

Níp Bàn (Nibbāna) là kết nối từ chữ “Ni + Vāna” là không (Ni) có rừng rậm (vāna) phiền não, là đã tách rời xa khỏi ái dục. Níp Bàn là trạng thái siêu thế có thể thành tựu được chính trong kiếp sống này. Cũng có thể giải thích Níp Bàn là sự dập tắt mọi dục vọng, nhưng không phải là trạng thái hư vô. Níp Bàn là trạng thái hạnh phúc trường cửu, khi thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau, là kết quả của sự dập tắt hoàn toàn mọi dục vọng.

Đứng về phương diện siêu hình, Níp Bàn là dập tắt đau khổ phiền não. Về phương diện tâm lý, Níp Bàn là diệt trừ tự ngã. Về phương diện luân lý, Níp Bàn là tận diệt mọi tham sân si.

Sự không dễ duôi, không phóng dật cho mình chưa gọi là đủ. Đức Phật hằng khuyên chúng ta hãy cố gắng nỗ lực bằng chính bản thân hầu tạo cho mình chính thực an vui.

Utthānenappamādena	<i>Nỗ lực, không phóng dật</i>
Saññamena damena ca	<i>Tự điều, khéo chế ngự</i>
dīpaṃ kariyātha medhāvī	<i>Kẻ trí xây hòn đảo</i>
Yaṃ ogho nābhikīrati	<i>Nước lụt khó ngập tràn.</i>

**Đại ý:** Do kiên trì tinh tấn, nhiệt tâm, đạo hạnh và tự chế, người thiện trí tự tạo cho mình một hải đảo mà không con lụt nào tràn ngập được (P.C. 25).

Một hòn đảo nổi cao trên mặt nước không thể bị ngập lụt mặc dầu những bãi đất thấp chung quanh có thể bị. Một hòn đảo như thế là nơi an toàn cho tất cả. Cùng thế ấy, bậc thiện trí thức trau dồi tuệ minh sát, phải tự biến mình thành một hải đảo bằng cách nỗ lực kiên trì tu tập thành tựu đạo quả A La Hán, và như vậy thì không còn bị lôi cuốn bởi bốn dòng nước dững mạnh (ogha - bạo lưu) của :

- Dục Bạo lưu (Kāmogha): Là chúng sanh bị trảm nịch ở trong dòng nước dững mạnh của Ngũ Dục.
- Hữu Bạo lưu (Bhavogha): Là chúng sanh bị trảm nịch ở trong dòng nước dững mạnh của Sắc Giới, Vô Sắc Giới.
- Kiến Bạo lưu (Ditthogha): Là chúng sanh bị trảm nịch ở trong dòng nước dững mạnh của sự thấy sai (tà kiến).
- Vô Minh Bạo lưu (Avijjogha): Là chúng sanh bị trảm nịch ở trong dòng nước dững mạnh của sự mê hoặc, sự ngu xuẩn.

Tất cả những sự việc ấy, đều do sự cố gắng nỗ lực, khởi đầu từ sự không phóng dật, tạo những thiện sự.

Người không dễ duôi luôn có bốn trạng thái như sau:

- Không thù oán, bất bình (abyāpanno)
- Luôn có được trí nhớ (sadāsato)
- Giữ gìn thiền định trong tâm (ajjhataṃ)
- Cố gắng dứt lòng tham muốn (appajjhāvinaye sikkhaṃ)

Ngoài ra ở những kệ Pháp Cú còn lại trong phẩm Không Phóng Dật, đức Phật chỉ rõ cho chúng ta phương cách đưa đến sự chuyên niệm bằng con đường rèn luyện tâm, phương pháp gom tâm an trụ vào một điểm, và trở nên an tịnh bằng thiền định thì hằng đạt được an lạc lớn.

Māpamādamanuyuñjetha	<i>Chớ sống đời phóng túng</i>
mā kāmaratisanthavaṃ	<i>Chớ say mê dục lạc</i>
appamatto hi jhāyanto	<i>Không phóng dật, thiền định</i>

---

pappoti vipulam sukham

*Đạt được an lạc lớn.*

Đại ý: Không dễ duôi trong sự phóng dật. Không đeo níu dục lạc. Đúng thật vậy, người chuyên cần hành thiền gặt hái phước báu dồi dào (P.C. 27).

Appamatto pamattesu  
suttesu bahujāgaro  
abalassam'va sīghasso  
hitvā yāti sumedhaso

*Tỉnh cần giữa phóng dật  
Tỉnh thức giữa quân mê  
Người trí như ngựa phi  
Bỏ sau con ngựa hèn.*

Đại ý: Chú niệm giữa đám phóng dật, tỉnh giữa đám mê, bậc thiện trí tiến nhanh như tuần mã truy phong, bỏ lại phía sau con ngựa què già yếu (P.C. 29).

Ở đây, hành thiền bao hàm cả hai nghĩa, một là Thiền Chỉ (Samatha) định tâm an trụ vào một đối tượng (Kasīnā), và hai là Thiền Quán (Vipassanā) hành Tứ Niệm Xứ, theo dõi chú tâm qua bốn chỗ là Thân, Thọ, Tâm, Pháp của chính mình.

Pamādam appamādena  
yadā nudati paṇḍito  
paññāpāsādamāruya  
asoko sokinim pajam  
pabbatatto'va bhummattthe  
dhīro bāle avekkhati.

*Người hiền đẹp buông lung  
Vội hạnh không phóng dật  
Leo lầu cao trí tuệ  
Bậc trí, không âu lo,  
Nhìn chúng sanh sầu muộn  
Chẳng khác đứng núi cao  
Nhìn kẻ ngu, đất bằng.*

Đại ý: Khi dùng tâm niệm đẩy lui phóng dật, người có trí kiến (chơn chánh) thoát khỏi phiền não, vượt lên tận đền đài trí tuệ, và nhìn xuống đám người đau khổ như người khéo trèo núi, lên đến đỉnh tuyết cao, nhìn lại đám vô minh còn ở dưới đất bằng (P.C. 28).

Chư vị A La Hán với nhất tâm định tĩnh, vượt thoát khỏi mọi phiền não, dùng nhãn quan siêu nhiên của các ngài để từ bi nhìn lại đám đông chúng sanh do vô minh che lấp nên còn phải chịu khổ đau trong sanh tử luân hồi triền miên.

Appamādarato bhikkhu  
pamāde bhayadassivā  
saññojanam anum thūlam  
ḍaham aggī va gacchati

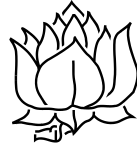
*Vui thích không phóng dật  
Tỳ khuru sợ buông lung  
Bước tới như lửa hừng  
Thiên kiết sử lớn nhỏ.*

Đại ý: Vị tỳ khuru thích thú trong việc chuyên cần chú niệm và nhìn phóng dật với tâm sợ hãi sẽ tiến bộ như lửa, thiêu đốt mọi thằng thục lớn nhỏ (P.C. 31).

Với con đường tu tập (bhāvanā) gom tâm và chú niệm vào “Chỉ - Quán,” khắc phục được phóng dật, đưa đến trí kiến thông suốt bản chất thực tướng của mọi sự vật (được bao phủ

bởi tam tướng là vô thường, khổ não, vô ngã), hiểu sự vật như thực, chứng ngộ chơn tướng của sự vật, thoát khỏi mọi trói buộc của thế gian.

Tinh hoa của nền luân lý Phật giáo có thể tóm tắt trong danh từ “Appamāda - Không Phóng Dật,” sống kỹ cương chú niệm.





## Phẩm thứ ba – Phẩm Tâm

Từ ngữ “Citta” xuất nguyên từ căn “Cit” suy nghĩ. Theo bản chú giải, Citta là cái gì hay biết cảnh, biết đối tượng (cinteti: vijānāti).

“Ārammaṇa cintetīti: Cittaṃ” Pháp nào thường luôn biết cảnh gọi là Tâm.

“Cintenti sampayutta dhammā etenāti: Cittaṃ” Pháp tương ưng (là các Tâm Sở) thường nương vào Pháp thành nhân cho được biết cảnh, Pháp ấy gọi là Tâm.

“Cintanamattaṃ: Cittaṃ” Biết gọi là Tâm.

“Cittī karotīti: Cittaṃ” Pháp mà làm cho sự sanh hoạt của tất cả chúng sanh cho sai biệt, Pháp ấy gọi là Tâm.

Theo Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapiṭaka), bộ Dhammasaṅgāni (Pháp Tụ) có nói về Tâm như sau:

“Katamaṃ tasmim samaye cittaṃ hoti yaṃtasmim samaye cittaṃ mano mānaṃ hadayaṃ paṇḍharaṃ mano manāyatamaṃ manindriyaṃ viññānaṃ viññānakkhandho tajjā manoviññānadhātu idaṃ tasmim samaye cittaṃ hoti”.

Tâm trong khi có như thế nào? Khi nào phát sanh: Tâm, Ý, Tâm tánh, Ý vật, thuần tịnh, Ý, Ý xứ, Ý quyền, Thức, Thức uẩn, Ý thức giới thì khi ấy có Tâm.

Theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì “Citta, Ceta, Cittuppāda, Nāma, Mana, Viññāna” được xem như đồng nghĩa. Không có sự khác biệt giữa Tâm và Thức. Khi phân tích cái được gọi là chúng sanh làm hai phần, vật chất và tinh thần, thì phần tinh thần hay là phần tâm linh được gọi là Danh (Nāma). Khi phân tích chúng sanh ra làm Ngũ uẩn (pañcakkhandha) thì phần ấy được gọi là Thức (Viññāna). Còn danh từ “Citta” thì luôn được dùng khi đề cập đến những loại Tâm sai khác nhau, như chia Tâm theo cõi giới (bhūmi - địa giới) là:

Tâm Dục Giới (Kāmāvacaracitta): là những tâm thường biết về cảnh Dục.

Tâm Sắc Giới (Rūpāvacara citta): là những tâm thường biết về cảnh Sắc Giới, những tâm Thiên Sắc Giới.

Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacara citta): là những tâm thường biết về cảnh Vô Sắc Giới, những tâm Thiên Vô Sắc Giới.

Tâm Siêu Thế (Lokuttara citta): là những tâm có đối tượng là Níp Bàn.

Hoặc phân chia Tâm theo năng lực tạo tác, hành động:

Tâm Bất Thiện (Akusala citta): Thường phát sanh từ Tham, Sân, Si.

Tâm Thiện (Kusala citta): Thường phát sanh từ những căn Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Tâm quả dĩ thực (Vipāka citta): Thường phát sanh như hậu quả dĩ nhiên của các loại tâm Thiện và Bất Thiện.

Tâm Duy Tác (Kiriya citta): Là những Tâm thường không có hiệu lực về phương diện nghiệp báo, chỉ thuộc về cơ năng, chỉ có hành động nhưng không có kết quả của hành động, dành riêng cho các vị A La Hán.

Phẩm Tâm có mười một câu, gồm những câu khuyên dạy chúng ta nên hướng Tâm về điều thiện và xa lánh những điều bất thiện hầu đem lại cho chúng ta sự hạnh phúc.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba mươi sáu :

Saduddasaṃ sunipunam	<i>Tâm khó thấy, tế nhị</i>
Yatthakāmanipātinam	<i>Theo dục vọng quay cuồng</i>
cittam rakkhetha medhāvi'	<i>Người trí phòng hộ tâm</i>
cittam guttaṃ sukhāvaham	<i>Tâm hộ, an lạc đến.</i>

Đại ý: Rất khó tri giác cái Tâm. Tâm vô cùng vi tế. Người thiện trí canh phòng Tâm. Tâm được canh phòng nghiêm ngặt dẫn đến hạnh phúc.

Với cái Tâm vô hình, không có hình thể, không có màu sắc, sanh diệt mau lẹ, phóng đi khắp nơi nên rất khó kiểm soát. Với cái “Tâm viên Ý mã” như thế, người trí phòng hộ Tâm với hai pháp là:

Niệm (Sati): Là sự ghi nhớ, không lơ đãng.

Tỉnh giác (Sampajañña): Là sự hiểu biết vi tế, sự hiểu biết rõ rệt, rõ thấu bản thể, sáng suốt tỉnh thức, sự biết mình.

Khi cái Tâm được kiểm soát thì hằng đem lại hạnh phúc.

Thông thường Tâm phát sanh theo hai chiều hướng, một chiều hướng tốt lành, một chiều hướng xấu xa. Trong chú giải của Tương Ứng Kinh có ghi rằng:

Cittema mi'yate lokoCittena parikassati  
Cittassa ekadhammassaSabbeva vasamanvagū

Thiện tâm thường dẫn chúng sanh đi thiện thú (sugati). Bất Thiện Tâm lôi kéo chúng sanh vào khổ thú (duggati). Tất cả chúng sanh thường luôn hiện hành theo mãnh lực của Tâm.

Do đó nếu không khéo kiểm soát, tỉnh giác cái Tâm, để cái Tâm phát triển theo chiều hướng xấu thì hậu quả rất là tai hại.

Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā	<i>Kẻ thù hại kẻ thù</i>
verī vā pana verinaṃ	<i>Oan gia hại oan gia</i>
micchāpaṇihitaṃ cittaṃ	<i>Không bằng tâm hướng tà</i>



pāpiyo naṃ tato kare

*Gây ác cho tự thân.*

Đại ý: Bất luận điều (nguy hại) nào mà kẻ thù có thể gây cho kẻ thù, hay người oán hận cho người oán hận, một cái Tâm hướng về chiều ác có thể gây nguy hại còn to lớn hơn nhiều (P.C. 42).

Na taṃ mātā pitā kayirā  
Aññe vāpi ca ñātakā  
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ  
Seyyaso naṃ tato kare

*Mẹ cha và bà con  
Không thể làm gì hơn  
Không bằng tâm hướng chánh  
Khiến sở hành tốt đẹp.*

Đại ý: Điều mà không một người mẹ, một người cha, hay bất luận thân bằng quyến thuộc nào có thể làm được, tâm hướng thiện có thể và nhờ đó, đưa ta lên (P.C. 43). Đức Phật khuyên nên xem tâm hướng về điều bất thiện là kẻ thù tai hại nhất, và tâm hướng thiện có thể đem lại phước báu to lớn mà không một người cha hay người mẹ nào có thể đem lại.

Một cái Tâm đã được điều ngự thuần thực, không còn bị chi phối bởi các pháp thế gian, thật sự tự biểu biết thực tướng của mình, và thông suốt chân tướng của thế gian.







## Phẩm thứ tư – Phẩm Hoa

Phẩm Hoa có 16 câu, lấy hoa làm chủ đề với ngụ ý so sánh hoa với đời sống chánh hạnh của người đệ tử Phật.

Bông hoa có nhiều thứ nhiều loại, có những bông hoa hữu sắc hữu hương, có những loài hoa hữu sắc vô hương. Cũng như thế, đức Phật cũng dạy cho hàng đệ tử đời sống hữu ích với những hành động thiết thực lợi ích.

“Nhu cành hoa dễ mến, đẹp đẽ, nhưng không hương thơm, cũng như thế ấy, lời khéo nói nhưng không thực hành, không mang lại kết quả.” (P.C. 51).

“Nhu cành hoa dễ mến, đẹp đẽ lại có hương vị, lời nói hay của người có thực hành mang lại kết quả tốt đẹp.” (P.C. 52).

Với mọi hương thơm của các bông hoa hiện hữu trên thế gian, đức Phật vẫn tuyên bố rằng không bằng hương thơm của người có giới đức. Hương thơm của người có giới đức ngào ngạt tỏa cùng khắp mọi nơi.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ năm mươi bốn:

Na pupphagandho paṭivātaṃ eti  
Na candanaṃ tagaramallikā vā  
Satañ ca gandho paṭivātaṃ eti  
Sabbā disā sappuriso pavāti

*Không một hương hoa nào  
Bay ngược chiều gió thổi  
Dẫu là hoa Chiên đàn  
Già la hay Mạt ly  
Chỉ hương người đức hạnh  
Bay ngược chiều gió thổi  
Chỉ có bậc chân nhân  
Biến mãn bốn phương trời.*

Đại ý: Hương thơm của hoa không thể bay ngược chiều gió, trầm hương cũng vậy, gỗ tagara và hoa lài cũng thế, nhưng hương của giới đức bay ngược chiều gió, con người giới đức bay thấu khắp nơi (P.C. 45).

Hương của giới đức là hương thơm của người có giữ giới, người đang khép mình vào khuôn khổ của đời sống có kỷ cương giới luật, hầu tạo cho mình được an vui có lợi ích và gạt hái năm quả an lành:

Người giữ giới có nhiều tài vật, không bị nguy hại về sự dễ duôi (appamādādhikāranāni mahantaṃ bhogakkhandhaṃ adhigacchati).

Người giữ giới được danh thơm tiếng tốt và được tiếng là người bạn thiện trí thức (kalayano kittisaddo abbhugacchati).

Người giữ giới khi vào hội họp nơi đông người, không vì tánh xấu nét nhơ của mình mà phải hổ người cúi mặt (visarado upasankamati).

Người giữ giới khi thác được an vui, không bị loạn tâm (asammulhokālam karoti).

Người giữ giới khi rời bỏ xác thân được sanh về thiện thú (Kāgassapheda parammarana sugatim saggam lokam Upapajjati).

Sekho paṭhavim vijessati  
yamalokañca imam sadevakam  
Sekho dhammapadam sudesitam  
Kusalo puppham iva paccassati

*Chính là bậc Hữu Học  
Chinh phục cả địa giới  
Dạ Ma, thế gian này.  
Hữu học giảng Pháp Cú  
Như thợ khéo lựa hoa.*

Đại ý: Một môn đệ trong thời kỳ còn tu học sẽ thấu triệt quả địa cầu này, cảnh giới của Dạ Ma này và thế gian này cùng với chư Thiên. Một môn đệ trong thời kỳ còn tu học sẽ quán trạch Con Đường Giới Hạnh, vốn đã được quảng bá đầy đủ, giống như một chuyên viên làm tràng hoa sẽ bốc lên những cành hoa (P.C. 45).

Người đệ tử Phật phải biết chinh phục cái tự ngã của mình bằng con đường giới hạnh (thực hành ba mươi bảy nhân sanh quả giác ngộ - bodhipakkhiya dhamma). Và phải biết thấu triệt cái thể xác này tựa hồ như bọt nước, huyễn cảnh vì bản chất đổi thay, tạm bợ của nó, như bông hoa sớm nở tối tàn.

Pheṇūpamam kāyam imam veditvā  
maṛīcidhammam abhisambudhāno  
chetvāna Mārassa papupphakāni  
adassanam Maccurājassa gacche

*Biết thân như bọt nước  
Ngộ thân như huyễn cảnh  
Bè Ma mũi tên hoa  
Vượt tầm mắt thần chết.*

Đại ý: Biết rằng thể xác này tựa hồ như bọt nước và thấu triệt bản chất mờ ảo của nó, ta phải tiêu trừ những cành hoa của dục vọng (Ma Vương) và vượt qua tầm mắt của tử thần (P.C. 46).

Đời sống của chúng ta huân tập thiện lương, từ bỏ sự gây tổn hại người khác với bốn pháp mà người đệ tử Phật quán triệt:

Điều gì đem lợi ích ta mà gây tổn hại người là không nên làm.

Điều gì đem lợi ích ta và đem lợi ích người là nên làm.

Điều gì gây tổn hại ta và đem lợi ích người là không nên làm.

Điều gì gây tổn hại ta và gây tổn hại người là không nên làm.

Con bướm bay lượn trên các thứ hoa, lựa cành nào thơm ngọt đáp xuống say sưa hút nhụy. Người mộ đạo phải biết ý thức đâu là chánh giáo để thưởng thức mùi hương vi diệu.

Yathā pi bhamaro puppham

*Như ong đến với hoa*

vannagandham aṭṭhayam paleti rasam ādāya evaṃ gāme munī care.	<i>Không hại hương và sắc Lấy nhụy, che chở hoa Cũng vậy vị Sa Môn Ra vào giữa thôn làng.</i>
---	---

Đại ý: Như loài ong, chỉ hút mật của hoa rồi bay đi mà không làm tổn hại đến hương hay sắc của hoa, cũng thế ấy, đi đó đây trong làng mạc, người thiện trí phải như vậy (P.C. 49).

Đức Phật nêu cho chúng ta đời sống của những bậc phạm hạnh cao thượng cũng ví như loài ong vào hút mật hoa mà không gây tổn hại đến hoa, đó đây khắp nơi trong các làng mạc, bậc thiện trí không gây tổn hại bất cứ ai. Và luôn giữ thân, lời, ý trong sạch, nói sao làm vậy, nghĩ sao nói vậy không sai khác và cũng không tìm lỗi kẻ khác mà chỉ xem lại ở chính mình.

Na paresam vilomāni Na paresam katākatam attano va avekkhegya katāni akatānica.	<i>Không nên nhìn lỗi người Người làm hay không làm Nên nhìn tự chính mình Có làm hay không làm.</i>
--	--

Đại ý: Không nên tìm lỗi của kẻ khác, những điều chưa làm và những điều không làm của kẻ khác, mà phải tìm trong hành động của chính mình, những điều đã làm và những điều không làm (P.C. 50).

Yathāpi puppharāsimhā kayirā mālāguṇe bahū evaṃ jātena maccena kattabbam kusalam bahum	<i>Như từ một đồng hoa Nhiều tràng hoa được làm Cũng vậy, thân sanh tử Làm được nhiều thiện sự.</i>
---	---

Đại ý: Từ đồng hoa, người ta nhặt từng cánh để làm thành tràng hoa, cùng thế ấy, chúng sanh phải thấu nhặt nhiều lần những hành động tốt (P.C. 53).

Nhận biết tánh cách cao thượng hằng luôn ngủ ngầm bên trong mỗi chúng ta, đức Phật khuyên chúng ta nên cố gắng tạo nhiều việc thiện đặng có nhiều phước báu, cũng ví như từng chút một nhặt lại các cánh hoa làm thành tràng hoa.

Từ nước bùn dơ đục, hoa sen vượt lên đón lấy ánh sáng của mặt trời, bậc thiện trí giữ mình luôn được trong sạch tinh khiết, chói ngời giữa các người trần tục phàm phu.

Yathā sankāradhānasmim ujjhitasmim mahāpathe padumam tattha jāyetha sucigandham manoramam	<i>Như giữa đồng rác nhóp Quăng bỏ trên đường lớn Chỗ ấy hoa sen nở Thơm sạch, đẹp ý người.</i>
--	---

Đại ý: Như cành hoa sen với mùi thơm dễ mến có thể mọc trên một đồng rác bên đàng, cùng thế ấy, trí tuệ một môn đệ của đấng Toàn Giác chiếu sáng ngời rực rỡ giữa đám chúng sanh thấp kém và tối tăm (P.C. 58 và 59).

Evam saṅkārabhūtesu  
Andhabhūte puthujjane  
Atirocati paññāya  
Sammāsambuddhasāvako

*Cũng vậy giữa quần sanh  
Uế nhiễm, mù, phàm tục,  
Đệ tử bậc Chánh Giác  
Sáng ngời với tuệ trí.*

Phật giáo không lên án ai một cách vĩnh viễn, không khi nào cho ai là người phải chịu hư hỏng buồn lung mãi mãi, không thể cải hóa vì trong mỗi chúng sanh luôn sẵn có ẩn tàng tính chất tốt đẹp cao quý và thanh triệt, và như thực biết như thế, biết vận dụng và khai thác triệt để thì sẽ gặt hái được kết quả an vui, thoát phàm và giải thoát.





**Phẩm thứ năm – Phẩm Người Ngủ**

Phẩm Người Ngủ có 16 câu, nêu lên tính chất của người ngủ dại. Theo chú giải, danh từ có liên quan đến phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, đạo quả. Như vậy, không nên hiểu ngủ dại theo định nghĩa thông thường. Ngủ dại là nghịch nghĩa với phẩm hạnh cao thượng, tuệ minh sát, không đi trên đạo quả giải thoát, ẩn chứa trong mình ba căn bất thiện là tham sân si hằng liên hệ với việc làm sai lỗi và gặt hái những kết quả không an lành.

Với người ngủ dại, do vô minh che ám, đức Phật cho biết không thể biết được chân lý cao siêu, do vậy chịu khổ thật lâu dài trong vòng sanh tử luân hồi.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ sáu mươi:

Dīghā jāgarato ratti	<i>Đêm dài cho kẻ thức</i>
dīghaṃ santassa yojanaṃ	<i>Đường dài cho kẻ mệt</i>
dīgho bālānaṃ saṃsāro	<i>Luân hồi dài, kẻ ngu</i>
saddhammaṃ avijānataṃ	<i>Không biết chân diệu pháp.</i>

Đại ý: Đêm dài đối với người không ngủ. Người mệt mỗi thấy đường xa. Đối với kẻ điên cuồng, không hiểu chân lý cao siêu, con đường luân hồi quả thật là xa xôi diệu vợi.

Người ngủ do vô minh che đậy, do ác phước ràng buộc khởi lên quan điếm có thân này, có Danh Sắc ở ngoài. Vô minh ấy, người ngủ không đoạn tận. Tham ái, người ngủ không tận trừ. Do vậy, người ngủ khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác. Do đi đến một thân khác, vị ấy không giải thoát khỏi sanh già đau chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy người ngủ chịu khổ trong luân hồi dài.

Người ngủ do vô minh che đậy, không hiểu tri đây là khổ, không hiểu tri đây là khổ tập, không hiểu tri đây là khổ diệt, không hiểu tri đây là con đường đi đến khổ diệt; do vậy sanh chấp trước nhiễm đắm với những pháp thế gian nên triền miên mãi trong sanh tử luân hồi.

Đức Phật khuyên chúng ta nếu như muốn giao thiệp hoặc muốn kết bạn, ta phải biết lựa chọn, tránh kết hợp với những người ngủ dại vì gần gũi với những người ngủ dại, chẳng khác nào ta chung chạ với kẻ thù.

Caraṇ ce nādhigaccheyya	<i>Tìm không được bạn đường</i>
seyyaṃ sadisaṃ attano,	<i>Hơn mình hay bằng mình</i>
ekacariyaṃ dalhaṃ kayirā	<i>Thà quyết sống một mình</i>
natthi bāle sahaṃyatā	<i>Không bè bạn kẻ ngu.</i>

Đại ý: Trên bước thiên lý xa xôi, nếu người đệ tử không gặp được bạn đồng hành ngang hay hơn mình, thì hãy vững tiến trên con đường đơn độc của mình. Không nên kết hợp với người cuồng dại (P.C. 61).

Tuy nhiên, vì lòng bi mẫn, vì thương xót họ, ta có thể đến gần người ngu dại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp đỡ cho họ sáng suốt hơn, nhưng không nên để sự ngu dại của họ lây nhiễm lấy ta.

Với người ngu dại, do bản chất si mê khờ dại tiềm ẩn bên trong người, thì cho dù có dịp gặp được bậc thiện trí thức, người ngu cũng không thể nhận chân giá trị của giáo pháp.

Yārajīvam'pi cebālo	<i>Người ngu dần trọn đời</i>
paṇḍitaṃ payirupāsati	<i>Thân cận người có trí</i>
naso dhammaṃ vijānāti	<i>Không biết được Chánh Pháp</i>
dabbī sūparaṣaṃ yathā	<i>Như muông với vị canh.</i>

Đại ý: Người ngu dại, dầu sống chung suốt đời với người trí vẫn không hiểu Giáo Pháp hơn cái muông thường thức hương vị của canh mặc dù nằm trọn vẹn trong nồi canh (P.C. 64).

Được gần với bậc thiện trí thức, người ngu dại không tâm cầu những lời dạy bảo hữu ích. Bằng như có được nghe lời dạy bảo thì không biết vâng theo lời dạy ấy mà hành theo. Bằng như có vâng lời dạy nhưng chỉ chút ít, lại không chịu suy xét cho rõ ràng tường tận chín chắn, hoặc có suy xét mà không chịu thực hành thì sự thân cận ấy, đức Phật cho biết rằng cũng là vô ích, cũng như cái muông ngậm mãi trong nồi canh nhưng không được biết mùi vị của canh như thế nào.

Caranti bālā dumedhā	<i>Người ngu si thiếu trí</i>
amitten'eva attanā	<i>Tự ngã là kẻ thù</i>
karontā pāpakaṃ kammaṃ	<i>Làm các nghiệp không thiện</i>
yaṃ hoti katukapphalaṃ	<i>Phải chịu quả đắng cay.</i>

Đại ý: Người điên rồ thiên trí trở đi lộn lại với chính cái tự ngã của mình như kẻ thù, làm những việc ác mà hậu quả sẽ đắng cay (P.C. 66).

Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu	<i>Nghiệp làm không chánh thiện</i>
yaṃ katvā anutappati	<i>Làm rồi phải ăn năn</i>
yassa assumukho rodamaṃ	<i>Mặt nhuốm lệ, khóc than</i>
vipākaṃ paṭisevati	<i>Lãnh chịu quả dị thực.</i>

Đại ý: Hành động ấy không tốt, sau khi thực hiện, ta ăn năn hối hận và đến lúc gặt quả dữ, ta than khóc, lệ tuôn đầy mặt (P.C. 67).

Madhu'vā maññati bālo	<i>Người ngu nghĩ là ngọt</i>
-----------------------	-------------------------------



yāva pāpaṃ na paccati	<i>Ác nghiệp chưa chín muồi</i>
yadā ca paccati pāpaṃ	<i>Ác nghiệp chín muồi rồi</i>
atha bālo dukkhaṃ nigacchati	<i>Người ngu chịu khổ đau.</i>

Đại ý: Hành động xấu ngọt ngào như mật. Kẻ điên cuồng nghĩ như vậy khi quả dữ chưa trở. Nhưng lúc quả trở, họ sẽ đau khổ (P.C. 69).

Người ngu dại không biết tầm cầu sự lợi ích trong kiếp hiện tại và vị lai cho chính mình, dẫu trọn cả đời, gần bậc hiền triết cũng không hưởng được hương vị của các pháp lành; do đó chỉ biết say đắm trong các hành động bất thiện, tạo các ác nghiệp rồi một ngày khi hội đủ duyên khởi quả dữ trở sanh, người ngu phải gặt lãnh đau khổ, cảm xúc khô thò, thời sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực đi đến bất tỉnh; người ngu cảm giác như bị trói buộc, trói buộc bởi đau khổ.

Nhiều khi giữa người hiền trí và người ngu dại có sự sai biệt chỉ bằng gang tấc, tiến tới thành ngu, dừng lại là bậc thiện trí.

Yo bālo maññati bālyam	<i>Người ngu nghĩ mình ngu</i>
paṇḍito vāpi tena so	<i>Nhờ vậy thành có trí</i>
bālo ca paṇḍitamānī	<i>Người ngu tưởng có trí</i>
sa ve bālo'ti vuccati.	<i>Thật xứng gọi chỉ ngu.</i>

Đại ý: Người ngu mà biết mình ngu - vì lẽ ấy - là người trí. Ngu mà cho rằng mình có trí tuệ thì quá thật là ngu dại (P.C. 63).

Thông hiểu như thế, đức Phật khuyên bảo chúng ta nên cố gắng làm cho mình trở thành bậc hiền trí.

Añña hi lābhūpanisā	<i>Khác thay duyên thế lợi</i>
añña nibbānagaminī	<i>Khác thay đường Níp Bàn</i>
evaṃ etaṃ abhiññāya	<i>Tỳ khuru, đệ tử Phật</i>
bhikkhu Buddhassa sāvako	<i>Hãy như vậy thắng tri.</i>
sakkāraṃ nābhinandeyya	<i>Chớ ưa thích cung kính</i>
vivekam anubrūhaye	<i>Hãy tu hạnh viễn ly.</i>

Đại ý: Chắc như vậy, con đường dẫn đến lợi lộc của trần gian là một, và dẫn đến Níp Bàn là con đường khác. Thông hiểu như thế, thầy tỳ khuru, đệ tử Phật, không nên thỏa thích trong mùi danh bả lợi của thế gian mà phải trau dồi tâm dứt bỏ (P.C. 75).

Không nên thỏa thích những gì hiện thân của ngu muội, trau dồi tâm dứt bỏ, tu hạnh viễn ly, thắng tri các pháp, sự hiểu biết ngang qua thiền định, tạo thêm sức mạnh cần thiết để con người làm chủ được bản thân, làm chủ được hoàn cảnh, đưa đến một hiểu biết toàn diện, hoàn mãn, có khả năng đâm thủng vô minh, đoạn tận tham sân si, thành tựu sự chấm dứt khổ đau, cuối cùng là giải thoát.





## Phẩm thứ sáu – Phẩm Hiền Trí

Từ ngữ “Paṇḍita” dịch là Hiền Trí, bậc thiện trí thức, bậc trí tuệ.

Bậc thiện trí thức là bậc thấy xa hiểu rộng, có thể chỉ cho ta biết đường chánh phải theo, đường tà phải lánh. Được gọi là bậc hiền trí do hội đủ bảy pháp hiền triết (Sappurisadhamma) như sau:

Tri nhân: Hiểu biết rõ cái nhân, là biết sự hiền lành là cái nhân của sự an vui, sự hung ác là cái nhân của sự khổ não.

Tri quả: Hiểu biết rõ cái quả, là biết sự an vui là cái quả của sự hiền lành, sự khổ não là kết quả của sự hung ác.

Tri ngã: Hiểu biết rõ vị trí mình, là biết cái cảnh ngộ trình độ của mình đến đâu rồi hành theo cho phù hợp.

Tri độ: Hiểu biết chuyên nghề lành để nuôi sống và thường có tiết độ trong sự ăn uống.

Tri thời: Hiểu biết dùng thời giờ, biết giờ nào phải làm việc nào, không lộn xộn trong thời giờ đã qui định.

Tri hội: Biết tùy cơ ứng biến, là trong khi hội họp với nhiều người, biết cách đối phó và hành động nói năng cách nào cho dễ việc tiếp dẫn người.

Tri bỉ: Biết xem người, là biết người lành để thân cận, biết người ác để xa lánh.

Bất kỳ là dân tộc nào, người giàu sang hay nghèo khó, đàn ông hay đàn bà, bậc xuất gia hay tại gia, ai hội đủ bảy pháp thì được gọi là bậc hiền trí. Và có bốn nguyên nhân sanh khởi trí huệ.

Sự giao thiệp với bậc có thân ngữ ý lành gọi là bậc hiền trí (Sappūrisupassaseva).

Sự nghe pháp và cung kính vâng giữ những lời giảng dạy của bậc hiền trí (Saddhammassavana).

Sự suy xét cho triệt để các lời dạy bảo của các bậc hiền trí để hành theo (Yoni somanasikāra).

Sự gắng hành theo những pháp mà mình đã suy xét rồi (Dhammā nudhammapatipatti).

Phẩm Hiền Trí có mười bốn câu nêu lên những tính chất cao quý của người hiền trí, rất có ích cho chúng ta khi được gần gũi học hỏi với những người ấy.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ bảy mươi sáu:

Nidhinam'va pavattāram  
Yem passe vajjadassinam  
niggayhavādim medhāvim  
tādisam paṇḍitam bhaja  
tādisam bhajamānassa  
seyyo hoti na pāpiyo

*Nếu thấy bậc hiền trí  
Chỉ lỗi và khiển trách  
Như chỉ chỗ chôn vàng  
Hãy thân cận người trí  
Thân cận người như vậy  
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Đại ý: Nếu gặp người thiện trí chỉ cho ta những lỗi lầm và những điểm cần phải sửa sai, giống như người phát giác cho ta kho tàng bảo vật, hãy kết hợp với người như thế. Ai kết hợp với người như thế sẽ trở nên tốt, không xấu hơn (P.C. 76).

Vẫn biết rằng chúng ta sanh trong cõi đời này, tùy theo duyên nghiệp trước, kẻ nhiều người ít, ai cũng có sức mạnh của thân thể, của kiến thức và của trí tuệ để làm ăn nuôi sống. Nhưng muốn sự làm ăn của mình được dễ dàng, có kết quả tốt và muốn giữ mình cho đặng trong sạch hoàn toàn để hưởng sự an vui trong kiếp hiện tại và vị lai, ta cần phải có cái trí huệ để sáng suốt hơn nữa. Muốn được thấy xa hiểu rộng, chẳng chỉ hay hơn là ta năng giao thiệp và học hỏi với bậc hiền trí.

Thân cận với các bậc hiền trí có được bốn phước báu:

Hàng làm cho giới hạnh được tăng tiến cao thượng.

Hàng làm cho định được tăng tiến cao thượng.

Hàng làm cho tuệ được tăng tiến cao thượng.

Hàng làm cho sự giải thoát được tăng tiến cao thượng.

Na bhaje pāpake mitte  
na bhaje purisādhame  
bhajetha mitte kalyāne  
bhajetha purisuttame

*Chớ thân với bạn ác  
Chớ thân kẻ tiểu nhân  
Hãy thân người bạn lành  
Hãy thân bậc thượng nhân.*

Đại ý: Không kết hợp với bạn xấu, với người ti tiện. Hãy kết hợp với người tốt, người cao quý (P.C. 78).

Gần gũi với bậc hiền trí, ráng nghe lời dạy bảo của các ngài, và suy xét thấu đáo nghĩa lý. Các ngài thường chỉ dẫn những việc lành cho chúng ta hành, đặng có lợi ích bản thân, chỉ cho chúng ta những khiếm khuyết tồn tại để sửa chữa hầu mong chúng ta được trọn vẹn tốt lành.

Udakaṃ hi nayanti nettikā  
Usukānā namayanti tejanam  
Dāruṃ namayanti tacchakā  
Attānaṃ damayanti paṇḍitā

*Người trị thủy dẫn nước  
Kẻ làm tên nắn tên  
Người thợ mộc uốn gỗ  
Bậc trí nhiếp tự thân*

Đại ý: Người dẫn thủy nhập điền, đào mương cho nước chảy. Thợ làm tên, uốn nắn mũi tên cho ngay thẳng. Thợ mộc uốn gỗ. Bậc thiện trí tự kiểm soát lấy mình (P.C. 80).

Muốn trở thành người hiền trí như các bậc hiền trí, đức Phật khuyên chúng ta phải biết tự kiểm soát lấy mình, không được bông bột sôi nổi và cũng không được nản lòng rùn chí trước mọi thăng trầm của thế sự, giữa tán dương và khiển trách, phải biết giữ tâm vững chắc như tảng đá kiên cố khó lòng lay chuyển.

Selo yathā ekaghano  
vātena na samīrati  
evaṃ nindāpasamsāsu  
na samiñjanti paṇḍitā

*Như hòn đá kiên cố  
Không gió nào dao động  
Cũng vậy giữa khen chê  
Người trí không dao động.*

Đại ý: Như tảng đá cứng chắc không lay chuyển trước gió, dường thế ấy, bậc thiện trí không bị lời tán dương hay khiển trách làm chao động (P.C. 81).

Đạt được trạng thái như thế, sẽ gặt hái được kết quả an tịnh, hạnh phúc và trí tuệ như các bậc hiền trí.

Yathāpi rahado gambhīro  
vipprasanno anāvilo  
evaṃ dhammāni sutvāna  
vipprasīdanti paṇḍitā

*Như hồ nước sâu thăm  
Trong sáng, không khuấy đục  
Cũng vậy, nghe chánh pháp  
Người trí hưởng tịnh lạc.*

Đại ý: Như nước trong hồ sâu, yên lặng và trong suốt, dường thế ấy, khi nghe Pháp, (tâm của) người thiện trí vô cùng an tịnh (P.C. 82).

Ngoài ra đức Phật còn nêu cho chúng ta thấy nét hạnh của bậc hiền trí sống trong đời. Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ tám mươi chín như sau:

Yesaṃ sambodhiāgesu  
Sammā cittaṃ subhāvitam  
Ādānapatinissagge  
anupādāya ye ratā  
khīnāsavā jūtīmanto  
te loke parinibbutā

*Những ai với chánh tâm  
,Khéo tu tập giác chi  
Từ bỏ mọi ái nhiễm  
Hoan hỷ không chấp thủ  
Không lậu hoặc, sáng chói  
Sống tịch tịnh ở đời.*

Đại ý: Người có tâm hoàn hảo trong bỏ đề phần, người không luyến ái, thỏa thích trong sự “từ bỏ ái dục” (tức Níp Bàn). Con người không ô nhiễm và sáng ngời rực rỡ ấy đã chứng ngộ Níp Bàn trên chính thế gian này (P.C. 89).

Bậc Hiền Trí thường xuyên suy niệm về những pháp lành và đem ra thực hành trong đời sống hằng ngày, nhiệt tâm hướng về đạo pháp, thâm hoạch một niềm vui tinh thần vượt lên cao hơn tất cả những hạnh phúc trên thế gian và thành đạt một trạng thái tâm thuần tịnh chân chánh, duyên theo đó, tự thanh lọc thân tâm mình và cố gắng rọi sáng, làm cho người khác trở nên trong sạch, bằng gương lành và lời khuyên dạy thích nghi.

Tóm lại, Bậc Hiền Trí luôn có được bốn chi là:

Biết ân người đã làm cho mình (kataññū).

Làm cho mình được trong sạch, khỏi điều tội lỗi (attasuddhi).

Làm cho người được trong sạch (parāsuddhi).  
Tiếp độ người nên tiếp độ (saṅgha).





## Phẩm thứ bảy – Phẩm A La Hán

Từ ngữ “Arahanta” có nhiều nghĩa, như là “Ứng Cúng,” “Vô Sinh,” diệt trừ mọi thăng thúc trói buộc trí tuệ và chứng ngộ Níp Bàn, không còn tái sinh nữa. Ngoài ra còn được gọi là “Asekha - Vô Học” đã hoàn toàn thuần thực, không còn gì để học tập vì đã hoàn toàn viên mãn công trình tu học, thật sự hiểu biết thực tướng của mình và thông suốt thực tướng của thế gian. Cũng là Bạc Tứ Quả, quả vị thứ tư của đời sống Phạm Hạnh cao thượng. Tứ quả là Tu Đà Hườn (Sotāpatti - Thất Lai), Tư Đà Hàm (Sakadāgāmi - Nhất Lai), A Na Hàm (Anāgāmi - Bất Lai), và A La Hán (Arahanta - Vô Sinh).

Bạc Tứ Quả A La Hán bao gồm tất cả bậc Chánh Đăng Giác, Độc Giác, Chí Thượng Thịnh Văn, Đại Thịnh Văn và Thịnh Văn tầm thường.

Sau khi thành đạt quả vị, Hữu Dư Y Níp Bàn, các ngài không ngót phục vụ tha nhân bằng hai đường lối, lời dạy và gương lành. Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ chín mươi:

Gataddhino visokassa	<i>Đích đã đến, không sâu</i>
vippamuttassa sabbadhi	<i>Giải thoát ngoài tất cả</i>
sabbaganthappahīnassa	<i>Trừ diệt mọi buộc ràng</i>
parilāho na vijjati.	<i>Vị ấy không nhiệt nã.</i>

Đại ý: Đối với người đã trải qua suốt cuộc hành trình, chấm dứt mọi ưu phiền, hoàn toàn siêu thoát, cắt đứt mọi trói buộc, nhiệt độ (tham ái) không còn nữa (P.C. 90).

Câu này đề cập đến phẩm hạnh vị A La Hán. Có hai nhiệt độ tinh thần và vật chất. Lúc còn sống, vị A La Hán còn thọ cảm nhiệt độ của thể xác, nhưng không quan tâm đến. Còn sức nóng tinh thần, nhiệt độ của tham vọng hay lửa tham ái, ngài không còn nữa vì đã đoạn tận bốn loại trói buộc (gantha) là:

- Tham muốn (abhiñjhā)
- Oán ghét (byāpāda)
- Giới chấp tiện thị (sīlabbataparamāsa)
- Thủ thực kiến chấp (idaṃ saccābhivāsa) - cố chấp trong thành kiến.

Khi thọ cảm xúc, vị ấy không có sầu muộn, than van. Vị ấy chỉ cảm giác một cảm thọ, tức cảm thọ về thân, không cảm thọ về tâm. Vị ấy như thật tuệ tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của mọi cảm thọ. Vị thánh A La Hán không còn bị trói buộc bởi sanh già đau chết sâu bi khổ ưu nã, thoát khỏi mọi trói buộc của đau khổ, hoàn toàn siêu thoát (sabbadhi), hoàn toàn tự do, thoát ra khỏi mọi dính mắc đối với thân ngũ uẩn.

Yesaṃ sannicayo natthi	<i>Tài sản không chất chứa</i>
Ye pariññātabhojanā	<i>Ăn uống biết liễu tri,</i>

Suññato animitto ca  
vimokkho yesaṃ gocaro  
ākāse'va sakuntānaṃ  
gati tesāṃ durannayā

*Tự tại trong hành xử,  
Không, vô tướng, giải thoát,  
Như chim giữa hư không  
Hương chúng đi khó tìm.*

Đại ý: Những ai không tích trữ, nhiếp tâm chánh niệm khi dùng vật thực, thành đạt giải thoát - vốn rỗng không và vô tướng như đối tượng của mình. Lộ trình của các vị ấy không khác nào lộ trình của đàn chim bay trên không trung, không thể vẽ lại được (P.C. 92).

Đời sống của vị A La Hán hoàn toàn bình thân tự tại giữa mọi thăng trầm của thế sự - được và thua, tán dương và khiển trách, danh thơm và tiếng xấu, hạnh phúc và khổ đau, luôn giữ được tâm quân bình, không chao động, không biểu hiện lòng ưa thích hay bất mãn, không hí hả vui cười và cũng không lo âu sầu muộn.

Paṭhavīsamo no virujjhati  
indakhīlupamo tādi subbato,  
rahado'va apetakaddamo,  
saṃsārā na bhavanti tādino

*Như đất, không xiềm hận  
Như cột trụ, kiên trì  
Như hồ, không bùn nhơ  
Không luân hồi, vị ấy.*

Đại ý: Như đất, người giữ tâm quân bình và có nếp sống kỷ cương không còn xúc động. Người ấy như trụ đồng Indakhīla, như ao hồ phẳng lặng, không bị bùn đất làm nhơ bẩn. Với người có tâm quân bình như thế, cuộc đi lang thang bất định của cuộc đời không còn lặp lại nữa (P.C. 95).

Đất không hề biết thích thú hay nhàm chán khi có người để lên những vật thơm tho hay thúی bản như thế nào, thì cũng như thế ấy, vị A La Hán nhẫn nại giữ tâm quân bình, chịu đựng tất cả sự chê khen của người thế gian, và rải tâm từ ái đến bất cứ là bạn hay thù.

Trụ đồng Indakhīla là một cây cột vừa vững chắc, vừa cao dựng lên, bên trong hay bên ngoài các thị trấn cho đẹp mắt, được chôn thật sâu dưới đất, vững vàng như thế nào thì vị A La Hán kiên trì vượt mọi chướng ngại thử thách của đời sống là tham dục (kāmacchanda), oán ghét (byāpāda), hôn trầm thùy miên (thīna - middha), trạo hối (uddhacca - kukkucca), và hoài nghi (vicikicchā). Năm chướng ngại tinh thần này hằng luôn ngăn cản con đường giải thoát cũng dường như thế ấy.

Assaddho akataññū ca  
sandhicchedo ca ye naro,  
hatāvakāso vantāso  
sa ve uttamaparisso

*Không tin hiểu vô vi  
Người cắt mọi hệ lụy  
Đoạn tận mọi cơ hội  
Nhỏ sạch các tham ái  
Vị ấy thật tối thượng.*



Đại ý: Người không nhẹ dạ, thấu triệt trạng thái Vô Sanh (Níp Bàn), cắt đứt mọi hệ lụy, chấm dứt mọi cơ hội (cho điều thiện và điều ác phát sanh), tận diệt mọi tham ái, người ấy quả thật là tối thượng (P.C. 97).

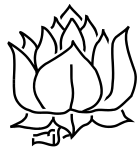
Ao hồ phẳng lặng, lắng đọng các bùn nhơ như thế nào, vị A La Hán đã tuệ tri các lậu hoặc (asāva) với Tuệ Quán, nhận biết rằng: “Đây là những lậu hoặc,” “Đây là tập khởi những lậu hoặc,” “Đây là đoạn diệt những lậu hoặc,” và “Đây là con đường đưa đến đoạn diệt lậu hoặc.” Nhờ tuệ tri như vậy, hiểu biết như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi tà kiến lậu, và thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát. Như vậy khởi lên sự hiểu biết “Ta đã giải thoát.” Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm Hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, sau đời hiện tại, không còn đời sống nào khác nữa.”

Bất cứ nơi nào, bậc A La Hán vào trú ngụ thường luôn an tịnh, không còn các khó khăn, và được thêm kẻ thương người mến vây quanh vì quý ngài luôn đem lợi ích đến cho mọi người.

Gāme vā yadī vā'raññe	<i>Làng mạc hay rừng núi</i>
ninne vā yadī vā thale	<i>Thung lũng hay đồi cao</i>
yatthārahanto vīharanti	<i>La Hán trú chỗ nào</i>
taṃ bhūmiṃ rāmaṇeyyakam	<i>Đất ấy thật khả ái.</i>

Đại ý: Dầu ở trong làng mạc hay rừng sâu, ở non cao hay trũng thấp, bất luận nơi nào A La Hán trú ngụ, nơi ấy quả thật tịnh lạc (P.C. 98).

Do sự nào mà bậc Thánh Nhân được giác ngộ các Pháp an lặng là Níp Bàn. Người thức giả nên hành sự ấy. Người ấy là bậc dũng cảm, thân ngũ ý trong lành và chân chánh. Bậc ấy là người dễ dạy, có tánh nhu thuận, không ngã mạn; là người biết tri túc, ít bận việc và tâm thân nhẹ nhàng; là người có lực căn thanh tịnh, có nhiều trí tuệ; và là người không sai lầm, không quyến luyến theo thân bằng quyến thuộc, dứt bỏ mọi dục vọng, yểm ly thế gian, khước từ mọi sự vật.







**Phẩm thứ tám – Phẩm Ngàn**

Phẩm Ngàn có 16 câu với nội dung chính, cần nắm bắt là đức Phật khuyến khích chúng ta nên tầm cầu chất lượng tu tập hơn là số lượng, trau dồi về phẩm hơn là lượng. Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm lẻ ba:

Yo sahaṣṣaṃ sahaṣṣena	<i>Dầu tại bãi chiến trường</i>
Saṅgāme mānuse jine	<i>Thắng ngàn ngàn quân địch</i>
Ekama ca jeyya m'attānaṃ	<i>Tự thắng mình tốt hơn</i>
sa ve saṅgāmajuttamo	<i>Thật chiến thắng tối thượng.</i>

Đại ý: Dầu chinh phục hàng triệu người ở chiến trường, tuy nhiên, quả thật vậy chinh phục được chính mình là chiến thắng cao quý nhất.

Tại đây, đức Phật dạy cho ta tầm quan trọng của sự tự khắc phục, tự kiểm chế, việc làm chủ của bản thân. Tự nó đã nói lên một tinh thần chủ động, lòng tự tin và tự trọng, nói lên ý chí quyết tâm, dũng cảm chịu đựng và khắc phục khó khăn, gian khổ vì những mục tiêu cao quý.

Attā have jitaṃ seyyo	<i>Tự thắng, tốt đẹp hơn</i>
yā cāyaṃ itarā pajā	<i>Hơn chiến thắng người khác</i>
attadantassa posassa	<i>Người khéo điều phục mình</i>
niccaṃ saññatacārino	<i>Thường sống tự chế ngự.</i>

Đại ý: Tự thắng mình quả thật thập phần vẻ vang hơn chiến thắng kẻ khác (P.C. 104).

Bất cứ ai, nếu không tự biết mình và làm chủ bản thân, xem thường chữ “nhẫn,” luôn luôn bị dục vọng cá nhân và sân tâm lôi cuốn, kiêu căng, ngạo mạn, chủ quan, thì dù có tài năng và tạm thời giành được thắng lợi đến bao nhiêu, chắc chắn cũng sẽ gặp thất bại, thậm chí thất bại chua cay, có thể nhìn những hoạt cảnh sinh động miêu tả sự tự làm chủ bản thân và tự chiến thắng lấy mình của đức Phật và chư Thánh Văn Giác.

Yo ca vassasataṃ jīve	<i>Ai sống một trăm năm</i>
kusīto hīnavīriyo	<i>Lười nhác không tinh tấn</i>
Ekāhaṃ jīvitamaṃ seyyo	<i>Tốt hơn sống một ngày</i>
Viriyaṃ ārabhato daḥamaṃ	<i>Hăng hái tận sức mình.</i>

Đại ý: Nếu phải sống trăm tuổi cuộc đời giải đãi và bất động, tốt hơn quả thật vậy, chỉ sống một ngày của người tinh tấn chuyên cần (P.C. 112).

Con đường trau dồi đạo hạnh - con đường tạo dựng một tinh thương sáng suốt, công bằng, vô ngã vị tha, theo đúng đạo lý nhà Phật, đúng là con đường phải qua nhiều thử thách rèn luyện lòng mình. Mặc dù rất là khó, đức Phật khuyến dạy chúng ta nên có

được đời sống đạo hạnh, tuy chỉ là ngắn ngủi, hơn là sống lâu mà chẳng lợi ích, buông lung tự hại mình.

Yo ca vassasatam jīve	<i>Dầu sống một trăm năm</i>
dussīlo asamāhito	<i>Ác giới, không thiên định</i>
ekāham jīvitam seyyo	<i>Tốt hơn sống một ngày</i>
sīlavantassa jhāyino	<i>Trì giới, tu thiên định.</i>

Đại ý: Nếu phải sống đến trăm năm cuộc đời buông lung và không tự chế, tốt hơn quả thật vậy, chỉ sống một ngày đời đạo hạnh và có hành thiên (P.C. 110).

Thiên định là một phương pháp tu tâm trọng yếu, khiến cho giới được trong sạch, cho trí tuệ được thanh cao.

Sự trì giới rất cần thiết cho thân và lời để lánh xa nghiệp dữ; song, nếu không nhờ năng lực thiên định thì phẩm hạnh phải bộn nhoe, trí tuệ cũng không sao phát triển được.

Yo ca gathāsataṃ bhāse	<i>Dầu nói trăm câu kệ</i>
anattapadasaṃhitā	<i>Nhưng không chút lợi ích</i>
ekaṃ dhammapadaṃ seyyo	<i>Tốt hơn một câu pháp</i>
yaṃ sutvā upasammati	<i>Nghe xong, được tịnh lạc.</i>

Đại ý: Nếu phải đọc cả trăm câu gồm toàn những tiếng vô ích, tốt hơn chỉ nói một lời của Giáo Pháp, làm cho người nghe được an tịnh (P.C. 102).

Đôi khi chỉ cần nói giản dị như trên, hay một hàng chữ đơn độc như “không nên tìm thỏa thích trong hương vị của thế gian mà phải trau dồi đời sống ản dật,” hay chỉ vòn vẹn một chữ có nhiều ý nghĩa như “chuyên cần” cũng đủ cho trọn một kiếp sống.

Yo ca vassasatam jīve	<i>Ai sống một trăm năm</i>
apassaṃ udayavyayaṃ	<i>Không thấy pháp sinh diệt</i>
akāhaṃ jīvitam seyyo	<i>Tốt hơn sống một ngày</i>
passato udayavyayaṃ	<i>Thấy được pháp sinh diệt.</i>

Đại ý: Nếu phải sống trăm tuổi mà không thông suốt tất cả sự vật phải phát sanh và tiêu diệt như thế nào, thì tốt hơn quả thật vậy, chỉ sống một ngày mà thấu triệt pháp sanh diệt của vạn vật (P.C. 113).

Bản chất của thế gian là vô thường biến đổi, phóng túng, quên mình, duyên theo nó chỉ là tự hại. Khép mình vào một đời sống kỷ cương giới luật và rèn luyện tâm trí cho được sáng suốt, chính là vun bồi cho mình con đường an vui trường cửu.

Không ai thương ta bằng chính tự ta thương ta.



## Phẩm thứ chín – Phẩm Ác

Từ ngữ “Pāpa” dịch là ác, là hành động xấu, không tốt đẹp của Tâm Bất Thiện, là cái gì làm cho Tâm bị ô nhiễm, là cái gì dẫn dắt ta đến trạng thái khổ đau. Danh từ “tội lỗi” không dịch đúng nghĩa từ ngữ “Pāpa” vì Phật giáo không đặt vấn đề thưởng phạt. Hành động nào bắt nguồn từ ba căn Tham (lobha), Sân (dasa), Si (moha) là ác. Có mười loại hành động ác là: sát sanh, trộm cắp, tà dâm (thực hành bằng thân), nói dối, nói đâm thọc, nói ác ngữ, nói vô ích những nhằm nhí (thực hành bằng lời nói), tham lam, sân hận, tà kiến (thực hành bằng ý).

Phẩm Ác gồm có mười ba câu, nêu lên lợi ích trong việc gìn giữ Tâm cho được thiện lành và nên xa lánh điều ác xấu.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm mười sáu:

Abhittharetha kalyāṇe	<i>Hãy gấp làm điều lành</i>
pāpā cittaṃ nivāraye	<i>Ngăn tâm làm điều ác</i>
dandhaṃ hi karoto puññaṃ	<i>Ai chậm làm việc lành</i>
pāpasmim ramati mano.	<i>Ý ưa thích việc ác.</i>

Đại ý: Hãy gấp rút làm việc thiện. Hãy chế ngự điều ác trong tâm, vì tâm của người để duôi, chậm tạo thiện nghiệp, sẽ ưa thích làm ác (P.C. 116).

Bẩm tính con người có nhiều loại, cả tốt lẫn xấu. Bẩm tính tốt như thiên về trí thức, sáng suốt (bodhicarita - Tánh Giác), thông minh. Bẩm tính có nhiều đức tin (sadhicarita - Tánh Tín), có con tim đầy nhiệt thành, nhiệt tâm v.v...

Đó là những bẩm tính cần được phát huy. Nhưng còn có loại bẩm tính mà đức Phật dạy bảo là phải loại trừ để tạo ra một “tâm địa” trong sáng, là những bẩm tính xấu, không tốt, trói buộc con người vào một nếp sống ích kỷ, đó là lòng tham lam, sân hận, si mê. Chúng ta thường luôn lựa chọn hoặc vui thích với những gì vừa ý hoặc ghét bỏ những gì phật lòng. Vừa ý thì luyến ái, bám víu, nhiễm đắm (tham). Trái ý thì không thỏa mãn, xua đuổi, oán ghét, bực dọc (sân). Mê mờ, tối tăm nên không phân biệt được cái tốt và cái xấu, nên phải vừa ưa và ghét (si). Từ đó tạo cho mình những ác nghiệp tai hại.

Vậy điều tiên quyết là đức Phật khuyên chúng ta không hưỡn đãi làm các việc lành. Nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm các việc thiện. Những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc của chúng ta. Cũng nên vận dụng mọi cố gắng để thanh lọc tâm, mỗi khi nó ve vãn các điều ác. Tâm ô nhiễm sẽ thỏa thích trong tư tưởng xấu.

Pāpaṃ ce puriso kayirā	<i>Nếu người làm điều ác</i>
nataṃ kayirā punappunam	<i>Chớ tiếp tục làm thêm</i>
nataṃhi chandaṃ kayirātha	<i>Chớ ước muốn điều ác</i>

dukkho pāpassa uccayo

*Chứa ác, tất chịu khổ.*

Đại ý: Nếu người kia làm điều ác, người ấy không nên lặp đi lặp lại, không nên thỏa thích trong việc ác, tích ác tức thọ khổ (P.C. 117).

Chúng ta cần phải thấy rõ là cố gắng gạt bỏ những “chướng ngại triền cái” che lấp nhận thức đối với ngoại cảnh; qua đó chúng ta thấy đức Phật đã khuyên chúng ta là phải hết sức xem trọng cuộc sống nội tâm, chỉ dạy chúng ta phải gột rửa cả tâm trí chúng ta cho sạch hết những bụi bặm dày đặc mà dục vọng đã tạo ra, loại bỏ được tất cả những gì là chướng ngại, là tiêu cực, là trói buộc trên con đường “giải thoát,” xây dựng được một nếp sống chân chánh cao đẹp của những người biết bỏ ác làm thiện, tạo lập một trạng thái tinh thần thanh tịnh, an lạc, an nhiên tự tại.

Vāṇijo’va bhayaṃ maggaṃ  
appasattho mahaddhano  
vīsaṃ jīvitukāmo’va  
pāpāni parivajjaye

*Ít bạn đường, nhiều của  
Người buôn tránh đường hiểm  
Muốn sống, tránh thuốc độc  
Hãy tránh ác như vậy.*

Đại ý: Như người đi buôn mang theo nhiều tiền của mà ít bạn đồng hành. Tránh con đường nguy hiểm, như người muốn sống tránh thuốc độc, cùng thế ấy ta phải lánh xa điều ác (P.C. 123).

Hãy tránh xa điều ác như chúng ta lánh xa một con đường nguy hiểm, không nên xem thường điều ác.

Pāpo’pi passati bhadrāṃ  
yāva pāpaṃ na paccati  
yadā ca paccati pāpaṃ  
atha pāpo pāpāni passati

*Người ác thấy là hiền  
Khi ác chưa chín muối  
Khi ác nghiệp chín muối  
Người ác mới thấy ác.*

Đại ý: Người làm ác có thể gặp lành, ngày nào mà quả dữ chưa trở. Nhưng, khi quả trở, chừng ấy họ mới thấy hậu quả tai hại (P.C. 119).

Bhadro’pi passati pāpaṃ  
Yāva bhadrāṃ na paccati  
yadā ca paccati bhadrāṃ  
atha bhadro bhadrāni passati

*Người hiền thấy là ác  
Khi thiện chưa chín muối  
Khi thiện được chín muối  
Người hiền thấy là thiện.*

Đại ý: Người hành thiện có thể gặp dữ, ngày nào mà quả lành chưa trở. Nhưng khi quả trở, chừng ấy người hành thiện sẽ gặp quả phúc (P.C. 120).

Một khía cạnh khác, đức Phật chỉ dạy một cách hết sức tế nhị cho chúng ta phải biết bình tĩnh nhận thức giữa các điều thiện ác, và những con người đã tạo ra việc thiện ác. Đức Phật khuyên chúng ta không vội dao động giữa những sự kiện người ác mà gặp các việc

lành, còn người thiện lại luôn gặp các điều không may. Khi đã hội đủ duyên khởi thì tất cả đều phải gặp hái tương xứng với những việc đã làm, không sai chạy.

Một người xấu xa hư hèn có thể sống dồi dào phong phú nhờ hành động tốt trong quá khứ. Người ấy đang thọ hưởng hạnh phúc nhờ tiềm năng của nghiệp lành trong quá khứ hãy còn mạnh, mạnh hơn, đang thắng thế, và đàn áp nghiệp hiện tại. Do đó lắm lúc ta thấy hình như có sự bất công trên thế gian, người ác được may mắn. Nhưng một khi mà quả dữ hội đủ duyên kỳ để trở sanh, theo định luật nghiệp báo dĩ nhiên phải có, chừng ấy người làm ác sẽ gặp quả khổ đau do hành động bất thiện của mình trong quá khứ.

Nhiều khi người đạo đức hiền lương lại gặp phải hoạn nạn khốn cùng vì tiềm năng của nghiệp ác trong quá khứ hãy còn mạnh, mạnh hơn, thắng thế và đàn áp nghiệp lành hiện tại. Người ấy chỉ rõ biết được hiệu năng của hành động thiện của mình, khi mà đúng lúc, sẽ trở quả và đem lại hạnh phúc dồi dào.

Chính sự kiện có việc trái ngược trong đời, người xấu xa hư hèn được dồi dào phong phú, còn người đạo đức hiền lương lại phải gặp hoạn nạn khốn cùng, là một biện minh vững chắc cho niềm tin vào nghiệp báo và tái sanh.

Với người hiền lương, ôn hòa, chúng ta không nên làm tổn hại người ấy. Chính việc gây tổn hại đến người ấy, đức Phật nói rằng đó là việc ác.

Yo appadutthassa narassa dussati  
suddhassa passassa anangaṇassa  
taṃ eva bālam pacceti pāpaṃ  
sukhumo rajo paṭivātaṃ'va khitto

*Hại người không ác tâm  
Người thanh tịnh, không uế  
Tội ác đến kẻ ngu  
Như ngược gió tung bụi.*

Đại ý: Kẻ nào xâm phạm người ôn hòa, trong sạch và vô tội, quả dữ sẽ dội trở lại kẻ cuồng dại ấy như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay trở vào mắt (P.C. 125).

Cổ nhân chúng ta có câu “ngâm máu phun người, miệng mình dơ trước.”

Cũng như người kia ngựa mặt, phun nước miếng lên trời. Nước miếng hắt không làm dơ trời mà chỉ rơi trở lại người ấy.

Quả ác sẽ đến với những người có tâm ác, hành hung gây đau khổ với người hiền lương, ôn hòa.

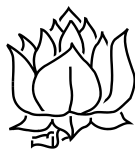
Na antalikkhe na samuddamajjhe  
na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa  
na vijjatī so jagatippadeso  
yatthaṭṭhito muñccyya pāpakammā

*Không trên trời, dưới biển  
Không lánh vào động núi  
Không chỗ nào trên đời  
Trốn được quả ác nghiệp.*

Dại ý: Không phải trên trời, giữa biển hay trong hang núi mà người tạo nghiệp ác có thể tìm được nơi nào trên thế gian để lẩn trốn (hậu quả) của hành động bất thiện (P.C. 127).

Đức Phật nói rằng chính ta tạo ra hành động và cũng chính ta gặt hái lấy kết quả của hành động ấy một cách tương xứng thích hợp.

Theo đúng giáo lý của đức Phật, không thể van lơn cầu cạnh, hay hối lộ, hoặc gian lận bằng cách nào mà ta thay đổi được định luật nhân quả, cũng không thể lẩn trốn nơi nào trên thế gian, dầu trên trời rộng mênh mông, giữa đại dương sâu thẳm, hoặc ở thâm sơn cùng cốc mà ta tránh khỏi hậu quả của ác nghiệp đã tạo. Không có vị trời nào, chí đến đức Phật đi nữa, có thể can thiệp vào sự báo ứng của nghiệp.







## Phẩm thứ mười – Phẩm Hình Phạt

Phẩm Hình Phạt có mười bảy câu, gồm những câu khuyên khích chúng ta tuyệt đối ôn hoà, không nên gây tổn hại bất luận chúng sanh nào.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm hai mươi chín:

Sabbe tasanti daṇḍassa	<i>Mọi người sợ hình phạt</i>
sabbe bhāyanti maccuno	<i>Mọi người sợ tử vong</i>
attānaṃ upamaṃ katvā	<i>Lấy mình làm ví dụ</i>
nahaneyya na ghātaye	<i>Không giết, không bảo giết.</i>

Đại ý: Ai cũng run sợ trước gậy gộc. Tất cả đều sợ chết.

Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết, cũng không nên làm cho người khác giết (P.C. 129).

Cuộc sống vị kỷ, hẹp hòi, chi biết nghĩ về cái “Tôi” là cái giếng không đáy của lòng tham, là nguồn gốc của mọi sự giành giật, tranh chấp, cướp đoạt lẫn nhau, là nguyên nhân làm phát sinh hận thù và xung đột. Đó cũng là biểu hiện của sự ngu si, tối tăm, không nhận thức được thế nào là chân hạnh phúc. Tìm hạnh phúc cho mình trên sự khổ đau của người khác, không thể có được sự kiện này trên thế gian. Những kẻ chỉ sống với lòng vị kỷ, chìm đắm trong vòng lẩn quẩn của dục vọng cá nhân, sẵn sàng gây thiệt hại và đau khổ cho người khác, nhưng đồng thời họ cũng tự chuốc lấy phiền não, lo âu, nghi kỵ, sợ hãi và không ngớt tự dày vò về mặt tinh thần và tâm lý. Một cuộc sống như thế, đâu có thể là sung sướng, cho dù đạt tới những điều kiện vật chất sung mãn.

Trước khi làm một việc chỉ có tác động đến người khác về mặt tổn thương và đau khổ - với lòng tự trọng và tôn trọng người - chúng ta nên suy nghĩ liên hệ trở lại với chính mình về sự việc ấy.

Sukhakāmāni bhūtāni	<i>Chúng sanh cầu an lạc</i>
Yo daṇḍena vihimsati	<i>Ai dùng trượng hại người</i>
attano sukhaṃ esāno	<i>Tìm an lạc cho mình</i>
pecca so na labhate sukhaṃ	<i>Đời sau không được lạc.</i>

Đại ý: Kẻ tìm hạnh phúc cho mình bằng cách hành hạ chúng sanh khác cũng ưa thích an lạc, kẻ ấy sẽ không được hạnh phúc (P.C. 131).

Đức Phật có dạy rằng, “Mọi hành động gì có hại cho mình, có hại cho người, có hại cho cả hai, bị người có trí chỉ trích, nếu chấp nhận và thực hiện sẽ đem lại tâm khổ, tâm ưu, hành động như vậy gọi là bất thiện, và chúng ta phải loại bỏ hành động ấy. Hành động gì không có hại cho mình, không có hại cho người, không có hại cho cả hai, được người trí

tán thán, nếu chấp nhận và thực hiện sẽ đem lại tâm lạc tâm hỷ, hành động như vậy gọi là thiện, và chúng ta phải thực hành.”

Sabbe tasanti daṇḍassa  
sabbesaṃ jīvitam piyaṃ  
atānaṃ upamaṃ katvā  
na haneyya, na ghātaye

*Mọi người sợ hình phạt  
Mọi người thương sống còn  
Lấy mình làm ví dụ,  
Không giết, không bảo giết.*

Đại ý: Ai cũng run sợ trước gậy gộc. Tất cả đều quý trọng đời sống. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết, cũng không nên làm cho người khác giết (P.C. 130).

Việc chi chúng ta vui thích, tất nhiên việc đó ở nơi người cũng vui thích. Việc chi chúng ta không vui thích, việc đó ở người cũng không vui thích. Liên hệ với mình mà qua người.

Đức Phật dạy rằng, “Với người nào dùng gậy gộc để hãm hại người vô hại không có gậy gộc, người ấy sớm phải chịu lãnh khổ đau một trong mười loại khổ đau như sau: Đau đớn nhức nhối vô cùng, tai biến khốc liệt, thân thể bị thương tích, lâm trọng bệnh, loạn ý tán tâm, hay bị vua đàn áp, bị vu trọng tội, ly tán thân quyến, hay bị tan nát tài sản, hoặc nhà cửa bị hỏa tai, và khi thân hoại mạng chung với người ác tuệ ấy phải thọ sanh khổ thú.” (P.C. 137, 138, 139 và 140).

Alaṅkato ce’pi samaṃ careyya  
santo danto niyato brahmacārī  
sabbesu bhūtesu nidhāya daṇḍaṃ  
so brahmāṇo, so samaṇo,  
sa bhikkhu

*Ai sống tự trang sức  
Nhưng an tịnh, nhiếp phục  
Sống kiên trì, phạm hạnh  
Không hại mọi sinh linh  
Vị ấy được xưng danh  
Là Bạc Bà La Môn  
Hay Sa Môn, Tỳ Khuru.*

Đại ý: Với người sống tự trang sức an tịnh, chế ngự dục vọng, nhiếp phục lục căn, (thánh đạo) vững chắc, hoàn toàn thanh tịnh, không dùng gậy gộc đối xử với bất luận chúng sanh nào, người ấy quả thật là một Bạc Bà La Môn, một Sa Môn, một Tỳ Khuru (P.C. 142).

Đức Phật dạy người Phật tử phải biết sống ứng xử một cách đứng đắn mỗi khi đứng trước mâu thuẫn giữa lợi ích chung và lợi ích riêng, giữa “vị tha” và “vị kỷ.” Trên tinh thần “vô ngã vị tha,” “mình vì mọi người,” hạnh phúc của mỗi người không thể tách rời hạnh phúc chung của mọi người, của xã hội. Người Phật tử xác định một lối sống thoát ly khỏi phiền não do dục vọng cá nhân, đề cao được nhân phẩm và lòng tự trọng, thanh thản và thoải mái trong quan hệ giữa con người và con người, trong hạnh phúc chung tất yếu có phần hạnh phúc riêng của mỗi người.

Ai ai cũng quý trọng đời sống của chính mình. Ai ai cũng mong mỗi được hạnh phúc và ai ai cũng sợ hãi, lo âu về sự hành hạ, hình phạt và gây tổn hại cho mình.

Thật tâm mong muốn thực hành theo lời Phật dạy, tầm cầu hạnh phúc cho mình và cho người, không qua gây gộc hình phạt và gây tổn hại người, người Phật tử phải biết, trước hết phải giữ lấy hạnh khiêm tốn, tự chế lấy mình, nghiêm trì trau dồi hạnh giới đức và tiêu trừ mọi khổ đau.

Asso yathā bhadro kasānivittho	<i>Như ngựa hiền chạm roi</i>
ātāpino saṃvegino bhavātha	<i>Hãy nhiệt tâm, tinh cần</i>
saddhāya sīlena ca viriyena ca	<i>Với tín, giới, tinh tấn</i>
samādhinā dhammavinicchay- ena ca	<i>Thiền định cùng trạch pháp</i>
sampannavijjā carana patissatā	<i>Minh hạnh túc, chánh niệm</i>
pahassatha dukhaṃ idaṃ anap- pakam	<i>Hãy trừ vô lượng khổ.</i>

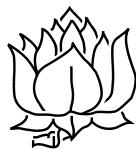
Đại ý: Như tuấn mã thuần thực dưới ngọn roi, hãy nhiệt tâm chuyên cần. Do niềm tin, giới đức, tinh tấn, chánh định, do sự quán trạch chân lý, do sự thành đạt tri kiến và đạo hạnh, và do chánh niệm, hãy tiêu trừ cái đau khổ vĩ đại này (P.C. 144).

Muốn thực hành tốt đẹp, “mình vì mọi người, mọi người vì mình,” trước hết bản thân mỗi người phải biết tự chế, chăm lo, tự tạo ra những điều kiện cho phép làm tốt việc ấy như các điều kiện về sức khỏe, trí tuệ, tinh thần, bản lĩnh, và cả về đời sống vật chất tối thiểu, tương đối ổn định.

Mỗi người phải tự khẳng định mình làm chủ bản thân, chịu trách nhiệm về cuộc sống của mình, không ngừng nâng cao khả năng về mọi mặt, không được ỷ lại vào người khác, nâng cao lòng tự trọng, tự tin, tự lực, không sợ khó khăn, gian khổ, không nao núng trước những thất bại tạm thời, dám vươn tới, và hy sinh vì lợi ích cao thượng.

Thành đạt tri kiến (Vijjācarana - Minh Hạnh Túc - đầy đủ tám sự hiểu biết sáng suốt là thần thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thiên nhãn thông, túc mạng thông, lậu tận thông, tuệ minh sát, và hóa tâm minh) và đạo hạnh (bao gồm mười lăm cái hạnh là thu thúc trong giới hạnh, thu thúc lục căn, tiết độ ẩm thực, giữ tâm luôn giác tỉnh, niềm tin chân chánh, tâm, quý, đa văn, tinh tấn, chánh niệm, trí tuệ và bốn tầng thiền).

Hãy tự kiểm soát lấy mình. Kiên trì giữ chánh niệm. Khi hay biết tâm mình đang bị một ý nghĩ xấu xa xâm nhập thì phải biết tự trọng, cố gắng diệt trừ mau lẹ.







## Phẩm thứ mười một – Phẩm Già

Từ ngữ “Jarā” dịch là già, lão mại v.v... Có Pālī chú giải như sau: “Jarānam bhāvo = Jaratā.” Thực tính từ nơi sự già nua (của sắc thành tựu), gọi là Lão Mại, Già.

Có chín loại già là:

1. Thân thể lão (vayo vuddhijarā): Tức là tóc bạc, răng rụng.
2. Liên tiếp lão (santatijarā): Tức là sự giảm thiểu của Danh và Sắc.
3. Sát na lão (khanikajarā): Tức là sát na trụ của Danh và Sắc.
4. Hiện hiện lão (pakatajarā): Tức là sự già có hiện bày, là thân thể già nua.
5. Ẩn tàng lão (paticchannajarā): Tức là sự già không có hiện bày cho thấy, là cách già của Danh Pháp.
6. Bất kiến lão (avīcjarā - vô gián đoạn lão): Là sự già mà khó biết được bởi không có cơ hội để mà thấy sự già.
7. Hữu kiến lão (savīcjarā - hữu gián đoạn lão): Là sự già mà biết được dễ dàng bởi có cơ hội được thấy, như là sự hư cũ của nhà cửa, đồ đạc v.v...
8. Siêu lý lão (paramatthajarā): Là sát na trụ của Tâm, Tâm Sở, và Sắc Pháp.
9. Chế Định lão (pannattijarā): Là ngoài ra sát na.

Tất cả chúng sanh, khi sinh ra từ bụng người mẹ cho đến lớn lên thành thanh niên thanh nữ và vẫn chưa đến hiện bày trạng thái tóc già, răng rụng v.v... trong khoảng này cũng đã có sự già rồi, nhưng là loại già của “Ẩn tàng lão” là sự già mà không hiện bày cho thấy. Khi người đó qua khỏi lứa tuổi thanh niên thanh nữ, vào đến lứa tuổi có trạng thái tóc bạc, răng rụng v.v... hiện bày lên, thì sự già này gọi là “Hiện hiện lão” là sự già có hiện bày ra.

Ngay cả trong tất cả những loại sắc như loại “Sắc phi căn phược - Anindriyabaddharūpa” là sắc mà phi hữu sanh mạng như núi, cây, đất v.v... và một vài sự vật khác mà hiện hữu trong thế gian này cũng thường có sự già, và sự già của những loại Sắc phi căn phược này cũng có dạng hai loại là “Ẩn tàng lão” và “Hiện hiện lão.” Cũng đôi khi, một vài nhóm sắc chỉ có một loại “Ẩn tàng lão” duy nhất, không có “Hiện hiện lão” như đất, mặt trời, mặt trăng, núi v.v... vàng, kim cương, già ở trong những loại sắc này gọi là “Avīcjarā - Vô gián đoạn lão” là già mà khó biết được bởi khó có cơ hội được thấy hiện bày ra. Còn những sự vật khác ngoài ra đất, núi, vàng, ngọc v.v... như là bàn ghế, nhà cửa v.v... có cả hai loại là “Ẩn tàng lão” và “Hiện hiện lão” như thế già ở trong những loại sắc này gọi là “Savīcjarā - Hữu gián đoạn lão” là già mà biết được, thấy được dễ dàng bởi có cơ hội được thấy.

Phẩm già có mười một câu, nêu lên những lời dạy cảnh giác chúng ta là lúc nào ta cũng sẵn có sự già ở trong ta, chớ buông mình phóng túng, mà gặp nhiều khó khăn, và sẽ phải hối hận ăn năn khi nhớ lại những gì đã đánh mất đi của dĩ vãng trẻ trung.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm bốn mươi sáu là:

Ko nu hāso kimānando?	<i>Cười gì, hân hoan gì?</i>
niccaṃ pajjalite sati	<i>Khi đời mãi bị thiêu</i>
andhakārena onaddhā	<i>Bị tối tăm bao trùm</i>
padīpaṃ na gavessatha?	<i>Sao không tìm ngọn đèn?</i>

Đại ý: Thích thú vui cười là gì, hoan hỷ khoái lạc là gì khi mà thế gian không dứt bùng cháy? Bị bao trùm trong đêm tối, há không đi tìm ánh sáng? (P.C. 146).

Thông thường thế gian thường áp ủ, gìn giữ những gì mà hiện đang có. Hân hoan, thỏa thích, khoái lạc với thế gian vì nghĩ rằng thế gian này thường tồn bất biến. Do vậy, quên mình buông lung, phóng dật, đắm say với thế gian vì không biết rằng chính mình cũng bị hư hoại, già nua, và diệt vong.

Thế gian này bị ngọn lửa tham dục thiêu đốt không ngừng và luôn bị màn vô minh bao trùm, bung bít trong cảnh tối tăm. Vậy, còn trong thế gian này, người thiện trí phải tận lực cố gắng tìm ánh sáng của trí tuệ, vệt màn vô minh, tìm lấy chân lý đặng hưởng an lạc trường cửu (Níp Bàn).

Passa cittakataṃ bimbaṃ	<i>Hãy xem bong bóng đẹp</i>
arukāyaṃ samussitaṃ	<i>Chỗ chất chứa vết hương</i>
āturaṃ bahussaṅkappaṃ	<i>Bệnh hoạn, nhiều suy tư</i>
yassa natthi dhavaṃ thiti	<i>Thật không gì trường cửu.</i>

Đại ý: Hãy nhìn cái thể xác đẹp đẽ này, một khối đau đớn, một đồng bệnh tật, được người ta bận tâm nhiều, nhưng không chứa đựng gì bền vững, không có gì tồn tại (P.C. 147).

Đức Phật khuyên chúng ta nên nhận thức rõ về thể xác này, nhìn bề ngoài coi tươi tốt đẹp đẽ, nhưng bên trong chỉ gồm xương, thịt, máu, tích trữ tật bệnh, vô thường, biến hoại, rã tan.

Do đâu chúng ta bị mê lầm với thế gian? Đức Phật cho biết rằng chính vô minh và ái dục cấu trúc nên thế gian, hình thành thế gian tạm bợ và vô thường này. Nhận biết như thế, chúng ta cố gắng đoạn tận mầm sinh ra thế gian và trí tuệ viên dung, vệt tan vô minh, tuệ tri giải thoát, an lạc Níp Bàn.

Anekajātiṃsaṃsāraṃ	<i>Lang thang bao kiếp sống</i>
sandhāvissaṃmanibbisam	<i>Ta tìm nhưng chẳng gặp</i>
gahakāraṃ gavesanto	<i>Người xây dựng nhà này</i>
dukkhā jāti punappunam	<i>Khổ thay, phải tái sinh</i>
gahakāraṃ diṭṭho'si	<i>Ôi! Người làm nhà kia</i>
Puna gehaṃ na kāhasi	<i>Nay ta đã thấy người!</i>

sabbā te phāsukā bhaggā  
gahakūtaṃ visaṅkhitam  
visaṅkhāragataṃ cittaṃ  
taṇhāmaṃ khayam ajjhagā

*Người không làm nhà nữa  
Đòn tay, người bị gãy  
Kèo cột, người bị tan  
Tâm ta đạt tịch diệt  
Tham ái thấy tiêu vong.*

Đại ý: Xuyên qua nhiều kiếp sống, Như Lai thên thang đi trong vòng luân hồi để tìm, nhưng không gặp, người thợ cất nhà này. Phiền muộn thay, đời sống triền miên tái diễn.

Này hỡi người thợ làm nhà! Người đã bị bắt gặp. Người không còn cất nhà nữa. Tất cả vui mê của người đã gãy. Cây đòn dông của người cũng bị phá tan. Tâm của Như Lai đã thành đạt trạng thái vô lậu. Mọi ái dục đã hoàn toàn chấm dứt (P.C. 153 và 154).

Hai câu này gọi là bài kệ phi lạc (udāna) đầu tiên mà Đức Phật đã đọc lên liền sau khi chứng ngộ Đạo Quả Vô Thượng, không thể tìm thấy nơi nào khác.

Ở đây, Đức Phật xác nhận cuộc đi thên thang bất định trong nhiều kiếp sống quá khứ đầy đau khổ, một sự kiện hiển nhiên chứng minh có nhiều kiếp tái sinh. Ngài phải đi bất định, và do đó, phải chịu khổ đau, phải thên thang mãi cho đến ngày tìm ra được người kiến trúc sư đã xây dựng căn nhà này, tức là thể xác này. Trong kiếp cuối cùng, giữa khung cảnh cô đơn tịch mịch của rừng già, lúc đi sâu vào công trình thiền định mà Ngài đã dày công trau giồi từ xa xưa trong quá khứ, trải qua cuộc hành trình bất định, Ngài khám phá ra anh thợ cất nhà hằng mong mỏi muốn biết. Anh thợ này không ở ngoài mà ở sâu kín bên trong Ngài. Đó là Ái Dục, sự tự tạo, một thành phần tinh thần luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi người. Ái dục xuất phát bằng cách nào thì không thể biết. Cái gì ta tạo ra, ta có thể tiêu diệt. Tìm ra anh thợ cất nhà và chấm dứt việc xây nhà, tức là đoạn tận ái dục, trong lúc đắc quả A La Hán mà trong bài kệ này, ý nghĩa bao hàm trong thành ngữ chấm dứt ái dục.

Rui mè hay cái sườn nhà của căn nhà tự tạo này là những ô nhiễm như tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tầm, vô quý.

Cây đòn dông chịu đựng cái sườn là vô minh, căn nguyên xuất phát của mọi dục vọng. Phá vỡ cây đòn dông vô minh bằng trí tuệ tức là làm sập căn nhà. Sườn và đòn dông là vật liệu mà anh thợ dùng để cất nhà, cái nhà không đáng cho ta ham muốn. Vậy, khi hết vật liệu xây cất, tức nhiên anh thợ không còn dựng nhà được nữa.

Khi cái nhà đã bị phá tan thì cái tâm, mà ở phần trên, không đề cập đến, đã thành đạt trạng thái vô lậu, vô sanh, bất diệt, là Níp Bàn. Tất cả cái gì còn tại thế đều phải bỏ lại phía sau, và chỉ có trạng thái siêu thế, Níp Bàn, sẽ tồn tại.









## Phẩm thứ mười hai – Phẩm Tự Ngã

Từ ngữ “Atta” dịch là tự ngã, bản ngã. Theo Phật Giáo, không có một linh hồn trường cửu hay một thực thể đơn thuần, không biến đổi do Thượng Đế tạo nên hay xuất ra từ một Đại Hồn (paramātma). Ở đây danh từ “Atta” (tự ngã) có nghĩa là toàn thể châu thân, hoặc một cá nhân, hoặc cái tâm, hay dòng trôi chảy của đời sống.

Phẩm Tự Ngã có 10 câu, nêu tầm quan trọng của tự ngã, tinh thần trách nhiệm về hành động của tự ngã mình.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm năm mươi bảy:

Attānaṃ ce piyaṃ jaññā, rakkheyya naṃ surakkhitaṃ tiṇṇaṃ aññataraṃ yāmaṃ paṭijaggeyya paṇḍito.	<i>Nếu biết yêu tự ngã Phải khéo bảo vệ mình Người trí trong ba canh Phải luôn luôn thức tỉnh.</i>
---	--

Đại ý: Thương mình hãy khéo bảo vệ lấy mình. Trong suốt thời gian ba canh, người thiện trí phải giác tỉnh phòng bị (P.C. 157).

Chính con người là kẻ tự cứu mình và là ánh sáng soi rọi con đường cho mình. Tự ngã của con người là sản phẩm của một chuỗi các hành động không ngừng biến dịch. Vì vậy tự ngã của con người thì không trường cửu và cũng không có điều chi là bí ẩn.

Có nhận thức sâu sắc và đúng đắn đặc điểm về vai trò và khả năng của con người trong mỗi quan hệ con người với môi trường sống, mới có thể hiểu được ý nghĩa thâm sâu của lời đức Phật dạy đại đức Ananda trước khi nhập diệt:

“Vây này Ananda, hãy tự coi chính con là hòn đảo của con, chính con là chỗ nương tựa của con, không nên tìm nương tựa bên ngoài. Hãy lấy Pháp làm hòn đảo của con, lấy Pháp làm chỗ nương tựa của con, không nên tìm nương tựa ở bên ngoài.” (Trường Bộ Kinh II).

Attā hi attano nātho ko hi nātho patosiyà? Attanā'va sudantena nāthaṃ labhati dullabhaṃ.	<i>Tự mình nương tựa mình Nào có điểm tựa khác Nhờ khéo điều phục mình Được điểm tựa khó được.</i>
---	--

Đại ý: Chính ta là cứu tinh của ta. Quả thật vậy. Ai khác cứu được ta bây giờ? Khéo kiểm soát lấy mình, tức là được vị cứu tinh vốn khó tìm (P.C. 160).

Đức Phật đã có lời tuyên bố khẳng khái như vậy, “Trong chính cái thân có ý thức dài một tầm này, ta tuyên bố thế giới, sự sinh khởi của thế giới, sự diệt tắt thế giới, và con đường đưa đến sự chấm dứt của thế giới.” (Tăng Chi Bộ Kinh I).

Điều này cho ta nhận thức rằng, không có năng lực nào bên ngoài con người, ngoài “cái thân có ý thức dài một tầm này” tạo nên sự sinh khởi và sự chấm dứt của khổ đau.

Với nhận thức trên, chính chúng ta phải cố gắng nỗ lực để thành đạt an lạc tinh thần cho chính mình.

Attanā'va katamaṃ pāpaṃ	<i>Tự mình, điều ác làm</i>
attanā saṅkilissati	<i>Tự mình làm nhiễm ô</i>
attanā akatamaṃ pāpaṃ	<i>Tự mình, ác không làm</i>
attanā'va visujjhati	<i>Tự mình làm thanh tịnh</i>
suddhi asuddhi paccattaṃ	<i>Thanh tịnh, không thanh tịnh</i>
n'añño aññaṃ visodhaye.	<i>Đều do tự chính mình</i>
	<i>Không ai thanh tịnh ai.</i>

Đại ý: Làm điều ác, do ta. Quả thật vậy. Bị ô nhiễm, cũng do ta. Không làm điều ác đều do ta. Quả thật vậy. Do ta, ta được thanh lọc. Trong sạch hay ô nhiễm đều tùy nơi ta. Không ai làm cho người khác trong sạch được (P.C. 165).

Đức Phật đã hết sức nhấn mạnh đến con người và những năng lực của con người. Ngài lưu ý chúng ta rằng chính cái Tâm là cốt lõi của toàn bộ cách xử sự của con người. Tâm là chỗ chứa đựng tất cả sức mạnh và khả năng khiến con người có những hành động như ý và bất như ý. Tâm là nguồn gốc của mọi hành động con người. Tâm cũng là nơi tiếp nhận kết quả hành động. Như vậy Tâm vừa là chủ thể hành động và là nơi tiếp nhận kết quả hành động. Giữa hành động và kết quả của nó không có chỗ để nói đến một hữu thể bên ngoài nào. Không có sự khác biệt giữa nghiệp và nguyên nhân của nó. Con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc họ trở thành tốt đẹp hay xấu xa, hướng thượng hay thấp hèn, sung sướng hay khổ đau. Tâm là nguyên động lực duy nhất thúc đẩy tất cả hành động của con người, và không ai khác cũng chính con người phải gặt hái kết quả hành động của mình. Chính con người phải chịu trách nhiệm về những hành vi, cử chỉ tốt xấu của mình. Chính con người đã tự đào luyện lấy những tính cách như lòng từ bi, thái độ hòa ái, tính độc ác và tàn bạo v.v... Không có quả nào lại không có nhân, tương tự như vậy, cũng không có một nhân nào lại không có một nhân đi trước nó. Mỗi nhân phải là kẻ thừa của một nhân khác, không có hữu thể nào tồn tại mà lại không có nguyên nhân. Không có một đấng từ bi thánh thiện nào đứng bên ngoài thế giới tạo vật và giải thoát con người ra khỏi khổ đau.

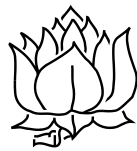
Attadatthamaṃ paratthena	<i>Dầu lợi người bao nhiêu</i>
bahunā'pi na hāpaye	<i>Chớ quên phần tư lợi</i>
attadatthamaṃ abhiññāya	<i>Nhờ hiểu rõ tư lợi</i>
sadatthapasuto siyā	<i>Hãy chuyển tâm lợi mình.</i>

Đại ý: Không nên vì sự an lành của người khác, dầu lớn lao đến đâu, mà lãng quên an lành của chính mình. Hãy nhận định rõ ràng sự an lành của chính mình và lập tâm thành đạt mục tiêu (P.C. 166).

Không nên hiểu lầm rằng, đức Phật dạy chớ có phục vụ kẻ khác, chớ tạo hạnh phúc cho kẻ khác một cách vị tha, bất cầu lợi. Tinh thần phục vụ bất cầu lợi luôn luôn được đức Phật khuyến khích.

Tuy nhiên, không vì thế mà xao lãng phần vun bồi lợi ích cho chính mình trên đường tu tập thành đạt mục tiêu cuối cùng, tức là Đạo Quả Níp Bàn.

Trên lý “vô ngã,” con đường “trung đạo” vừa tránh khuynh hướng tuyệt đối hóa một mặt chỉ thấy “cái Tôi vị kỷ,” chìm đắm trong vòng lẩn quẩn của những dục vọng cá nhân (biểu hiện mặt thiếu đạo đức); mặt khác, cũng tránh khuynh hướng tuyệt đối hoá cái Tự Ngã thành Bản Ngã, ý lại vào tha lực, trông chờ ở sự ban ơn của Thượng Đế hay thần linh (biểu hiện mặt thiếu trí tuệ). Thuyết “vô ngã” của con đường trung đạo nhấn mạnh tinh thần Tự Ngã với ý nghĩa khẳng định mỗi con người phải làm chủ lấy bản thân, mỗi con người phải chịu trách nhiệm về cuộc sống của chính mình. Một Tự Ngã sáng suốt hành động phù hợp với chân lý khách quan, một Tự Ngã có trí tuệ, một Tự Ngã “vô ngã vị tha” có sự hòa hợp giữa cái “vị tha” và cái “vị kỷ” chính đáng. Cái Tự Ngã chánh tri kiến và chánh tư duy của một con người nhìn thấy chân lý và sống với nếp sống đạo hạnh, đi tìm hạnh phúc cho riêng mình (Bồ Tát Hạnh) trong những hoạt động đem lại lợi ích cho toàn thể nhân loại.







## Phẩm thứ mười ba – Phẩm Thế Gian

Từ ngữ “Loka” dịch là thế gian, đời, thế giới. Thế gian có ba loại là:

1. Thế Gian giới (Lokadhātu): Tức là Tâm, Tâm Sở, và Sắc Pháp.
2. Thế Gian chúng sanh (Lokasatta): Tức là mười hai hạng người, bao gồm người khổ, người lạc vô nhân, người nhị nhân, người tam nhân, người sơ đạo, người nhị đạo, người tam đạo, người tứ đạo, người sơ quả, người nhị quả, người tam quả, và người tứ quả.
3. Thế Gian địa giới (Lokabhūmi): Tức là 31 cõi, bao gồm 11 cõi Dục giới, 16 cõi Sắc giới, và 4 cõi Vô Sắc giới.

Phẩm Thế Gian có 12 câu, nêu đủ cả hai mặt nghĩa đen và nghĩa bóng của từ ngữ “Thế Gian.” Thế Gian theo nghĩa đen, đức Phật chỉ cho chúng ta về mặt thời gian của đời sống gồm kiếp quá khứ, hiện tại, vị lai, và thế gian của tam giới về mặt không gian. Thế gian theo nghĩa bóng, đức Phật dùng để chỉ về thân ngũ uẩn của chúng ta.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm sáu mươi bảy:

Hī naṃ dhammaṃ na seveyya	<i>Chớ theo pháp hạ liệt,</i>
pamādena na saṃvase	<i>Chớ sống mặc buông lung</i>
micchādittḥim na seveyya	<i>Chớ tin theo tà kiến</i>
nasiyā lokavaddhano	<i>Chớ tăng trưởng tục trần.</i>

Đại ý: Không nên phục dịch mục tiêu bần tiện. Không nên sống buông lung phóng dật, không nên ôm ấp tà kiến. Không nên nâng đỡ thế gian (P.C. 167).

Từ ngữ “Thế Gian” trong câu này, đức Phật nói về Tam Giới, cõi đời. Người nào còn có những ý tưởng xấu xa hạ liệt, hướng về dục lạc, những khoái lạc vật chất, sống buông lung, phóng túng, tạo ra những hành động thấp hèn, ngã mạn, kiêu ngạo, hung hăng, tri kiến sai lạc, làm mê, đức Phật nói rằng người ấy còn trở đi trở lại với thế gian.

Nhận thức sự trở đi trở lại với thế gian này sẽ làm cho chúng ta phải chịu nhiều khổ đau, đức Phật khuyên chúng ta cố gắng thoát khỏi cái thế gian này.

Haṃsādiccapathe yanti	<i>Như chim thiên nga bay</i>
ākāse yanti iddhiyā	<i>Thần thông liêng giữa trời</i>
nīyanti dhīvā lokamhā	<i>Chiến thắng ma, ma quân</i>
jetvā māraṃ savāhinim	<i>Kẻ trí thoát đời này.</i>

Đại ý: Chim thiên nga bay dài theo đường mặt trời. Con người nhờ thân thông, bay giữa không trung. Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này nhờ chinh phục Ma Vương và lính của Ma Vương (P.C. 175).

Với những bậc thiện trí, Thánh Nhân đã thành đạt viên mãn mục tiêu cuối cùng là Đạo Quả Vô Sinh Níp Bàn, thoát khỏi thế gian Tam Giới này, vượt thoát khỏi lưới chinh phục của Ác Ma và lính Ma.

Cuộc đời có thể được xem như là một cuộc tranh đấu không bao giờ dừng nghỉ giữa thiện và ác, giữa chánh và tà, giữa trí tuệ và vô minh. Đời sống của đức Phật và Thánh đệ tử của Ngài có thể được xem như là một cuộc đọ tài thử sức gay go và ác liệt giữa thế lực ti liệt, được gọi là Ác Ma tượng trưng, và thế lực cao thượng được gọi là Đạo Quả giải thoát làm biểu tượng.

Ác Ma có tất cả là năm loại:

1. Ngũ uẩn Ma (khandhamāra)
2. Phiền não Ma (kilesamāra)
3. Tội hành Ma (abhisankhāramāra)
4. Tử thần Ma (maccumāra)
5. Thiên tử Ma (devaputtamāra).

Đối diện với đức Phật và chư Thánh đệ tử của Ngài, thường là chư thiên Ma ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại rất có quyền lực. Và binh lính của Ma Vương, bao gồm mười loại dục vọng và phiền não (kilesa) là: tham dục; bất mãn với đời sống Phạm Hạnh cao thượng; đói và khát; ái dục; hôn trầm thùy miên; sợ hãi; hoài nghi; phi báng và cố chấp; lợi lộc, khen tặng, vinh dự và thính danh bất chánh; đánh cao quá mức giá trị của mình và khinh rẻ người khác.

Ác Ma tượng trưng cho các phiền não, đức Phật và chư Thánh đệ tử là các vị đã đoạn trừ phiền não và đang tập đi trên con đường đoạn trừ các phiền não. Một khía cạnh khác, Ác Ma là các dục vọng, và tất cả những ai còn bị các dục chi phối thì những người ấy còn nằm trong quyền lực của Ác Ma. Đức Phật và các Thánh đệ tử là những người đã hay đang thoát ly khỏi sự chi phối của các dục, đã hay đang vượt qua các chạm bẫy của ái dục, trở thành đối tượng đối nghịch của Ác Ma.

Các bậc Thánh Nhân đã thành đạt mục tiêu cuối cùng là Vô Sinh Níp Bàn, đôi khi các Ngài có nhiều năng lực phi thường, hoặc đôi khi các Ngài cũng không có.





## Phẩm thứ mười bốn – Phẩm Phật

Từ ngữ “Buddha” dịch là giác ngộ, tỉnh giác. Là bậc giác ngộ chân chánh, đã tỉnh giác vô minh, thông suốt lý Tứ Đế, và đem ra giáo hóa chúng sanh cùng hiểu biết. Những bậc giác ngộ và đạt Đạo Quả Níp Bàn có ba hạng:

**I. Đức Phật Toàn Giác hay Chánh Biến Tri (Sammāsambuddha):** Là bậc tự mình giác ngộ chân chánh do sự cố gắng và trí tuệ, không ai chỉ giáo trên con đường giải thoát. Sau khi đắc quả vô thượng, Ngài phổ cập giáo lý đã tìm được đến tất cả chúng sanh nào muốn tìm chân lý để tu hành đến nơi giải thoát như Ngài.

Theo Tam Tạng Pālī, từ thời kỳ quá khứ đã có hai mươi tám vị Chánh Biến Tri hiện hữu trên những quả địa cầu khác nhau. Vị Phật thứ 28 ấy chính là đức Phật Thích Ca, dòng Sakya, họ Gotama, tên Siddhattha. Lúc còn Bồ Tát (Bodhisatta) đã thực hành tròn đủ ba mươi pháp Ba La Mật (Pāramī - Pháp Độ) trong suốt 4 A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu. Đến kiếp chót, đêm rằm tháng tư, Ngài đắc chứng quả Chánh Đẳng Chánh Giác. Đắc quả này là kết tinh cuối cùng của một lòng tự tin, một sự tự lực tự giác, chớ không nhờ ở một quyền lực siêu thiên nhiên nào giúp đỡ. Ngài đã diệt được bao điều chi phối của ngoại cảnh đối với thân tâm để trở thành thanh tịnh chứng pháp, lãnh hội rõ ràng chân tánh của mọi sự vật. Ngài đã là Toàn Giác. Ngài đã thành Phật vào lúc ba mươi tuổi. Từ đây gọi Ngài là đức Phật Gotama, một vị Phật trong trường chi vô lượng Phật quá khứ và vị lai. Ngài đã châu du khắp đây đó tại nước Ấn Độ suốt bốn mươi năm trường để thuyết pháp độ sinh. Giáo lý của Ngài đến nay vẫn còn tồn tại nguyên vẹn.

Pháp Độ (Pāramī - Ba La Mật) hay gọi là “Đáo Bỉ Ngạn” tới bờ an vui là Níp Bàn có mười:

1. **Bố Thí Độ:** Là trợ tài vật, giúp công sức, thí pháp làm nhân đưa đến Đạo Quả và Níp Bàn.
2. **Trì Giới Độ:** Gìn giữ các giới, Ngũ giới, Bát giới, Sa di giới, Tỳ khưu giới, tạo nhân đến giải thoát.
3. **Ly Dục Độ (Xuất Gia Độ):** Là chán luyến trần, chẳng mong cầu trong Tam Giới, hay ly tục xuất gia.
4. **Trí Tuệ Độ:** Trau giồi trí (Văn, Tư, Tu) để sát trừ phiền não.
5. **Tinh Tấn Độ:** Là siêng năng, cố gắng, sốt sắng hành các Pháp Độ kia cho mau đầy đủ.
6. **Nhẫn Nại Độ:** Là nhẫn nhịn, ráng chịu, đè nén các xung đột thô thiển không cho phát ra.
7. **Chân Thật Độ:** Chắc thật ngay thẳng để làm căn lành cho giải thoát cao siêu.
8. **Chí Nguyên Độ:** Quyết tâm diệt trừ phiền não, thành đạt Đạo Quả, giải thoát Níp Bàn.

9. Từ Ái Độ: Mong muốn tất cả đều an vui, dùng lòng tốt thương mến cùng khắp chúng sanh, làm nhân đưa đến Níp Bàn.
10. Hành Xả Độ: Vượt thoát khỏi những thăng trầm thế sự là đặng lợi - mất lợi, đặng quyền tước - mất quyền tước, bị chê - được khen, hạnh phúc - khổ đau. Giữ Tâm bình thản đưa đến giải thoát Níp Bàn.

Mỗi Pháp trên đều chia ra làm ba bậc là bậc thấp (Pāramī - đến bờ này, dành cho bậc Thinh Văn Giác), bậc trung (Upapāramī - đến bờ kia, dành cho bậc Độc Giác), bậc cao thượng (Paramatthapāramī - đến bờ cao thượng, dành cho bậc Toàn Giác).

Cộng lại có 30 Pháp Độ. Pháp Độ là pháp đưa đến Níp Bàn, đưa đến Đạo Quả Toàn Giác, Độc Giác và Thinh Văn Giác.

Chưa đến Đạo Quả cũng đặng hưởng sáu điều là:

1. Tuổi thọ đầy đủ (āyusampadā)
2. Nhan sắc đầy đủ (rūpasampadā)
3. Sanh trong giòng giống cao sang (kulasampadā)
4. Danh tước đầy đủ (issarujassampadā)
5. Công chúng kính trọng (ādeyyavacanatā)
6. Có đại uy lực (mahānubhāvata)

**II. Đức Phật Độc Giác hay còn gọi là Bích Chi Phật (Pacceka Buddha):** Là bậc tự mình giác ngộ chân chánh do sự cố gắng và tự nỗ lực, không thầy giáo hóa, nhưng không dẫn dắt ai đến nơi giải thoát bằng cách truyền bá các pháp cao thượng mà mình đã tìm được. Tự tu, tự chứng, tự giải thoát. Chư Phật Độc Giác chỉ hiện hữu trong thời kỳ không có Phật Chánh Đẳng Giác trên thế gian này.

Quý Ngài chỉ trau dồi đủ 20 Pháp Độ (bờ này và bờ kia) đưa đến Níp Bàn.

**III. Đức Thinh Văn Giác (Sāvaka Buddha):** Là bậc giác ngộ chân chánh do nhờ được nghe Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác mà đắc Tuệ Giác, diệt tận lòng ái dục và tất cả phiền não trong Tâm. Các bậc này, nếu hội đủ nhân duyên, quý Ngài cũng có thể nói lên con đường tu tập của chính mình với những kinh nghiệm đã trải qua cho những chúng sanh hữu duyên với quý Ngài, như đại đức Ananda, Sāriputta v.v...

Chư Thinh Văn Giác trau dồi trọn vẹn Thập Độ đủ đưa đến Níp Bàn giải thoát.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ một trăm bảy mươi chín:

Yassa jitaṃ nāvajīyati	<i>Vị chiến thắng không bại</i>
jitamassa no yati koci loke	<i>Vị bước đi trên đời</i>
taṃ Buddhaṃ anataḡocaraṃ	<i>Không dấu tích chiến thắng</i>
apadaṃ kena padena nessatha?	<i>Phật giới rộng mênh mông</i>



*Ai dùng chân theo dõi  
Bậc không để dấu tích.*

Đại ý: Người mà cuộc chinh phục dục vọng không thể thất bại trên thế gian này, không dục vọng nào đã bị khắc phục còn theo người ấy. Oai lực của vị Phật - không dấu vết ấy - thật vô cùng tận. Người sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào? (P.C. 179).

Ý nghĩa kệ Pháp Cú nêu lên hình ảnh hoàn hảo của đức Phật. Đức Phật đã tận diệt mọi dục vọng của tham sân si. Các dục vọng ấy không còn phát sanh đến Ngài được nữa. Cuộc chiến thắng tinh thần của Ngài không thể bị lay chuyển, và Ngài trở thành người bất chiến bại. Ngài không để lại một dấu vết gì ở thế gian vì đã đoạn tận mọi kiết sử Tham Sân Si. Ngài là bậc hoàn thành mọi việc một cách trọn vẹn (minh hạnh túc), năng lực vô tận, lãnh giới Ngài vô hạn, không còn ai có thể quyến rũ dắt dẫn Ngài vào việc ti liệt sa đoạ.

Kiccho manussapaṭilābho	<i>Khó thay được làm người</i>
Kiccham maccāna jīvitam	<i>Khó thay còn được sống</i>
Kiccham saddhammasavanam	<i>Khó thay nghe diệu pháp</i>
Kiccho buddhānam uppādo	<i>Khó thay Phật ra đời.</i>

Đại ý: Được sanh làm người quả thật hiếm hoi. Kiếp sống làm người quả thật khó. Nghe được chân lý tối thượng quả thật khó. Hy hữu thay có một vị Phật ra đời (P.C. 182).

Đức Phật tự xác chứng vị trí của mình khi Ngài nói với tôn giả Sāriputta, “Những ai nói về Ta một cách chân chánh sẽ nói như sau: Một vị hữu tình không bị Si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư Thiên và nhân loại.” (Trung Bộ I, 83).

Đức Phật dùng một thí dụ xác định rõ ràng vị trí của Ngài trong thế giới loài người, “Ví như, này Bà La Môn, bông sen xanh, bông sen hồng hay bông sen trắng sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước và đứng thẳng không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, này Bà La Môn, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà La Môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì.”

Xuyên suốt bốn mươi lăm năm ròng rã truyền bá chân lý, tận tụy diu dắt chúng sanh thực hành hạnh nguyện từ bi bác ái, tự giác giác tha, khuyến nhủ chúng sanh bỏ dữ làm lành vun bồi đạo đức, tạo cho mình có được một đời sống an ổn nhu hòa. Đi đến đâu đức Phật luôn đem an lạc hạnh phúc đến nơi đó.

Sabbapāpassa akaranam	<i>Không làm mọi điều ác</i>
Kusalassa upassampadā	<i>Thành tựu các hạnh lành</i>
Sacittapariyodapanam	<i>Tâm ý giữ trong sạch</i>

etaṃ Buddhāna sāsanaṃ

*Chính lời chư Phật dạy.*

Đại ý: Không làm điều ác, trau dồi việc thiện, thanh lọc tâm. Đó là giáo huấn của chư Phật (P.C. 183).

Khantī paramaṃ tapo titikkhā  
nibbānaṃ paramaṃ vadanti Buddhā  
Na hi pabbajito parūpaghāti  
Samaṇo hoti paraṃ vihe ṭhayaṃto

*Chư Phật thường giảng dạy  
Nhân, khổ hạnh tối thượng  
Níp Bàn, quả tối thượng  
Xuất gia không phá người  
Sa môn không hại người.*

Đại ý: Hành pháp nhẫn nại là khổ hạnh cao thượng nhất. Níp Bàn là tối thượng theo lời chư Phật dạy. Đúng vậy, người gây tổn hại cho kẻ khác không phải bậc xuất gia. Bậc Sa Môn không hề áp bức ai (P.C. 184).

Anūpavādo anūpaghāto  
pātimokkhe ca saṃvāro,  
mattaññutā ca bhattasmiṃ  
pantaṃ ca sayanāsaṃ  
adhicitte ca āyogo  
etaṃ buddhāna sāsanaṃ

*Không phỉ báng, phá hoại  
Bảo vệ giới căn bản  
Ăn uống có tiết độ  
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh  
Chuyên chú tăng thượng tâm  
Chính lời chư Phật dạy.*

Đại ý: Không lăng mạ, không gây tổn hại, tự thu thúc đúng theo giới luật căn bản, ẩm thực tiết độ, sống ăn dật, chuyên cần chú niệm cao thượng. Đó là giáo huấn của chư Phật (P.C. 185).

Đạo Phật có thể tóm tắt trong ba câu kệ trên. Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều lấy ba câu này làm nền tảng căn bản trong tất cả mọi lời dạy.

Và đức Phật quả quyết rằng, con người khi gặp điều kinh hãi thì hằng đi tìm nơi nương tựa ẩn náu, nhưng không bao giờ được như ý, cho dù đó là đồi núi, rừng rậm, cây cối và đèn miếu. Đức Phật nói rằng, chỉ có ba nơi Tam Bảo, Phật-Pháp-Tăng, thì mỗi chúng sanh đi đến tìm nương tựa thì hằng được an vui, thoát khổ.

Con người là nương tựa quý báu nhất của con người. Người Phật tử tìm nương tựa (quí y) nơi đức Phật, giáo pháp và tăng già, xem đó là vị đạo sư, lời giáo huấn và người hướng đạo, để thành đạt sự giải thoát của mình và khỏi phiền não của đời sống. Đức Phật là vị Thầy cao quý nhất đã vạch ra con đường giải thoát. Giáo Pháp là con đường duy nhất hỗ trợ cho mặt tâm linh đi đến thanh tịnh. Tăng Già đại diện cho các vị Thánh Văn đã theo đúng con đường và trở thành những gương sống. Ta chính thức trở thành Phật tử sau khi thọ lễ qui y Tam Bảo một cách hiểu biết. Người Phật tử qui y hay tìm nương tựa nơi đức Phật, không phải để cầu xin hay hy vọng được chính Ngài hành động để giải thoát. Niềm tin mà người Phật tử trọn vẹn đặt vào đức Phật cũng giống như niềm tin của bệnh nhân đặt vào một danh y, hay của trò nơi thầy.

Nói tóm lại, nói đến Phật, chúng ta phải nghĩ đến ân đức của Phật thật là vô lượng, bao gồm ba ân đức trọng đại là:

Tuệ Đức (paññāgūṇa): Có trí tuệ hoàn toàn sáng suốt, không có chi che án đượ, thông suốt cả Tam Giới bốn loài, thấu triệt lý Tứ Đế là thấy rõ, biết rõ ái dục phiền não, nguyên nhân sanh ra ái dục phiền não, sự diệt tắt ái dục phiền não và con đường diệt tắt ái dục phiền não. Do nhờ trí tuệ hoàn toàn sáng suốt ấy, nên Ngài rõ biết nghiệp lực nào có sự lợi ích, nghiệp nào có sự nguy hại hầu tìm phương tiện giáo huấn chúng sanh xa lánh các điều ác, làm những việc lành để sớm đến bờ giác ngộ.

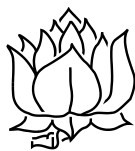
Tịnh Đức (visuddhigūṇa): Ngài đã xa lìa các phiền não thô lẫn tế, nên thân ngữ ý đều được trọn lành. Trước mặt người hoặc nơi khuất lấp, xa tai cách mắt thiên hạ, Ngài không hề làm, nói và tưởng điều sai quấy và tội lỗi.

Bi Đức (karunāgūṇa): Ngài thấy chúng sanh đang bị nóng nẩy trong lửa ngũ dục, đang chìm đắm trong biển trần ai, chịu thống khổ mãi trong sanh tử luân hồi, nên Ngài phát tâm bi mẫn bao la đối với tất cả chúng sanh, chẳng khác nào người mẹ hiền thương xót con dại, mong cho con thoát khổ, được an vui lâu dài. Từ khi còn tu hạnh Bồ Tát, Ngài đã từng hy sinh của cải và thân mạng để tìm phương cứu vớt chúng sanh, đến lúc thành đạo, Ngài lại không ngừng nghĩ, suốt bốn mươi lăm năm trường phổ độ chúng sanh.

Ngoài ra, đức Phật còn có mười danh hiệu ân đức như sau: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Và đức Phật đã dạy cho chư tỳ khưu biết được rằng những hạnh phúc cao quý nhất trong đời là:

Hạnh phúc thay, chư Phật giảng sanh,  
Hạnh phúc thay, giáo pháp cao minh,  
Hạnh phúc thay, tăng già hòa hợp,  
Hạnh phúc thay, tứ chúng đồng tu (P.C. 194).







## Phẩm thứ mười lăm – Phẩm An Lạc

Từ ngữ “Sukha” dịch là an lạc, hạnh phúc. Phẩm An Lạc có 12 câu, nêu lên tính chất an lạc theo quan điểm Phật giáo, có được hai loại như sau :

Samsasukha: An lạc về thể tục hay an lạc vật chất.

Niramsasukha: An lạc phi vật chất, hay an lạc tinh thần, an lạc tinh túy.

Hạnh phúc pha lẫn là hạnh phúc không trong sạch, là hạnh phúc tạp vật chất, ít hoặc nhiều. Ví như vàng không có kim loại nào xen vào thì gọi là vàng ròng, khi có chất bạc hay đồng lẫn lộn thì gọi là vàng pha. An lạc cũng thế, nếu an lạc vật chất, thì không phải là an lạc vĩnh viễn. An lạc của hạng triệu phú là an lạc trong tài sản, khi hết của cải thì hết an lạc; hoặc cái vui của người thích sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm v.v... không phải là cái vui hẳn, ấy là cái vui trong cảnh giới. An lạc trong đời đều nương theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nào phải là cái vui thật, chỉ là cái vui trong ngũ dục, nếu hết ngũ dục thì cũng hết vui; hoặc sự vui của người ưa mến pháp thế gian (lợi lộc, quyền thế v.v...) cũng chẳng phải là cái vui thuần nhất, cho đến cái vui của người còn tham sân si cũng vậy. Tất cả sự vui ấy không gọi là an lạc hoàn toàn, mà là cái vui tạm thời.

Tóm lại, cái vui phát sanh do sự hỗn hợp với cảnh, vật, người và phiền não toàn là cái vui về thể tục, hay cái vui tạm bợ.

An lạc hạnh phúc là cái vui trong sạch, không nương với các cảnh, vật, người, là cái vui yên lặng khỏi phiền não. Như các bậc xuất gia, các ngài đã từ bỏ ngũ dục, thực hành chánh pháp, trừ diệt tham sân si, đào bứng phiền não dù là còn sanh mạng, nhưng các ngài cũng hằng được an vui bảo hộ. Như thế là an lạc tinh túy phát sanh do sự trong sạch. Như các thánh nhân hưởng hạnh phúc hoàn toàn vì đã đoạn tuyệt phiền não. Do vậy, an lạc ngoài thể tục là an lạc chân thực.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm lẻ hai:

Natthi rāgasamo aggi	<i>Lửa nào bằng lửa than</i>
natthi dosasamo kali	<i>Ác nào bằng ác hận</i>
natthi khandhasamā dukkhā	<i>Khổ nào sánh khổ uẩn</i>
natthi santiparaṃ sukhaṃ	<i>Lạc nào bằng tịnh lạc.</i>

Đại ý: Không có lửa nào như tham ái. Không có tội ác nào như sân hận. Không có khổ đau nào bằng thân ngũ uẩn. Không có phước báu nào như tịch tịnh (Níp Bàn). (P.C. 202).

Những người tìm thú vui trong sự vui nương theo tiền bạc, của cải, hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp thế gian (lợi lộc, quyền thế v.v...) là cái vui không trong sạch, cái

vui còn lẫn lộn với cái khổ. Do chính tham sân si tạo tác và chinh phục lại con người. Đối với hạng người đã từ bỏ gia tài, sự nghiệp và pháp thế gian, các ngài đã gạt hái được sự an lạc hoàn toàn vì mọi dục vọng tham muốn đã dập tắt, ấy là an lạc ngoài thế tục, không trộn lộn với cảnh giới, đạt nguyện vọng cao tột của loài người.

Tất cả nhân loại trên thế gian này đều mong cầu an lạc, nhưng chẳng có mấy ai có được sự hoàn toàn vui sướng.

Đức Phật dạy rằng, “Người nào nghĩ rằng an lạc ở nơi tài vật, lợi lộc, quyền thế và ngũ dục, người ấy không bao giờ đi đến mục đích dập tắt được lòng ham muốn.”

Sự an lạc không bao giờ đến được khi chúng ta còn phải chung chạ với phiền não. Nếu “Tham” phát sanh thì phải có vật dụng để phụng sự lòng tham. Nếu “Sân” phát sanh thì vung vãng hung hãn mới toại chí v.v... vì là cái vui nương lẫn phiền não, nên không thể có niềm an vui hoàn toàn hạnh phúc.

Ārogyaparamā lābhā	<i>Vô bệnh, lợi tối thượng</i>
santuṭṭhī paramaṃ dhaṇaṃ	<i>Biết đủ, tiền tối thượng</i>
vissāsaparamā ñātī	<i>Thành tín đối với nhau</i>
nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ.	<i>Là bà con tối thượng</i>
	<i>Níp Bàn, lạc tối thượng.</i>

Đại ý: Sức khỏe là lợi ích cao thượng nhất. Tri túc là sự nghiệp vĩ đại nhất. Người thành tín là họ hàng thân thuộc nhất. Níp Bàn là quả phúc tối thượng (P.C. 204).

An lạc duy nhất của con người tức là sự an vui không pha lẫn với cái chi cả. Nó phát sanh từ cái Tâm yên lặng, khỏi tất cả những cái vui của ngũ dục v.v... không bị kích động bởi các Tham Sân Si. Cái Tâm an tĩnh trên đường hành đạo mà không có sự quuyến luyến trong vật dục, phiền não dục, đó là an lạc duy nhất trong Phật giáo, tịch tịnh - an vui Níp Bàn.

Sau khi nhận định thế nào là an lạc, người tu Phật nên chọn lấy một con đường chân chánh để tiến hành, ta sẽ nhận thấy chân giá trị của con người thay đổi hẳn. Muốn được trọn vẹn ước nguyện, đức Phật khuyên chúng ta nên gần gũi với các bậc Hiền Trí, Thánh Nhân, đó là một phước báu. Không nên kết hợp với người ngu đại, như thế mới mong đem mình ra khỏi bể khổ trầm luân, không còn sợ bị pháp thế gian đầu độc trong cái bối cảnh ảo huyền cảm dỗ của thế gian.

Sādhu dassaṇaṃ ariyānaṃ	<i>Lành thay, thấy thánh nhân</i>
sannivāso sadā sukhā	<i>Sống chung thường hưởng lạc</i>
adassaneā bālānaṃ	<i>Không thấy các người ngu</i>
niccaṃ eva sukhī siyā.	<i>Thường thường được an lạc.</i>

Đại ý: Được thấy bậc thánh nhân là quý, sống với bậc thánh nhân bao giờ cũng được hạnh phúc. Không thấy người cuồng dại, ta có thể an vui lâu dài (P.C. 206).

Bālasaṅgatacārī hi  
dīghaṃ addhāna socati  
Dukkho bālehi saṃvāso  
amitten'eva sabbadā  
dhīro ca sukhasaṃvāso  
ñātīnaṃ'va samāgamo.

*Sống chung với người ngu  
Lâu dài bị lo buồn  
Khổ thay gần người ngu  
Như thường sống kẻ thù  
Vui thay, gần người trí  
Như chung sống bà con.*

Đại ý: Đúng vậy, người sống chung với kẻ cuồng dại phải chịu sầu muộn lâu dài. Kết hợp với người điên cũng đau khổ như sống với kẻ thù. Hạnh phúc thay, kết hợp với bậc thiện trí, không khác nào gặp lại thân bằng quyến thuộc (P.C. 207).

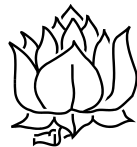
Tāsmā hi:  
dhīrañ ca paññañ ca bahussutañ  
dhorayhasīlaṃ vatavantaṃ āriyaṃ  
taṃ tādisaṃ suppurisaṃ sumedhaṃ  
bhajetha nakkhattapathaṃ'va  
cadimā.

*Do vậy:  
Bậc hiền sĩ, trí tuệ  
Bậc nghe nhiều, trì giới  
Bậc tự chế, thánh nhân  
Hãy gần gũi, thân cận  
thiện nhân, trí giả ấy,  
Như trăng theo đường sao.*

Đại ý: Do đó, với người thông minh, trí tuệ, bậc thông suốt có chịu đựng, giới hạnh trang nghiêm, và bậc thánh nhân với hạng người giới hạnh và trí thức như thế, ta nên kết hợp như mặt trăng đi theo con đường đầy sao sáng (P.C. 208).

Đức Phật hằng khuyên dạy như thế. Khuyên chúng ta nên ngồi chung với bậc thiện trí thức, nên ưa thích cùng với bậc thiện trí thức. Chúng ta sẽ được biết các chánh pháp mà các bậc thiện trí thức đã hành trì rồi, thì hằng được thoát khỏi tất cả thống khổ.

Ưa thích gần gũi với bậc thiện trí thức, tức là người có giới đức, lại am hiểu tường tận pháp lý cao siêu. Gần gũi và học hỏi nơi mấy vị ấy làm cho tâm tánh ta được cởi mở, trí tuệ phát sanh dễ dàng vì các ngài chỉ dạy toàn các điều lợi ích, mà nhất là lợi ích về tâm trí. Và cố gắng tránh những người ngu dại si mê, có nhiều tà kiến để khỏi bị nhiễm đắm tâm tánh xấu xa, không thể nào là nhân giúp ta phát sanh an lạc hạnh phúc được.









**Phẩm thứ mười sáu – Phẩm Hỷ Ái**

Phẩm Hỷ Ái gồm có 12 câu, nêu lên hai khía cạnh của Hỷ Ái. Hỷ Ái thông thường xuôi theo pháp thế gian, hiện thân của những căn gốc tham sân si, thì những hỷ ái đó đáng ghê sợ và xa lánh. Hỷ Ái khước từ thế gian, vun bồi chánh tri kiến, thành đạt chứng ngộ chân lý, xứng đáng cho mọi người ái kính.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm mười:

Mā piyehi samāgañchi	<i>Chớ gần gũi người yêu</i>
appiyehi kudācanam	<i>Trọn đời xa kẻ ghét</i>
Piyānam adassanam dukkham	<i>Yêu không gặp là khổ</i>
appiyānañ ca dassanam.	<i>Oán phải gặp cũng đau.</i>

Đại ý: Không nên tự ràng buộc vào những gì thân yêu, không bao giờ tự ràng buộc vào những gì không thân. Không gặp những gì mình thân yêu, và gặp những gì mình không thân yêu, cả hai trường hợp đều đau khổ (P.C. 210).

Cả hai trường hợp đều đau khổ, một đàng là duyên ái, còn đàng khác là oán ghét.

Đức Phật khuyên chúng ta nên nhận thấy mối nguy hại từ những cái “thân yêu” và “không thân yêu” theo thường tình thế gian. Mà chúng ta cần phải hiểu rõ gốc rễ của sự thân yêu ham muốn và không thân yêu ở từ đâu? Bởi do Vô Minh.

Vô Minh (Avijjā) nghĩa là không biết, không phân biệt chân tà, thực hư, mê mờ tăm tối, theo ba điều như sau:

Vạn vật trong Tam Giới đều không bền vững lâu dài, nay dời mai đổi (aniccam - vô thường), mà lại thấy là bền vững lâu dài.

Vạn vật không bền vững thì là khổ (dukkham), lại thấy cho là vui.

Chẳng có một vật chi là thật của ta, ở dưới quyền lực của ta (anātta - vô ngã), mà lại cho là của ta (vợ ta, con ta, tài sản ta).

Bởi cái lầm tưởng ấy nên mình mới có lòng say mê theo cảnh trần giả dối. Có say mê mới có chịu khổ.

Chúng sanh trôi lăn trong sáu đường (trời, người, atula, ngựa quý, súc sanh, địa ngục), nào có ai được bền vững lâu dài, nay còn mai mất, nay dời mai đổi, nay hợp mai tan. Xem coi cha mẹ ta, vợ chồng ta, con cái ta sanh ra rồi thì lật bật thấy già, đau, chết, tất cả đều đổi thay. Nào có ai sống hoài mà không chết, đến khi xa lìa rồi thì ta lại phải sầu khổ. Nào có ai thanh hoài mà không suy, đến khi suy sụp rồi thì lại đau khổ. Quả thật vậy, chẳng có một ai tránh khỏi các sự khổ ở đời.

Bởi có vô minh mới có lầm tưởng, cho cái giả là thật, cho cái khổ là vui, mới có thân yêu ham muốn, say mê theo ngũ trần dục lạc là:

Mắt ưa thích nhìn xem sắc tốt.  
Tai ưa thích nghe tiếng hay.  
Mũi ưa thích tìm ngửi mùi thơm.  
Lưỡi ưa thích tìm nếm vị ngon.  
Thân ưa thích sự xúc chạm êm ái.

Do vui thích trong năm sắc trần đó, chân tánh mới lu mờ, tinh thần bị ám muội, tạo nên nghiệp ác sâu dày, mắc phải trầm luân khổ ái lâu dài.

Piyato jāyati soko	<i>Do ái sinh sầu ưu</i>
piyato jāyati bhayaṃ	<i>Do ái sinh sợ hãi</i>
piyato vippamuttassa	<i>Ai giải thoát tham ái</i>
natthi soki luto bhayaṃ	<i>Không sầu, đâu sợ hãi.</i>

Đại ý: Thân yêu sanh sầu muộn. Thân yêu sanh lo sợ. Người đã trọn vẹn cắt đứt tình thân, không còn sầu muộn, càng ít lo sợ (P.C. 212).

Nếu muốn thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi thì phải trừ vô minh và ái dục là mầm cội của bao khổ đau.

Mắt không nên luyện theo sắc trần.  
Tai không nên luyện theo tiếng trần.  
Mũi không nên luyện theo mùi trần.  
Lưỡi không nên luyện theo vị trần.  
Thân không nên luyện theo xúc trần.

Nếu căn không luyện theo trần và hồi quang phản chiếu thấy được cái xác thân mà gọi là “Ta” và “Của Ta” đây chỉ là bao gồm 32 thể trực, thì dần bớt dần sự ham muốn ưa thích, bớt sanh lo sợ, không còn khổ đau.

Cái nhân của các việc khổ là gốc bởi lòng tham muốn, bằng dứt lòng tham muốn thì cái khổ không còn chỗ sanh khởi vậy.

Đức Phật có nói, “Thảm thay cho con người, đã sanh ra rồi mà còn phải bị cái khổ Già - Đau - Chết, không sao tránh khỏi.” Bị ba cái khổ trọng đại ấy, mà con người vẫn không sớm tìm đường thoát khỏi. Cũng vì chúng ta quá si mê, lầm tưởng chúng ta còn trẻ chưa già, còn mạnh chưa đau, còn sống lâu chưa chết, quên câu “mạng bất khả diên, thời bất khả đãi” (mạng chẳng khá chờ, giờ chẳng khá đợi). Lại có câu, “Một hậu trầm luân, nhưt thất nhân than, vạn kiếp bất phục” (chết rồi đọa lạc, thuở mất thân, muôn kiếp khó đặng lại), cho nên chúng ta phải sớm thức tỉnh, chớ say mê vui thú theo người, thú và vật, ngũ

trần dục lạc làm cho bản tánh lu mờ, tinh thần điên đảo, gây bao nhiêu hành động sai quấy, phải chuốc lấy bao khổ đau.

Ngoài ra, đức Phật cũng có khuyên chúng ta nên dứt bỏ sự oán thù ở “thân ngữ ý” của ta đối với người, nên trừ tuyệt những điều tội lỗi ở “thân ngữ ý” oán hận của mình và dùng “thân ngữ ý” của ta làm nên việc đạo đức. Như thế chúng ta vượt thoát khỏi mọi khổ đau ở cả hai mặt là “thân yêu” và “không thân yêu.”

Ngoài ra, còn có một loại hỷ ái khác, khi sanh khởi lên làm cho có lợi ích, an vui cho mọi người, đó là hỷ ái khước từ thế gian, liễu tri chân lý, đáng được ái kính.

Sīladassanasampannaṃ	<i>Đủ giới đức chánh kiến</i>
dhammatṭhaṃ saccavedinaṃ	<i>Trú pháp, chứng chân lý</i>
attano kamma kubbānaṃ	<i>Tự làm công việc mình</i>
taṃ jano kurute piyaṃ	<i>Được quần chúng ái kính.</i>

Đại ý: Người toàn hảo trong giới hạnh và giác tuệ, kiên cố trong giáo pháp, chứng ngộ chân lý và làm tròn nhiệm vụ, người ấy được mọi người kính mộ (P.C. 217).

Giới hạnh được toàn hảo bao gồm có bốn, còn được gọi là Tứ Thanh Tịnh Giới là:

1. Giới biệt biệt giải thoát (pātimokkha saṃvarasīla), giữ được một giới thì khỏi một tội.
2. Giới thu thúc lục căn thanh tịnh (indriya saṃvarasīla)
3. Giới nuôi mạng chân chánh trong sạch (ājīva pāri -suddhisīla).
4. Giới quán tưởng thanh tịnh (paccaya sannissitasīla) trong khi thọ dụng bốn món vật dụng.

Giác tuệ - đó là tuệ giác có liên quan đến bốn Đạo, bốn quả siêu thế, kiên cố trong giáo pháp. Đó là 9 trạng thái siêu thế, gồm bốn Đạo, bốn Quả và Níp Bàn. Chứng ngộ chân lý tối thượng là Tứ Thánh Đế. Tự hoàn thành nhiệm vụ, viên mãn mọi hạnh nguyện là thực hành đầy đủ Giới-Định-Tuệ, bậc như vậy đáng ái kính trong đời.







## Phẩm thứ mười bảy – Phẩm Phần Nộ

Từ ngữ “Kodha” dịch là sân hận, phần nộ, nổi giận, buồn bực, không kiểm soát được Tâm. Tâm sân hận không những làm hao mòn người có Tâm ấy mà còn ảnh hưởng không tốt đến những người ở chung quanh.

Phẩm Phần Nộ có 14 câu, gồm những lời đức Phật khuyên dạy chúng ta cố gắng dứt bỏ tâm sân hận, chế ngự tâm phần nộ và cố gắng trau giồi đời sống cao thượng, giữ hạnh chân thật, nhẫn nại và bố thí sẽ nâng đỡ con người chúng ta đến chỗ thanh cao siêu thoát.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm hai mươi ba:

Akkodhena jine kodham  
asādhum sādhanā jin  
jine kadariyaṃ dānena  
saccena alikavādinam.

*Lấy không giận thắng giận  
Lấy thiện thắng không thiện  
Lấy thí thắng xan tham  
Lấy chân thắng hư ngụy.*

Đại ý: Hãy lấy tình thương chế ngự tâm sân. Lấy cái tốt chinh phục điều xấu. Lấy tâm bố thí thắng người xan tham bòn xén. Lấy sự chân thật khắc phục kẻ giả dối (P.C. 223).

Con người là một chúng sanh huyền bí có nhiều tiềm năng phi thường. Có hai năng lực trái ngược, luôn luôn ngủ ngầm trong mỗi người, một là hướng về cao thượng trong sạch, đặc tánh của bậc thánh nhân, và một lại hướng về những điều tội lỗi, như bản của kẻ sát nhân tàn bạo. Cả hai năng lực này luôn nằm trong ta, nhiều hay ít, tùy trường hợp.

Trong guồng máy phức tạp của con người, có cái Tâm vô cùng dũng mãnh. Tâm chứa đựng một kho tàng đức hạnh và một hầm tặc xấu. Người biết vun bồi đức hạnh là một phước lành cho nhân loại. Kẻ bị tặc xấu chi phối là một đại họa cho xã hội.

Những ai có chí hướng trở thành bậc vĩ nhân cao thượng và hữu ích, những ai muốn vượt lên đám đông quần chúng để phục vụ nhân loại bằng cách nêu cao tấm gương trong sáng và ban bố những lời dạy hữu ích đều hết sức cố gắng gội rửa những tặc xấu còn lại và phát triển những đức hạnh đang ngủ ngầm trong tâm.

Nhận thức phần nộ là một tặc xấu có sức tàn phá vô cùng khốc liệt, đức Phật khuyên dạy chúng ta phải biết sử dụng tâm “Từ” tình thương, là một đức hạnh cao quý làm cho con người trở nên cao thượng.

Nhận thức bất thiện là điều kiện làm cho chính mình bị xấu xa, không tốt đẹp, hằng trở quả không an vui, đức Phật khuyên dạy chúng ta phải biết làm các thiện (thập thiện) hầu đem lại cho chúng sanh nhiều sự an lạc.

Đức Phật khuyên dạy chúng ta phải biết sống với Tâm quảng đại. Một khi ta thực hiện được lòng rộng mở quảng đại thì ta hằng đạt được hai điều như sau:

1. Tiêu trừ những tư tưởng ích kỷ, hẹp hòi, xấu xa.
2. Phát triển được những tư tưởng vong kỷ, vị tha, quảng đại bao la.

Người bố thí với tâm quảng đại là đang diệt lần mọi luyến ái ngũ ngâm trong tâm.

Sự giả dối gian tà không đem lại an lạc cho người tạo ra những điều ấy. Chỉ có hạnh chân thật hằng đem lại an lạc cho người chân thiện. Chân thật có nghĩa là giữ trọn vẹn mọi sự thật.

“Yathāvādi tathākārī, yathākārī tathāvādī.”

Nói sao làm vậy, làm sao nói vậy.

Người Phật tử phải tự xem có bốn phạm phải luôn luôn giữ chân thật, chân lý. Phải chánh trực, thành thật và trong sạch. Nghĩ sao nói vậy, và luôn luôn dung hòa tư tưởng lời nói và việc làm. Trong mọi việc luôn luôn ngay thật và không thể sai chạy. Không giả dối, không chút gian xảo giữa thân tâm và lời nói của chính mình.

Porāṇaṃ etaṃ Atula  
n’etaṃ ajjatanam iva  
nindanti tiṃhiṃ āsīnaṃ  
nindanti bahubbāṇinaṃ  
natthi loke anindito.

*Atula nên biết  
Chẳng phải chuyện đời nay  
Đời xưa cũng từng nói  
Ngồi im bị người chê  
Nói vừa phải, bị chê  
Làm người không bị chê  
Thật khó tìm ở đời.*

Đại ý: Này Atula, đây là một thành ngữ đã có từ ngàn xưa không phải chỉ mới có ngày nay: Chúng nó khiển trách ai nói nhiều, ai nói ít cũng bị chúng khiển trách (P.C. 227).

Nacāhu na ca bhavissati  
na c’etarahi vijjati  
ekantaṃ nindito poso,  
ekantaṃ vā pasamsito

*Xưa, vị lai và nay  
Đâu có sự kiện này  
Người hoàn toàn bị chê  
Người trọn vẹn được khen.*

Đại ý: Trong quá khứ, vị lai, hay trong hiện tại, không bao giờ có người bị khiển trách hoàn toàn hay được tán dương hoàn toàn (P.C. 228).

Bản chất đời sống không ngừng các việc tranh chấp hơn thua, đúng sai với tâm phần nộ, ganh ghét, sân hận. Đức Phật tuyên bố rằng trên thế gian khó có ai sống trên đời này mà không bị khiển trách, không ai bị khiển trách hoàn toàn, luôn cả việc được tán dương hoàn toàn.

Với người không đáng bị khiển trách thì được tán dương.

Yan ce viññū pasamsanti	<i>Sáng sáng, thâm xét kỹ</i>
anuvicca suve suve	<i>Bậc có trí tán thán</i>
acchiddavuttim medhāvim	<i>Vị có trí sáng suốt</i>
paññāsīlasamāhitam.	<i>Có hạnh không tỳ vết</i>
	<i>Đầy đủ giới định tuệ.</i>

Đại ý: Thường xét mình hằng ngày, bậc thiện trí tán dương người có đời sống không khuyết điểm, thông minh, có đầy đủ trí kiến và phẩm hạnh (P.C. 229).

Đức Phật dạy rằng với người có tâm đạo vững chắc, khiêm tốn, chuyên cần, luôn luôn giữ tâm niệm và phát triển trí tuệ, vun bồi giới hạnh, an tịnh thân tâm thì hằng được tiến hóa và được các bậc hiền trí hoan hỷ tán dương.

Đức Phật thường thuyết, “Giáo pháp của Như Lai toàn hảo từ đoạn đầu, toàn hảo nơi đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn cuối.”

- Toàn hảo từ đoạn đầu có nghĩa là khi nghe được giáo pháp người liền chán ngán thế sự, phát tâm tin tưởng đức Thế Tôn rồi đi tìm cuộc sống tinh thần cao thượng.
- Toàn hảo nơi đoạn giữa là khi công phu hành đạo, thân tâm trở nên thoi thới, người rất thỏa thích vừa lòng, rồi cố gắng thêm làm cho Pháp hành càng tiến triển.
- Toàn hảo ở đoạn cuối là khi thấu đáo thực chất của các pháp hữu vi cấu tạo là ba trạng thái vô thường, khổ não, vô ngã, thì nội tâm trở nên minh triết thánh thiện. Người biết mình đã đi tới mục đích, đã giác ngộ, không còn dính mắc trong vòng sanh tử nữa.

Ba giai đoạn trên đây biểu tượng cho con đường Giới-Định-Tuệ được sắp đặt theo thứ tự:

- Giới ngăn ngừa các điều xấu xa tội lỗi.
- Định phá tan tư tưởng ngông cuồng lầm lẫn.
- Tuệ hủy diệt thành kiến si mê ngã chấp.
- Giới thanh lọc các điều tai hại của nghiệp dữ.
- Định tẩy trừ những nguy cơ của lòng tham muốn.
- Tuệ tận diệt sai lầm do tà kiến tin tưởng dị đoan.
- Giới đưa người ra khỏi mãnh lưới của sắc trần.
- Định chế ngự các ý nghĩ vu vơ, vô hiệu hóa tâm ái dục.
- Tuệ giải thoát chúng sanh ra khỏi dòng sanh tử.

Người có trí tuệ hằng ghi nhớ, biết mình trong mỗi hành động, mỗi suy tư nên tinh thần an tĩnh vắng lặng. Cái Tâm an tịnh không còn nghĩ quấy, là yếu tố nội tại thiết yếu để thanh lọc và bảo trì giới đức cao thượng.

Người hành đạo cần phải nhận thức sự hỗ tương chặt chẽ giữa Giới-Định-Tuệ.

Kāyappakopam rakkheyya	<i>Giữ thân đừng phẫn nộ</i>
kāyena samvuto siyā	<i>Phòng thân khéo bảo vệ</i>
kāyaduccaritam hitvā	<i>Từ bỏ thân làm ác</i>
kāyena sucaritam care	<i>Dùng thân làm hạnh lành.</i>

Đại ý: Phải canh phòng, không để thân có hành động sai lầm và phải chế phục thân nghiệp. Đã dứt bỏ khẩu hạnh xấu, phải trang nghiêm gìn giữ thiện hạnh (P.C. 231).

Vacīpakopam rakkheyya	<i>Giữ lời đừng phẫn nộ</i>
vācāya samvuto siyā	<i>Phòng lời, khéo bảo vệ</i>
vacīduccaritam hitvā	<i>Từ bỏ lời thô ác</i>
vācāya sucaritam care.	<i>Dùng lời nói điều lành.</i>

Đại ý: Phải canh phòng, không để có lời nói sai lầm, và phải chế phục khẩu nghiệp. Đã dứt bỏ khẩu hạnh xấu, phải trang nghiêm gìn giữ thiện hạnh (P.C. 232).

Manopakopam rakkheyya	<i>Giữ ý đừng phẫn nộ</i>
manasā samvuto siyā	<i>Phòng ý, khéo bảo vệ</i>
manoduccaritam hitvā	<i>Xa lìa ý độc ác</i>
manasā sucaritam care.	<i>Dùng ý nghĩ hạnh lành.</i>

Đại ý: Phải canh phòng, không nên để có tư tưởng sai lầm và phải chế phục ý nghiệp. Đã dứt bỏ hạnh xấu của ý, phải trang nghiêm gìn giữ thiện hạnh (P.C. 233).

Bậc thánh nhân nhờ tịnh được tam nghiệp (thân, ngữ, ý), nên các ngài làm chủ được bản thân. Không ngừng nỗ lực chế ngự các bất thiện pháp và song song đó cũng không ngừng vun bồi trang nghiêm các thiện hạnh.

Những bậc hiền triết thường xuyên sống trong hiện tại. Các ngài thản nhiên, vắng lặng, không còn phân biệt: lành dữ, tốt xấu, phải quấy vì biết trên đời huyền ảo, chẳng có chi là tuyệt đối. Không có vật chi là hoàn toàn tốt hay xấu. Các ngài không còn ngã chấp, chẳng quý trọng mình hơn ai khác vì cho rằng tất cả đều vô thường, nên tâm tư bình thản, thanh tịnh an vui, tự tại, đạt đến hạnh phúc trường cửu phù hợp theo tinh thần Phật giáo.







## Phẩm thứ mười tám – Phẩm Cầu Uế

Phẩm Cầu Uế có 21 câu, nêu lên những uế trước, ô nhiễm làm cho Tâm bị dơ đục gây ra những hành động tội lỗi và trình bày con đường chánh hạnh làm tiêu trừ các ô nhiễm, uế hạnh.

Nói về Tâm dơ đục cầu uế và sự trong sạch, không cầu uế của Tâm, đức Phật có giải rằng:

“Yathodake āvile appasanne, na passati sippikasambukañca, sakkharaṃ vālukaṃ macchagumbaṃ, evaṃ āvilamhi citte, na so passati attadatthaṃ paratthaṃ yathodake acche vipasanne, so passati sippika sambukañca sakkharaṃ vālukaṃ macchagumbaṃ, evaṃ anāvilamhi citte, so passati attadatthaṃ paratthaṃ.”

Nghĩa là: “Người hăng không xem thấy sò, hén, ốc, sỏi, cát và bầy cá trong nước đục thế nào, người cũng không xem thấy sự lợi ích của mình và của kẻ khác khi Tâm dơ đục như thế vậy. Người hăng xem thấy sò, hén, ốc, sỏi, cát và bầy cá trong nước như thế nào, thì người cũng thấy sự lợi ích của mình và của kẻ khác khi Tâm không dơ đục như thế ấy”.

Các vật dơ bẩn làm cho nước trở nên đục có nhiều thứ như thế nào, thì tâm thường bị nhiều duyên cố làm cho cầu uế cũng như thế ấy. Nếu nói về điều trọng yếu thì nguyên do làm cho Tâm cầu uế là: 5 pháp triền cái, 16 pháp tùy phiền não, 8 pháp cầu uế, và 9 pháp ô trước.

Khi một trong các pháp trên đây phát sanh đến người nào thì tâm người đó phải mờ tối. Cho nên đức Phật thường khuyên hóa các tỳ khưu cần xem xét cái Tâm mình rằng, “Có pháp cầu uế như nhớp nào ở trong tâm ta chăng?” Nếu có, phải mau dứt trừ. Rồi Ngài dạy tìm phương pháp để ngăn ngừa không cho sanh khởi. Bằng xét rồi mà không thấy có thì phải quán tưởng đề mục thiền định hoặc hành pháp quán minh sát. Nhân đó, hành giả muốn cho Tâm không mờ tối cầu uế, hãy thu thúc đừng cho năm triền cái, 16 tùy phiền não, 8 cầu uế, 9 ô trước phát khởi trong tâm. Vì khi các ác pháp ấy dậy lên rồi thì tâm phải dơ đục, làm cho trí tuệ không mở mang được. Mà thiếu trí tuệ thì suy tính điều chi cũng không chân chánh, làm công việc chi cũng không sao thành tựu tốt đẹp.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm ba mươi sáu:

So karoḥi dīpaṃ attano  
khippaṃ vāyama, paṇḍito bhava  
niddhantamalo anañgano  
dibbaṃ ariyabhūmim ehisi.

*Hãy tự tạo hòn đảo  
Hãy tinh cần, sáng suốt  
Trừ cầu uế, thanh tịnh  
Chứng thánh địa chư thiên.*

**Đại ý:** Hãy tự tạo cho mình một hòn đảo. Hãy nhanh chóng tinh cần, trở thành người trí tuệ. Hãy thanh lọc bợn nhơ và làm người không dục vọng. Con sẽ bước vào nhân cảnh chư thánh (P.C. 236).

Ở đây đức Phật đặc biệt ghi nhận tầm quan trọng của sự cố gắng để đạt mục tiêu tối hậu là tự thanh lọc và giải thoát ra khỏi mọi phiền não khổ đau của đời sống. Cầu xin, van vái hay lệ thuộc vào người khác thì không có hiệu quả gì cả.

Phải sống như thế nào để coi chính mình là hải đảo, là chỗ nương tựa của mình, không tìm nương tựa bên ngoài. Phải biết sống chuyên cần, tinh tấn, giác tỉnh, chánh niệm, từ khước mọi tham ái trong thế gian, luôn luôn phát triển tâm định đối với thân, thọ, tâm, pháp.

Cần nắm rõ các pháp làm cho tâm bị cấu uế và phương pháp diệt trừ cấu uế nơi tâm.

### **A. Năm Pháp Triền Cái (nīvaranadhamma):**

Là những pháp ngăn cản sự tốt đẹp, làm mờ ám tâm.

1. Tham dục
2. Sân độc
3. Hôn trầm (thùy miên)
4. Trạo hối
5. Hoài nghi.

Nguyên nhân sanh khởi năm pháp triền cái:

Sự tham muốn trong ngũ dục phát sanh từ nơi bất tịnh, lại cho là tịnh.

Sự sân độc phát sanh từ nơi tâm bất bình, uất ức.

Hôn trầm (thùy miên) phát sanh từ nơi tâm không vui thích, thoải mái.

Trạo hối phát sanh do tâm không an lặng.

Hoài nghi phát sanh do không ghi nhớ bằng trí tuệ.

Năm pháp triền cái này, dù người không có tác ý mong mỏi, cũng có thể phát sanh lên được bởi do đã có thói quen tật nết từ lâu rồi.

Thí dụ năm pháp triền cái với năm thứ nước:

Tham dục ví như nước có lẫn lộn nhiều màu.

Sân độc ví như nước đang sôi trào.

Hôn trầm (thùy miên) ví như nước đang bị rong rêu che.

Trạo hối ví như nước có sóng lười bú.

Hoài nghi ví như nước đục và để trong nơi tối.

Khi nước đã biến đổi như vậy rồi, người không thể soi cho thấy bóng mặt được. Pháp triền cái cũng như điều che ngăn cái tâm không cho thấy lẽ chánh.

Phương pháp diệt trừ năm pháp triền cái:

1) Tham trong ngũ dục được diệt trừ bằng tham thiền đề mục bất tịnh (tử thi). Có 6 pháp để dứt lòng tham dục là:

- Tu tập đề mục bất tịnh
- Tinh tấn niệm đề mục bất tịnh
- Thu thúc lục căn
- Biết tiết chế trong ẩm thực
- Gần gũi bậc hiền triết
- Chỉ nên nói lời phát sanh yểm ly

2) Trừ sân độc bằng niệm từ ái, nghĩa là rải tâm từ ái đến tất cả chúng sanh. Có 6 phép để dứt lòng sân độc là:

- Tu tập đề mục từ ái
- Tinh tấn niệm đề mục từ ái
- Quán tưởng rằng mỗi chúng sanh có cái nghiệp riêng
- Cố gắng luôn thường quán tưởng
- Gần gũi bậc hiền triết
- Chỉ nói lên lời nên nói

3) Trừ hôn trầm (thùy miên) bằng pháp tinh tấn. Có 6 pháp để dứt lòng hôn trầm (thùy miên) là:

- Chú tâm về sự tiết chế trong pháp thọ thực
- Tinh tấn thay đổi oai nghi cho đều, thoải mái
- Quán tưởng làm cho tâm sáng lạng, tươi tỉnh
- Chỉ ngụ trong nơi trống (khoảng trống)
- Gần gũi bậc hiền triết
- Chỉ nói lên lời nên nói

4) Trừ sự trạo hối bằng sự tinh tấn. Có 6 pháp dứt trừ:

- Trạng thái người đa văn quảng kiến
- Tinh tấn tra vấn điều chân chánh, lẽ phải
- Biết thuần thục giới luật
- Tìm kiếm bậc trưởng thượng hoặc đức hạnh
- Gần gũi bậc hiền triết
- Chỉ nói lên lời nên nói

5) Trừ hoài nghi do sự ghi nhớ bằng trí tuệ trong thiện pháp. Có 6 pháp dứt trừ là:

- Trạng thái người đa văn quảng kiến
- Tinh tấn tra vấn điều chân chánh, lẽ phải
- Biết thuận thực giới luật
- Làm cho tâm có nhiều đức tin
- Gần gũi bậc hiền triết
- Chỉ nói lên lời nên nói

### **B. Mười sáu pháp tùy phiền não (upakilesadhamma):**

Là pháp làm cho cái tâm cấu uế như tro bụi dính y trắng.

1. Tham lam (abhiijjhavisamalobha): mong mỏi, dính mắc, không phân biệt tốt xấu.
2. Sân hận (dosa): nóng giận, nóng nảy, bực tức.
3. Ngầm giận (kodha): giận ở bên trong nội tâm.
4. Cố oán (upanāha): giận để ở trong lòng, chờ dịp trả thù, làm hại cho được kẻ khác.
5. Bội ơn (makkha): quên ơn, bạc nghĩa với người ban ân.
6. Tự cao (palāsa): đem mình so sánh với kẻ khác, không còn biết bậc cao thấp, không còn biết tôn trọng bậc trưởng thượng hoặc giới đức.
7. Tật đố (issā): ganh ghét, không mong muốn cho người khác được tốt lành.
8. Lận sặc (macchariya): bòn xén, rít rằm, ích kỷ.
9. Giấu lỗi mình (māyā): làm cho kẻ khác tin lầm mình và giả bộ làm cho người tưởng mình là tốt, là lành.
10. Khoe tài (sātheyya): khoe khoang tài năng mình.
11. Cứng cỏi (thambha): là tánh khó dạy, cứng đầu, dầu có người dạy bảo chân chánh cũng chẳng nghe theo.
12. Tranh tài (sarambha): tranh hơn thua với người.
13. Ngã mạn (māna): cố chấp, chấp ngã, chấp ta.
14. Khinh người (atimāna): xem thường, coi thấp người.
15. Say mê (mada): say đắm trong dục, quyền uy.
16. Dễ duôi phóng dật (pamada): quên mình, không cẩn thận.

Tất cả 16 tùy phiền não này đều là pháp như nhóp, mờ ám làm cho tâm trở nên cấu uế, xấu xa, làm điều tội lỗi.

Các pháp diệt trừ 16 tùy phiền não như sau:

1. Tri túc diệt trừ tham lam
2. Từ ái diệt trừ sân hận
- 3-4 Bi mẫn diệt trừ ngầm giận và cố oán
5. Tri ân và báo ân trừ quên ơn

6. Kính nhường, khiêm cung diệt trừ tự cao
7. Hoan hỷ vui thích diệt trừ tật đố
8. Xả thí, khước từ diệt trừ bòn xén, lặn sặc
9. Chân thật diệt trừ giấu lổi
- 10, 12, 13. Tri kỷ, biết địa vị mình diệt trừ khoe tài, tranh tài và ngã mạn
11. Cứng cỏi diệt trừ bằng dễ dạy
14. Tôn kính diệt trừ khinh người
15. Ghi nhớ, chánh niệm diệt trừ say mê
16. Không phóng dật diệt trừ dễ duôi, phóng dật

Asajjhāyamalā mantā	<i>Không tụng, làm nhóp kinh</i>
anuṭṭhānamalā gharā	<i>Không đứng dậy, bần nhà</i>
malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ	<i>Biếng nhác làm nhơ sắc</i>
pamādo rakkhato malaṃ	<i>Phóng dật làm ứ nhiễm</i>
	<i>Kẻ canh giữ (cửa nhà).</i>

Đại ý: Không tụng niệm là rỉ sét của kinh sách. Không siêng năng là rỉ sét của nhà cửa. Dã dượi là bợn nhơ của sắc đẹp. Bất cẩn là sơ hở của người canh phòng (P.C. 241).

Mal'itthiyā duccharitaṃ	<i>Tà hạnh nhơ đàn bà</i>
maccheraṃ dadato malaṃ	<i>Xan tham nhóp kẻ thí</i>
malā ve pāpakā dhammā	<i>Ác pháp là vết nhơ</i>
asmimṃ loke paramhi ca.	<i>Đời này và đời sau.</i>

Đại ý: Tà hạnh là ứ trước của người đàn bà. Bòn xén là ứ trước của người bố thí. Ứ trước, quả thật vậy, là điều ác ở cả hai thế gian này và thế gian kế (P.C. 242).

Tato malā malataraṃ	<i>Trong hàng cầu ứ ấy,</i>
avijjā paramaṃ malaṃ	<i>Vô minh, nhơ tối thượng.</i>
etaṃ malaṃ pahatvāna	<i>Hỡi các vị tỳ khuru</i>
nimmalā hoṭha bhikkhavo	<i>Hãy trừ bỏ nhơ ấy</i>
	<i>Thành bậc không ứ nhiễm.</i>

Đại ý: Vô minh là ứ trước tệ hại hơn hai điều trên, là ứ trước trọng đại nhất. Hãy dứt bỏ ứ trước ấy, này hỡi các tỳ khuru, hãy làm người không ứ trước (P.C. 243).

### C. Có tám pháp cầu ứ của tâm:

1. Không đọc tụng kinh sách là cầu ứ của kinh điển
2. Không thức dậy là cầu ứ của nhà cửa
3. Biếng nhác là cầu ứ của dung sắc
4. Phóng dật là cầu ứ của phòng hộ
5. Tà hạnh là cầu ứ của đàn bà
6. Xan tham là cầu ứ của bố thí

7. Pháp ác là cầu uế của đời này và đời sau

D. Có chín pháp ô trược của tâm:

1. Ngâm giận (kodha)
2. Bội ân (makkha)
3. Tật đố (issā)
4. Lận sặc (macchariya)
5. Giấu lỗi mình (māyā)
6. Khoe tài (sātheyya)
7. Dối gạt (musā)
8. Ham muốn xấu (papiccha)
9. Tà kiến (micchādittḥi)

Căn cội của mọi pháp cầu uế làm cho tâm dơ đục thường là tham, sân, si và ái dục. Đức Phật cho biết rằng bốn pháp như nhớp trên phát sinh làm cho tâm trở nên hèn hạ xấu xa, làm điều tội lỗi, chịu nhiều khổ đau với nghiệp ác của mình đã tội.

Natthi rāgassamo aggi	<i>Lửa nào bằng lửa tham</i>
natthi dossasamo gaho	<i>Chấp nào bằng sân hận</i>
natthi mohasamaṃ jālaṃ	<i>Lưới nào bằng lưới si</i>
natthi taṇhā samā nadi	<i>Sông nào bằng sông ái.</i>

Đại ý: Không lửa nào như tham ái, không có kèm kẹp nào như sân hận, không có lưới nào như si mê, không có sông rạch nào như ái dục (P.C. 251).

Đức Phật cho biết rằng trong thế gian vô minh này, tham sân si là nguồn cội của tất cả tội lỗi. Kẻ thù độc hiểm nhất của nhân loại là lòng tham dục luyến ái, bám bấu vào cái được gọi là “Ta” hay “Của Ta.” Tất cả nghiệp dữ đều có thể xảy ra do lòng tham gây nên. Khi bị trở ngại, lòng tham tức giận thù hận.

Chúng ta luôn luôn lựa chọn, hoặc vui thích với những gì vừa ý, hoặc ghét bỏ cái gì trái ý nghịch lòng. Vừa ý thì luyến ái bám víu, trái ý thì bắt mẫn, xua đuổi, sân hận, oán ghét. Lòng tham thường là thúc dục bám víu vào dục lạc và tìm mọi phương cách để thỏa mãn nhục dục. Tâm sân làm cho ta tức giận, lắm khi đến độ cố gắng tiêu diệt điều không ưa thích. Đến khi ta diệt được tự ngã, không còn chấp cái “Ta” nữa thì ta nhận thức được rằng tất cả đều tạm bợ và đều bị định luật vô thường chi phối, và lúc ấy tham và sân tự nhiên tiêu diệt không còn nữa.

Và người đã thanh lọc mọi tham vọng ích kỷ, mọi thù hận, mọi tư tưởng hung ác, tàn bạo, và đượm nhuần tinh thần vị tha từ ái và ôn hòa sẽ thấy mình có đời sống vui vẻ an lành.





## Phẩm thứ mười chín – Phẩm Pháp Trụ

Phẩm Pháp Trụ có 17 câu, nói về đời sống chánh hạnh, công bằng, nương vào giới luật tìm lấy hạnh phúc.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm năm mươi bảy:

Asāhasena dhammena	<i>Không chuyên chế, đứng pháp</i>
samena nayatī pare	<i>Công bằng, dắt dẫn người</i>
dhammassa gutto, medhāvī	<i>Kẻ trí sống đứng pháp</i>
dhammattho'ti pavuccati.	<i>Thật xứng danh pháp trụ.</i>

Đại ý: Người thông minh không lãnh đạo kẻ khác bằng thuật gian trá, mà đứng theo luật pháp và không thiên vị. Người gìn giữ luật pháp, người ấy được gọi là sống nương theo luật pháp.

Một Phật tử chân chánh phải cố gắng tránh những điều không nên làm, phải khép mình trong giới luật để sống đời sống lý tưởng.

Sau khi suy luận rõ ràng và đứng đắn thế nào là luật nhân quả, người Phật tử cố gắng tránh tất cả những điều quấy và tận lực làm tất cả những điều thiện mà mình có thể làm. Tự nhận thức rằng bổn phận của chính mình là phải trở thành một nguồn hạnh phúc cho tất cả và không khi nào gây phiền não cho một chúng sanh, dầu người hay thú.

Giới luật là nền tảng của tất cả đức hạnh. Muốn được hoàn toàn trong sạch, người Phật tử phải biết khép mình vào kỷ cương của giới luật.

Để sống hoàn toàn trong sạch và vị tha, để kiểm soát và gìn giữ tâm luôn được thanh tịnh, để thấy rõ chơn tướng của sự vật, để có những tư tưởng đứng đắn và sâu rộng, để phát triển thể cách và phẩm giá cao thượng của con người, để hoàn toàn xác nhận được chân giá trị của tinh thần cao thượng, không còn lối sống nào thích hợp hơn là sống nương tựa theo luật pháp.

Mặt khác, cưỡng bách, ngược đãi, hay cuồng tín không thể có phần trong Phật giáo. Xuyên qua đoạn đường 2.500 năm dài dằng òn hòa, không một giọt máu bị đổ vì danh nghĩa đức Phật. Không có một vị vua hùng dũng nào đã tung kiếm hoặc múa gươm để truyền bá Phật pháp và không có sự cảm hóa bằng võ lực hay bằng một phương tiện cưỡng bách nào khác. Tuy nhiên, đức Phật là nhà truyền giáo đầu tiên và vĩ đại nhất trên thế gian. Phật giáo đã được hoàng khai rộng rãi, vẫn còn đang mở rộng trên khắp thế gian, và đang ôn hòa thâm nhập vào tất cả các quốc gia chính bởi vì giá trị cố hữu sẵn có và tánh cách tốt đẹp của giáo huấn Phật giáo gợi trí thức nhiều hơn tình cảm. Phật giáo chú trọng đến nhân cách của hàng tín đồ hơn là sức mạnh về số lượng.

Natana thero hoti  
Yen'assa phalitaṃ siro  
paripakko vayo tassa  
moghajjṇo'ti vuccati.

*Không phải là trưởng lão  
Nếu cho có bạc đầu  
Người chỉ tuổi tác cao  
Được gọi là “lão ngu”.*

Đại ý: Không phải chỉ vì đầu bạc mà người ấy là Đại Đức.  
Người ấy chỉ là người lớn tuổi và được gọi là “ông sư già rỗng tuếch.” (P.C. 260).

Yamhi saccañ ca dhammoca  
ahimsā saññamo damo  
save vantamalo dhīro  
thero iti pavuccati.

*Ai chân thật, đúng pháp  
Không hại, biết chế phục  
Kẻ trí không cầu ư  
Mới xứng danh trưởng lão.*

Đại ý: Bên trong vị nào có chân lý, chánh hạnh, vô hại, tự chế và tự kiểm soát, hạng người trí tuệ đã thanh lọc mọi ô nhiễm ấy mới quả thật đáng gọi là Đại Đức (P.C. 261).

Kêu gọi những ai đi tìm chân lý, không nên để thế lực bề ngoài ảnh hưởng. Đức Phật đi xa đến mức khuyên dạy các đệ tử không nên khấu đầu khuất phục một cách mù quáng trước oai quyền của bậc trưởng lão mà phải biết suy tư, xét đoán.

Phật giáo đượm nhuần tinh thần tự do tìm hiểu và hoàn toàn quảng đại khoan hồng. Phật giáo là một giáo huấn được truyền bá với tinh thần cởi mở và thiện cảm. Lòng bi mẫn và đức khoan hồng của đức Phật quả thật vô biên. Ngài không dùng oai quyền của mình để ban hành những điều răn cấm.

Theo Phật giáo có những hành động tốt và xấu, có những hành động không tốt cũng không xấu, và có những hành động có khuynh hướng chấm dứt mọi hành động. Hành động tốt rất cần thiết để giải thoát, nhưng một khi thành tựu mục tiêu tối thượng rồi thì hành giả đã vượt ra ngoài cái tốt và cái xấu.

Yo ca sameti pāpāni  
aṇuṃ thālāni sabbaso  
samitattā hi pāpānaṃ  
samaṇo'ti pavuccati.

*Ai lắng dịu hoàn toàn  
Các điều ác lớn nhỏ  
Vì lắng dịu ác pháp  
Được gọi là Sa Môn.*

Đại ý: Người đã trọn vẹn khắc phục các hành động ác lớn nhỏ, người ấy đáng gọi là Sa Môn vì đã vượt khỏi mọi điều ác (P.C. 265).

Yo'dha puññaṃ ca pāpāṇi ca  
bāhetvā brahmacariyavā  
saṅkhāya loke carati  
sa ve bhikkhū'ti vuccati.

*Ai vượt qua thiện ác  
Chuyển sống đời phạm hạnh  
Sống thâm sát ở đời  
Mới xứng danh tỳ khuru.*



Đại ý: Người đã vượt khỏi cả thiện lẫn ác, người có phẩm hạnh cao thượng, người thông suốt thế gian này, người ấy, quả thật vậy, được gọi là Tỳ Khưu (P.C. 267).

Pāpāni parivajjeti	<i>Từ bỏ các ác pháp</i>
samunī tena so mumī	<i>Mới thật là ẩn sĩ</i>
yo munāti ubho loke	<i>Ai thật hiểu hai đời</i>
munī tena pavuccati.	<i>Mới được gọi ẩn sĩ.</i>

Đại ý: Biết chọn điều tốt và dứt bỏ điều ác, thông hiểu cả hai thế gian, người ấy được là ẩn sĩ (P.C. 269).

Đức Phật khuyên chúng ta nên nhận thức rõ rệt về hành động tự mình tạo nguồn hạnh phúc. Không phải qua hình tướng bên ngoài mà chính là sự thanh lọc tâm (ở bên trong) và đời sống gương mẫu làm cho con người trở nên trong sạch. Sự đổi thay từ trong ra ngoài, chớ không phải từ ngoài trở vào trong. Không tuyệt đối cần thiết phải rút vào ẩn dật nơi hẻo lánh vắng vẻ và sống đời tu sĩ mới chứng ngộ được Níp Bàn. Đời sống Tỳ Khưu chắc chắn giúp sự tiến bộ tinh thần được thành đạt mau chóng và dễ dàng hơn, nhưng người cư sĩ tại gia cũng vẫn có thể đắc quả Thánh.

Na sīlabalamattena	<i>Chẳng phải giữ giới cấm</i>
bāhusaccena vā puna	<i>Cũng không phải học nhiều</i>
atha vā samādhilābhena	<i>Chẳng phải chứng thiền định</i>
vivicca sayanena vā.	<i>Sống thanh vắng một mình.</i>

Đại ý: Không phải chỉ nhờ nghiêm trì giới luật và hạnh kham khổ, hay lại nữa, do tài học rộng, hay phát triển tâm định, hay sống ẩn dật (mà nghĩ rằng). (P.C. 271).

Phusāmi nekkhammasukham	<i>Nghĩ rằng: Ta thọ hưởng</i>
aputhujjanasevitam	<i>Hạnh phúc an lạc</i>
bhikkhu vissāsam āpādi	<i>Phàm phu chưa hưởng được</i>
appatto āsavakkhayam	<i>Tỳ khưu, chớ tự tin</i>
	<i>Khi lậu hoặc chưa diệt.</i>

Đại ý: “Ta đang thọ hưởng phước báu của hạnh từ khước, điều mà người thế gian không thể hưởng.” Nay Tỳ Khưu, không nên vì các hạnh ấy mà tự mãn, không lo thanh lọc trọn vẹn nhiễm ô (P.C. 272).

Giáo lý của đức Phật có phần luân lý tuyệt hảo dành cho cả bậc xuất gia lẫn hàng cư sĩ. Tuy nhiên, Phật giáo không phải chỉ một hệ thống giáo huấn về luân lý thông thường.

Giới hay luân lý, chỉ là giai đoạn sơ khởi, là phương tiện để đạt đến mục tiêu, chớ không phải chính nó là mục tiêu. Mặc dầu “giới” tuyệt đối rất cần thiết, riêng nếp sống đạo đức không thể dẫn đến chỗ giải thoát hay hoàn toàn trong sạch. Vượt lên khỏi giới là trí tuệ (paññā). Nền tảng của Phật giáo là giới. Tuệ là đỉnh tối cao.

Có một vài vị tỳ khưu đã thành đạt những tiến bộ tinh thần khá cao, nhưng không kiên trì tinh tấn để đạt đạo quả Vô Sinh, nghĩ rằng các ngài có thể trở thành A La Hán lúc nào cũng được. Đức Phật khuyên dạy các vị ấy không nên tự mãn trước khi thành đạt mục tiêu cuối cùng.





## Phẩm thứ hai mươi – Phẩm Đạo

Từ ngữ “Magga” dịch là Đạo, con đường. Có Pālī chú giải như sau: “Kilesa marentā nibbānaṃ gacchanti etenāti : Maggo”. Nhân sát trừ phiền não và đưa đến Níp Bàn gọi là Đạo.

Phẩm Đạo có 17 câu, nêu lên con đường của bậc Thánh có tám ngành, là con đường duy nhất dẫn đến Níp Bàn, là con đường thanh tịnh dẫn đến chứng ngộ tam tướng (vô thường, khổ đau, vô ngã) của thế gian, xa rời mọi phiền não, tuệ tri Tứ Thánh Đế.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ 273:

Maggān'aṭṭhangiko settho	<i>Tám chánh, đường thù thắng</i>
saccānaṃ caturo padā	<i>Bốn đế, lý thù thắng</i>
virago setṭho dhammānaṃ	<i>Ly tham, pháp thù thắng</i>
dipadānañ ca cakkhumā	<i>Pháp nhãn, người thù thắng.</i>

Đại ý: Con đường cao thượng nhất là Bát Chánh Đạo. Chân lý cao thượng nhất là Tứ Đế. Không luyến ái là trạng thái cao thượng nhất. Cao thượng nhất trong các loài có hai chân là Đấng Toàn Giác (P.C. 273).

**A. Bát Chánh Đạo:** Con đường chân chánh có tám ngành, con đường ở giữa (Trung Đạo) của hai cách thức tu tập lợi dưỡng và khổ hạnh, là tinh hoa của giáo lý đức Phật. Chính Ngài đã nhận thức được quan điểm sai lầm của hai cực đoan này, nên theo con đường ở giữa, Trung Đạo. Đạo hay con đường mới này do chính Ngài đã khám phá. Không giống như hai cực đoan, con đường ở giữa này đem lại giác ngộ tinh thần và trí tuệ minh mẫn, thấy được thực tướng của sự vật. Con đường Trung Đạo này chế ngự mọi thèm khát vật chất, dẫn đến bốn Thánh Đạo, bốn Thánh Quả, thấu triệt Tứ Đế, và sau cùng chứng ngộ mục tiêu tối hậu là Níp Bàn.

Bát Chánh Đạo bao gồm có tám là:

1. **Chánh Kiến:** Điểm then chốt của Phật giáo. Đề cập đến sự thấy chân chánh, tức am tường Tứ Thánh Đế. Nói một cách khác, chánh kiến là thấu triệt thực tướng của bản thân mình.
2. **Chánh Tư Duy:** Những suy tưởng chân chánh. Gồm 3 phần:
  - a. Ly Dục (nekkhamma): Sự khước từ mọi dục vọng trần tục, hay lòng vị tha.
  - b. Vô Sân (abyāpāda): Tâm từ ái, thiện chí hay hảo tâm xa rời thù hận, ác ý ganh ghét.
  - c. Vô Hai (avihimsa): Không hung bạo, hay tánh hiền lương, lòng bi mẫn.
3. **Chánh Ngữ:** Trừ khử Tứ Ngữ Ác Hạnh.
4. **Chánh Nghiệp:** Trừ khử Tam Thân Ác Hạnh.

5. **Chánh Mạng:** Trừ khử Tứ Ngũ Ác Hạnh và Tam Thân Ác Hạnh liên quan với việc nuôi mạng.
6. **Chánh Tinh Tấn:** Nỗ lực, siêng năng theo Tứ Chánh Cần.
7. **Chánh Niệm:** Suy niệm tiến hành theo Tứ Niệm Xứ.
8. **Chánh Định:** Sự kiên định trong Cảnh Quán Nghiệp Xứ.

Trong tám yếu tố này thì:

Chánh Kiến và Chánh Tư Duy thuộc về Tuệ.  
Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng thuộc về Giới.  
Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định thuộc Định.

Đây là con đường duy nhất. Tám yếu tố này thể hiện cho thấy tâm trạng của người có chú nguyện cố gắng thành đạt giải thoát.

**B. Tứ Đế:** Bốn sự chân thật. Theo từ ngữ Pāli “Sacca” có nghĩa là chân lý, là cái gì thực sự có. Bốn chân lý là nền tảng giáo lý của đức Phật, mật thiết liên quan đến cái gọi là chúng sanh. Do đó, Phật giáo lấy nhân bản làm trung tâm, lấy con người làm trụ cột, trái ngược với những tôn giáo lấy thần linh làm trọng tâm. Dầu cho chư Phật có xuất hiện hay không, những chân lý ấy vẫn tồn tại và một vị Phật chỉ khám phá ra nó bằng cách trực nhận và truyền dạy lại cho người thế gian còn bị màn vô minh che lấp. Chân lý là sự thật, bất di bất dịch, vĩnh cửu và không thể bị thời gian biến đổi. Đức Phật tự một mình chứng ngộ những chân lý này chớ không có sự hỗ trợ nào của ai khác, và Ngài đã ghi nhận rõ ràng trong bài Kinh Chuyển Pháp Luân:

“Đối với các Pháp trước kia chưa từng được nghe, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, tuệ giác và minh tuệ phát sanh đến Như Lai.”

Danh từ Pāli gọi những chân lý này là “Thánh Đế - Ariya saccāni” vì đây là những chân lý tìm ra do đức Phật là bậc Thánh (ariya) hoàn toàn trong sạch và đã thanh lọc trọn vẹn mọi nhiễm ô. Có Pāli chú giải như sau:

“Ariyānaṃ saccāni = Ariya saccāni”. Pháp trở thành sự xác thực của bậc thánh gọi là Thánh Đế.

Thánh Đế gồm có bốn là:

**1) Khổ Thánh Đế:** Với bậc Thánh Nhân, tất cả đời sống là khổ vì các ngài thấy rằng không thể có hạnh phúc thật sự vững bền trong một thế gian huyền ảo, tạm bợ, chỉ có thể làm cho nhân loại thất vọng. Gồm có ba phần:

- Khổ khổ: Có tám là sanh, già đau, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ uẩn khổ.
- Hành khổ

- Hoại khổ

2) **Tập Thánh Đế:** Nhân sanh ra mọi khổ đau, đó là ái dục.  
Có ba loại ái dục:

- Dục ái (kāmatanhā): Ưa thích trong ngũ dục.
- Hữu ái (bhavatanhā): Ưa thích theo thường kiến.
- Ly hữu ái (vibhavatanhā): Ưa thích theo đoạn kiến.

Ái dục là một năng lực tinh thần vô cùng hung mạnh, luôn ngủ ngầm trong mỗi người, và là nguyên nhân chánh của phần lớn các điều bất hạnh trong đời. Chính ái dục, thô thiển hay vi tế, làm cho ta bám víu vào sự sống dưới mọi hình thức, và do đó dẫn dắt ta mãi phiêu bạt trong vòng luân hồi khổ.

3) **Diệt Thánh Đế:** Sự chấm dứt toàn vẹn mọi đau khổ, tức Níp Bàn, mục tiêu cứu cánh của người Phật tử. Níp Bàn có thể thành tựu được trong chính đời sống hiện tiền bằng cách tận diệt mọi hình thức áp dụng. Níp Bàn phải được thấu triệt do nhãn quan tinh thần bằng cách chấm dứt mọi luyến ái với thế gian.

4) **Đạo Thánh Đế:** Là Bát Thánh Đạo, con đường duy nhất đi ngay đến Đạo Quả Níp Bàn và cũng là chân lý cuối cùng trong Tứ Thánh Đế.

Phân tích Tứ Thánh Đế theo Nhân Quả và Hiệp Thế - Siêu Thế:

Khổ Đế là quả

Tập Đế là nhân: cả hai pháp này là Hiệp Thế - Hiệp Thế Đế.

Diệt Đế là quả

Đạo Đế là nhân: cả hai pháp này là Siêu Thế - Siêu Thế Đế.

Yāvaṃ hi vanatho na chijjati  
aṇumatto pī narassa nārisu  
paṭibaddhamano va tāva so  
vaccho khīrapako va mātari.

*Khi nào chưa cắt tiết  
Ái dục giữa gái trai  
Tâm ý vẫn buộc ràng  
Như bò con vú mẹ.*

**Đại ý:** Ngày nào còn một bụi cây nhỏ (dục vọng) giữa nam và nữ chưa bị chặt ngã, ngày ấy tâm hãy còn bị trói buộc, giống như con bê đeo dính bò mẹ (P.C. 284).

Ucchinda sineham attano  
kumudaṃ sārādikaṃ' va paṇinā  
santimaggam eva brūhaya  
nibbānaṃ sugatena desitaṃ.

*Tự cắt dây ái dục  
Như trẻ bê sen thu  
Hãy tu đạo tịch tịnh  
Níp Bàn, Thiện Thế dạy.*

Đại ý: Hãy cắt đứt dây tình cảm như ngắt cành sen mùa thu. Hãy phát triển con đường an tịnh. Níp Bàn đã được đức Thiện Thệ truyền dạy (P.C. 285).

Đức Phật hằng nhắc nhủ với hàng đệ tử rằng, “Trên thế gian này, không luyến ái là hạnh phúc. Và vượt hẳn lên khỏi mọi hình thức dục lạc là hạnh phúc tối thượng.”

Chúng ta cũng cần biết qua tính chất cao quý của đức Phật. Ngài là một con người như chúng ta, sống như một con người, và từ già cỗi đời như một người. Mặc dù là người, Ngài trở thành một con người siêu phàm, xuất chúng, thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn thiện, là chính do sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Đức Phật đã nhiều lần ân cần nhắc nhở như vậy, và không có điểm nào trong đời sống hay trong lời dạy của Ngài để cho chúng ta lầm hiểu rằng Ngài là một nhân vật vô sanh bất diệt.

Muốn được trong sạch như vậy, thì chính mình phải làm những việc thiện lành, ngang qua thân ngữ ý, và không muốn bị ô nhiễm, cũng chính mình thanh lọc các bợn nhơ nơi thân ngữ ý của chính mình.

Vācānurakkhī, manasā susaṃvuto  
kāyena ca akusalaṃ kayirā  
ete tayo kammaṃpathe visodhaye  
ārādhaye maggaṃ isippaveditaṃ.

*Lời nói được thận trọng  
Tâm tư khéo hộ phòng  
Thân chớ làm điều ác  
Thanh lọc ba nghiệp tịnh  
Thành đạt đạo Thánh Nhân.*

Đại ý: Canh phòng lời nói, thu thúc tâm và thân, không làm điều bất thiện. Hãy thanh lọc ba lối hành động và thành đạt con đường mà chư thánh hiền đã chứng ngộ (P.C. 281).

Đức Phật chỉ vạch cho ta con đường và phương pháp mà ta có thể nương theo đó để tự giải thoát ra khỏi mọi khổ đau sanh tử và thành tựu mục tiêu cứu cánh. Đi trên con đường và theo đúng phương pháp là phần của người đệ tử chân chánh muốn thoát khỏi những bất hạnh của đời sống (con đường Giới Định Tuệ).

Na santi puttā tñāya  
ma pita na'pi bandhavā  
antakenādhīpanna  
natthi ñāṭisu tñatā

*Một khi tử thân đến  
Không có con che chở  
Không cha, không bà con  
Không thân thích che chở.*

Đại ý: Không có con cái nào để bảo trợ ta, không có cha, hay chí đến họ hàng cũng không có, bởi vì người bị cái chết tràn ngập, không thể tìm sự bảo trợ ở họ hàng (P.C. 288).

Etaṃ atthavaṃ ñatvā  
paṇḍito sīlasaṃvuto  
nibbānagamaṃ maggaṃ  
khippaṃ'eva visodhaye.

*Biết rõ ý nghĩa này  
Bậc hiền siêng trì giới  
Mau lẹ làm thanh tịnh  
Con đường đến Níp Bàn.*

Đại ý: Nhận định sự kiện ấy, người có giới hạnh và trí tuệ, nhanh chóng mở con đường dẫn đến Níp Bàn (P.C. 289).

Đức Phật hằng khuyên chúng ta phải biết tự chế thân tâm, kiểm soát mọi hành vi, tu tướng đúng theo lẽ phải (Giới). Khi giới đức được vun bồi hoàn hảo thì tinh thần trở lên thơ thới nhẹ nhàng, an tĩnh (Định). Cái tâm an tịnh, vắng lặng, sáng ngời đưa tới sự minh triết rõ ràng như mảnh gương trong sáng (Tuệ) để thấu rõ bản chất của vạn vật trong vũ trụ đúng theo thực tại, nghĩa là thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã, rồi đoạn tận tam độc tham, sân, si, phá vỡ thân ngũ uẩn luôn biến đổi vô lường.

Người Phật tử chẳng những gìn giữ không cho thân khẩu làm quấy mà cần phải luôn có ý thức hướng thiện, phải luôn niệm tưởng biết mình, thận trọng và phòng hộ các phần, không quên mình.

Các bậc thánh nhân thường luôn sống trong hiện tại. Các ngài thân nhiên, vắng lặng, không còn phân biệt riêng tư cho mình vì biết trên đời này vô thường, chẳng có chi là tuyệt đối. Luôn giữ tâm tư bình đẳng, thanh tịnh, an vui. Thoát khỏi mọi hệ lụy của thế gian, đạt thành hạnh phúc trường cửu, siêu xuất thế gian - Níp Bàn.









## Phẩm thứ hai mươi một – Phẩm Tạt Lọc

Từ ngữ “Pakinnaka” dịch là tạt lọc, linh tinh. Phẩm Tạt Lọc có 16 câu, gồm có nhiều ý nghĩa về mọi mặt, thích hợp trong việc suy niệm và hoạch định cho mình một hướng đi an lành.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ hai trăm chín mươi:

Mattā sukhapaccagā	<i>Nhờ từ bỏ lạc nhỏ</i>
passee vipulaṃ sukhaṃ	<i>Thấy được lạc lớn hơn</i>
caje mattā sukhaṃ dhīro	<i>Kẻ trí bỏ lạc nhỏ</i>
sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ	<i>Thấy được lạc lớn hơn.</i>

Đại ý: Nếu từ bỏ hạnh phúc nhỏ mà có thể thành đạt hạnh phúc lớn, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để mưu cầu hạnh phúc lớn (P.C. 290).

Đề cập đến cuộc đời và sự hưởng thụ các dục lạc, đức Phật nói rằng chúng ta nên hiểu rõ ba điều: 1. Vị ngọt (assada), 2. Sự nguy hiểm (adinava), và 3. Sự xuất ly (missarana) (Trung Bộ I).

Khi chúng ta thấy một người đẹp, duyên dáng và vui vẻ, chúng ta thích người ấy, bị thu hút, thích thú muốn thấy mãi người ấy, cảm nhận được sự vui thích và thoải mái ở nơi người ấy, đó là vị ngọt (assada).

Những vị này là vô thường, ngay cả người ấy và tất cả sự quyến rũ của người ấy cũng là vô thường. Khi tình hình biến đổi, khi chúng ta không còn thấy người ấy, khi mà bị thiếu đi vị ngọt ấy, chúng ta trở nên buồn bã, mất bình tĩnh. Đây là khía cạnh xấu, không thỏa mãn, nguy hiểm của vấn đề (adinava). Nếu như không bị luyến ái người ấy, hoàn toàn không liên hệ, đó là tự do, giải thoát (nissarana).

Ba điều này là sự thật đối với tất cả sự thụ hưởng ở đời. Chúng ta phải chấp nhận những lạc thú ở đời, cũng như đau đớn sâu muộn của nó, và cả sự xuất ly khỏi chúng để hiểu rõ cuộc đời một cách hoàn toàn và khách quan. Nếu có những Sa Môn hay Bà La Môn nào hiểu một cách khách quan theo cách thức này rằng, vị ngọt của dục lạc là vị ngọt, sự nguy hiểm của dục lạc là sự nguy hiểm, sự xuất ly khỏi dục là sự xuất ly, thì nhất định sự kiện này có thể xảy ra. “Chúng nhất định có thể hiểu dục lạc một cách hoàn toàn, hay chúng có thể chỉ dẫn cho người khác đạt được mục đích ấy, và người ấy theo lời chỉ dẫn của chúng có thể hiểu được dục lạc một cách hoàn toàn.” (Trung Bộ I).

Theo quan điểm đức Phật, rõ ràng không có vấn đề gạt bỏ mọi thú vui, mọi “dục vọng” của con người, mà chỉ khuyên bảo con người “loại trừ những dục vọng mù quáng,” những “khát ái vị kỷ” đưa đến những trạng thái tham sân si, nguồn gốc của mọi hành động mê mờ lạng lạng.

Vậy chúng ta nên nhận thức rằng, trong thực tế đời sống, nhất định không tránh khỏi có nhiều dục vọng, nhưng chỉ cần biết khép mình vào giới luật, không để cho ý lòng bị nô lệ vào tính tham, nô lệ vào dục lạc, là có thể đạt đến cuộc sống hoàn toàn thanh tịnh.

Paradukkhūpadāna	<i>Gieo khổ đau cho người</i>
attano sukhaṃ icchati	<i>Mong cầu lạc cho mình</i>
verasaṃsaggasaṃ saṭṭho	<i>Tắt bị oán ràng buộc.</i>
verā so na parimuccati.	<i>Không sao thoát hận thù.</i>

Đại ý: Người gây đau thương cho kẻ khác để mưu cầu hạnh phúc cho mình, không thể thoát khỏi hận thù vì sẽ bị vướng vào guồng máy phức tạp của thù hận (P.C. 291).

Trong việc đi tìm sự an lạc cho mình, người Phật tử không thể tìm an lạc cho mình trên sự khổ đau của những người khác.

Một lãnh vực khác, đức Phật dạy các đệ tử của Ngài nên tìm chân lý, chớ không nên chỉ nghe qua là tin liền, dầu người nói có nhiều uy tín.

Suppabuddhaṃ pabujjhanti	<i>Đệ tử Gotama</i>
sadā Gotamasāvaka	<i>Luôn luôn tự tỉnh giác</i>
yesaṃ divā ca ratta ca	<i>Vô luận ngày hay đêm</i>
niccaṃ buddhagatāsati.	<i>Thường niệm tưởng Phật Đà.</i>

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama, luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, luôn luôn suy niệm về Phật (P.C. 296).

Người Phật tử không cầu xin một ân huệ vật chất hay tinh thần khi đánh lễ tượng Phật, mà chỉ bày tỏ lòng tôn kính ngưỡng mộ của mình đến lý tưởng siêu việt mà bức tượng tiêu biểu. Người Phật tử quỳ trước tượng Phật, dâng bông và hương thơm, không phải dâng đến bức tượng bằng đá, gỗ hay giấy mà đến đức Phật qua tượng trưng của bức tượng. Dâng bông, quỳ lạy là biểu hiện ra ngoài lòng tri ân vô hạn. Cùng lúc ấy, người Phật tử suy gẫm về ân đức của đức Thế Tôn, và nhờ đó phát sanh nguồn cảm hứng thúc giục mình noi gương trong sáng của Ngài.

Tuy nhiên với sự tỏ lòng tri ân ngưỡng mộ của người Phật tử, đức Phật mong muốn không phải là sự phục tùng vâng lời mà chính là sự thực hành nghiêm chỉnh lời dạy của Ngài. “Người tôn kính Như Lai như một nhút, phải là người thực hành giáo lý của Như Lai đúng như một nhút.”

Suppabuddhaṃ pabujjhanti	<i>Đệ tử Gotama</i>
sadā Gotamasāvaka	<i>Luôn luôn tự tỉnh giác</i>
Yesaṃ divā ca ratta ca	<i>Vô luận ngày hay đêm</i>
niccaṃ dhammagatā sati	<i>Thường niệm tưởng chánh pháp.</i>

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng suy niệm về Giáo Pháp (P.C. 297).

Một đặc điểm khác trong nghi lễ tụng niệm Phật giáo: Câu kinh không phải là lời thỉnh nguyện, cũng không phải lời cầu xin chuyên đạt một nguyện vọng. Dầu ta có bỏ hết thời giờ để cầu xin cũng không được chi, đức Phật không khi nào và không thể nào ban bố những ân huệ cho người cầu nguyện. Để được cứu rỗi, người Phật tử không nên cầu nguyện mà phải nhận lãnh trách nhiệm, cố gắng trau dồi đức hạnh, kiên trì tu tập, để đạt tự do và trong sạch. Không nên lệ thuộc người khác, mà phải tự nương chính mình, tự mình cố gắng. Đức Phật dạy, “Các con phải cố gắng, chư Phật chỉ là những vị Thầy.” Chẳng những cầu nguyện, van xin là vô ích, mà còn là một thái độ nô lệ tinh thần.

Suppabuddham pabujjhanti	<i>Đệ tử Gotama</i>
sadā Gotamasārakā	<i>Luôn luôn tự tỉnh giác</i>
Yesam divā caratto ca	<i>Vô luận ngày hay đêm</i>
niccam Saṅghatā sati.	<i>Thường niệm tưởng Tăng Già.</i>

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama, luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng suy niệm về Tăng Già (P.C. 298).

Tăng Già là Giáo Hội của những người độc thân có qui chế dân chủ xưa nhất trong lịch sử, do chính đức Phật sáng lập. Nói một cách chính xác, Tăng Già là những vị đệ tử cao quý của đức Phật đã chứng ngộ bốn Đạo và bốn Quả. Những vị Tỳ Khưu ngày nay chỉ là những người đại diện cho Giáo Hội.

Suppabuddham pabujjhanti	<i>Đệ tử Gotama</i>
Sadā gotamasāvakā	<i>Luôn luôn tự tỉnh giác</i>
Yesam divā ca ratto ca	<i>Vô luận ngày hay đêm</i>
Niccam kāyagatā sati	<i>Thường niệm tưởng sắc thân.</i>

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng suy niệm về thân (P.C. 299).

Suppabuddham pabujjhanti	<i>Đệ tử Gotama</i>
sadā Gotamasāvakā	<i>Luôn luôn tự tỉnh giác</i>
Yesam divā ca ratto ca	<i>Vô luận ngày hay đêm</i>
ahimsāya rato mano.	<i>Ý vui niệm bất hại.</i>

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh giác, ngày như đêm, hằng suy luận niệm về đức vô hại (P.C. 300).

Suppabuddham pabujjhanti	<i>Đệ tử Gotama</i>
sadā Gotamasāvakā	<i>Luôn luôn tự tỉnh giác</i>
yesam divā ca ratto ca	<i>Vô luận ngày hay đêm</i>

bhāvanāya rato mano.

*Ý vui tu thiền quán.*

Đại ý: Chư đệ tử của đức Gotama luôn luôn giác tỉnh, ngày như đêm, hằng thỏa thích trong tu tập (P.C. 301).

Thay vì đọc kinh nguyện cầu van vái, đức Phật khuyên nhủ nên cố gắng thiền định, khép mình vào kỷ luật, tự kiểm soát, tự thanh lọc tâm và giác ngộ. Thiền định là liều thuốc bổ cho cả tâm lẫn trí.

Với đức tính rộng lượng khoan dung của Ngài, đức Phật hằng khuyên các hàng môn đồ không nên giận dữ, bất mãn, hay không vui lòng nếu có ai nói xấu đến Ngài, Giáo Pháp của Ngài, hay Giáo Hội Tăng Đoàn mà Ngài sáng lập. Đức Phật dạy rằng, “Nếu các con giận dữ, bất mãn hay không vui lòng, chẳng những các con tự đặt mình vào chỗ hiểm nguy, có thể mất cả nền đạo đức tinh thần, mà các con còn không thể xét đoán đúng mức lời chỉ trích có đúng hay không.”

Điều quan trọng là đức Phật khuyến khích chúng ta chớ có buông mình trôi lăn theo vòng luân hồi và sự khổ đau.

Nhận thức rằng xa hoa vật chất là ảo huyền, và thú vui vật chất là không tạo hạnh phúc thực sự, người Phật tử tự nguyện liả bỏ tất cả sự nghiệp trên đời để khoác lấy tấm y vàng và cố gắng sống hoàn toàn trong sạch. Tự nguyện giữ tròn giới luật và ráng sức nâng cao đức hạnh đến tột cùng để trở nên hoàn toàn vị tha trong mọi hành động. Thanh danh, sự nghiệp, sự vinh hiển chỉ là vật báu của trần gian, không thể làm cho người Phật tử lãng quên lối sống trong sạch của mình.

Duppabbajjam durabhiraṃ  
durāvāsā gharā dukkhā  
dukkho samānasamvāso  
dukkhānupati taddhagū  
tasmā na c’addhagū siyā  
na ca dukkhānupatito siyā.

*Vui hạnh xuất gia khó  
Tại gia sinh hoạt khó  
Sống bạn không đồng, khổ  
Trôi lăn luân hồi, khổ  
Vậy chớ sống luân hồi  
Chớ chạy theo đau khổ.*

Đại ý: Xuất gia là khó, thỏa thích trong sự xuất gia là khó. Đời sống tại gia là khó. Liên kết với người không tương hợp là đau khổ. Đau khổ đến với khách lữ hành (trong vòng luân hồi). Vậy, chớ nên làm khách lữ hành, chớ nên làm người chạy theo đau khổ (P.C. 302).

Xuất gia hay xa lìa những điều vui sướng thế gian để chọn lấy đời sống tu sĩ. Từ khước mọi thú vui vật chất, tìm lấy cho mình sự an vui thanh tịnh trong tâm hồn. Cắt ái ly gia, tầm cầu mục tiêu cuối cùng là vượt thoát Tam Giới, giải thoát Níp Bàn. Những ý nghĩ như sau phát sanh đến người có hạnh viễn ly: “Đời sống gia đình tựa hồ như sào huyệt của bao điều tranh chấp, gay go, cãi vã. Như một nơi chứa đựng của bao thiếu thốn, bao nhiêu nhu cầu. Như chỗ cư trú của bao điều phiền não, bao nhiêu sự thất bại, bao nhiêu

việc trái lòng. Nhưng đời sống của người đã ly gia cắt ái, thật là thung dung thâm diệu trời xanh.”

Đức Phật nói có sáu hạng người xuất gia:

1. Xuất gia của hạng người ngu si
2. Xuất gia của hạng người hay giận
3. Xuất gia của hạng người chơi giỡn
4. Xuất gia của hạng người thu góp của cải
5. Xuất gia của hạng người để nuôi sống
6. Xuất gia của người muốn được dứt khổ

Trong sáu hạng người xuất gia thì hạng người thứ sáu mới xứng đáng gọi là người xuất gia chân chánh.

Người xuất gia nên suy nghĩ rằng: Sự sanh ra làm người là khó, sanh ra làm người rồi không mang bệnh tật cũng khó, nuôi mạng sống cho được chân chánh, và đặng vẹn toàn đến ngày xuất gia thật là khó. Khi xuất gia được rồi phải học hỏi cho thông hiểu rằng, đây nên kia không cũng là khó, chẳng dễ. Khi đã thoát khỏi bao sự khó khăn, thì phải biết vừa lòng với điều lợi ích cao quý của mình, chẳng nên chán nản, lãnh đạm với lời dạy đức Phật. Cần phải hết lòng thỏa thích rồi chú tâm học hỏi Pháp luật trong Phật giáo cho được chu đáo thành tâm thực hành theo, thì sự xuất gia đó mới có nhiều hiệu quả, mau đến Níp Bàn.

Lại nữa, bậc xuất gia hoặc Sa Môn mong được mau kết quả Níp Bàn, phải có nhiều sự nhẫn nại, không bị chi phối dưới quyền lực các ô nhiễm xấu xa, thô thiển đã phát sanh rồi làm cho kẻ khác bị hại, chịu khổ. Phải có đức nhẫn nại (thường luôn quán tưởng về mười điều tâm niệm của người xuất gia).

Ngoài ra, người xuất gia cố gắng đoạn tận các pháp làm uế nhiễm nơi tâm của mình về “Sắc, Tài, Danh, Lợi,” không khơi lên niềm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc của một vị tại gia.

Khi không đoạn tận được, đức Phật cho biết rằng đó là sự bất hạnh của một vị xuất gia tu Phạm Hạnh vì các bất thiện pháp ấy, các pháp đáng sợ hãi ấy đưa đến quả khổ, đưa đến sanh già đau chết trong vị lai.

Nói về bạn đồng tu, đức Phật cũng chỉ dạy cho chúng ta nên biết phân biệt hạng người để kết thân làm bạn và không nên kết thân làm bạn. Đó là bốn hạng bạn xấu (tứ ác hữu là bạn giả trá, bạn môi miệng, bạn a dua, bạn độc xúi hư hại) phải biết cảnh giác đề phòng hoặc tránh xa, không kết thân.

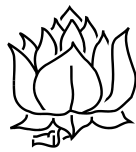
Và nên kết thân với bốn hạng bạn tốt lành (tứ thiện hữu là bạn hay giúp đỡ, bạn chung thủy, bạn khuyến thiện, bạn giàu lòng từ ái) thì hằng có lợi ích và an vui.

Cái mà chúng ta gọi là hạnh phúc trong đời chỉ là sự thỏa mãn của một vài điều mong mỏi. Khi được một việc ta lại muốn việc khác. Tham vọng không khi nào dứt, không khi nào ta cho là vừa đủ.

Vậy, phiền não và đau khổ là bản chất của đời sống, và không chúng sanh nào trong tam giới có thể thoát khỏi.

Níp Bàn là pháp bất tùy thế, vô vi, không tùy thuộc nhân nào để có. Do đó, Níp Bàn là trường cửu, vô sanh, bất diệt (dhuva) đáng được ước muốn và hạnh phúc. Nói một cách ước định cho dễ hiểu, đức Phật tuyên bố “Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ – Níp Bàn là hạnh phúc tối thượng” là bởi vì Níp Bàn là pháp chân lạc tuyệt đối, là hạnh phúc phát sanh do sự giải thoát tích cực ra khỏi mọi đau khổ của đời sống.

Sự tự bỏ những thú vui và những tham vọng của thế gian là phương tiện hữu hiệu để đi đến thành tựu Đạo Quả Níp Bàn thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.





## Phẩm thứ hai mươi hai – Phẩm Địa Ngục

Từ ngữ “niraya” bao gồm “ni - không”, “aya - hạnh phúc.”

Niraya là cảnh giới trong đó không có hạnh phúc, là cảnh khổ mà một chúng sanh phải chịu vì đã tạo ác nghiệp, hay nói một cách khác, là trạng thái đau khổ mà chúng sanh phải chịu để trả quả bất thiện đã tạo lúc nào trong quá khứ. Khổ cảnh không phải là địa ngục trường cửu mà chúng sanh bị bắt buộc phải ở trong đó để chịu hành phạt đau khổ một cách vĩnh viễn.

Đến lúc trả xong nghiệp xấu, kẻ bất hạnh cũng có thể tái sinh vào một cảnh giới khác, an vui hạnh phúc, nhờ các thiện nghiệp đã tạo.

Phẩm Địa Ngục có 14 câu, diễn tả những cảnh khổ đau do những người tạo ác nghiệp đã phải gánh lãnh, rất hữu ích cho chúng ta trong đời sống hằng ngày đầy đầy những cám dỗ. Nhắc nhở chúng ta luôn thức tỉnh với mỗi hành động của mình vì cảnh khổ luôn chờ đợi với người dễ dãi.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm lẻ sáu:

Abhūtavādī nīrayaṃ upeti  
Yo cāpa katvā na karomī'ti c'āha  
ubho' pi te pecca samā bhavanti  
nihīnakammā manujā parattha

*Nói láo đọa địa ngục  
Có làm nói không làm  
Cả hai chết đồng đẳng  
Làm người thành hạ liệt.*

Đại ý: Người nói điều không thật vào cảnh khổ, và người đã làm một chuyện rồi nói “tôi không có làm” cũng vậy. Sau khi chết, cả hai đều bằng nhau, người có hành động ti tiện trong thế giới khác (P.C. 306).

Chúng ta nên biết rằng trong Thập Ác Nghiệp nương theo ba nơi (ba thân, bốn lời, ba ý) để tạo nghiệp đến với người khác hay một chúng sanh khác. Đức Phật cho biết rằng chúng ta phải gánh lãnh hậu quả xấu từ nơi hành động ác đó, ngay hiện tại thì sầu khổ, hạ đẳng, khi chết đi thì phải chịu quả khổ nơi địa ngục.

Hình ảnh địa ngục cho chúng ta có nhận thức rằng là nơi đó chúng sanh phải chịu nhiều khổ đau bị đánh đập, hành hạ tra tấn, có người hành hạ và có người chịu lãnh các sự hành hạ ấy, vô cùng thảm khốc và khổ sở. Tuy nhiên, chúng ta không nên nghĩ rằng chỉ có một cảnh giới địa ngục ở thật xa với nhân loại của chúng ta, cũng có thể có ở ngay trong chúng ta, hiện hữu ngay trong thế gian này với những người đã làm những hành động xấu xa, ty liệt giữa người với người, và cuối cùng chính hành động ác đó làm cho người tạo việc ác phải chịu lấy bao nỗi khổ đau. Ở ngay trong kiếp hiện tại này, việc làm ác không chỉ có cho những người tại gia tạo tác, đức Phật cũng có nói đến luôn cả những người xuất gia, vẫn có đôi khi tạo các ác nghiệp.

Kāsāvakaṇṭhā bahavo  
pāpadhammā asaṅṅatā  
pāpā pāpehi kammehi  
nirayaṃ te upapajjare

*Nhiều người khoác áo cà sa  
Nhưng ác hạnh, buông lung  
Người ác, do ác hạnh  
Phải sanh cõi Địa Ngục.*

Đại ý: Nhiều người đắp y vàng, mà tư tưởng chưa dứt khoát, tâm không điều phục. Con người xấu xa vì hành động bất thiện của mình sẽ tái sanh vào khổ cảnh (P.C. 307).

Seyyo ayogulo Bhutto  
tattho aggisikhūpamo  
yaṅ ce bhunjeyya dussīlo  
raṭṭhapiṇḍaṃ asaṅṅato

*Tốt hơn nuốt hòn sắt  
Cháy đỏ như lửa hừng  
Nếu ác giới, buông lung  
Thọ đồ ăn quốc độ.*

Đại ý: Thà nuốt một hòn sắt cháy đỏ có khả năng thiêu đốt như một ngọn lửa, còn hơn làm người sống nhờ vật thực của dân chúng, mà có hành động bất thiện và không điều phục thân tâm (P.C. 308).

Đức Phật không cho rằng đời đạo đức có thể tương trưng bằng những kẻ chỉ khoác áo cà sa cho có lệ, nhưng không có khả năng làm tiêu trừ các tật xấu xa tội lỗi như tham, sân, tật, hận, mạn, kiến v.v... Thọ nhận vật dụng của các đàn na tín thí, nhưng không vun bồi đức hạnh, tẩy trừ các thói hư tật xấu, đức Phật cho biết rằng những vị ấy vì hành động bất thiện xấu xa của mình sẽ phải chịu khổ đau trong khổ cảnh địa ngục.

Sợ hãi trong cảnh khổ, người Phật tử chân chánh lập nguyện từ khước những hành động bất thiện, vun bồi các thiện hạnh, và luôn cẩn mật phòng hộ chính mình ở ba nơi, thân ngữ ý, như một người lính canh phòng thành trì.

Nagaraṃ yathā paccantaṃ  
guttaṃ santarabāhiraṃ  
evaṃ gopetha attānaṃ  
Khaṇo ve mā upaccagā  
khaṇātitaṃ hi socanti  
nīrayamhi samappitā

*Như thành ở biên thùy  
Trong ngoài đều phòng hộ  
Cũng vậy, phòng hộ mình  
Sát na chó buông lung  
Giây phút qua, sầu muộn  
Khi rơi vào địa ngục.*

Đại ý: Hãy tự canh phòng trong ngoài như người ta canh một ả trấn ở biên thùy. Không nên bỏ qua cơ hội vì người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào khổ cảnh (P.C. 315).

Con người phải biết trau giồi thân tâm cho được trọn lành, cũng như nhà vua cai trị cả nội địa và ngoại biên cho nghiêm ngặt. Trau giồi thân tâm cho thiện lành như nhà vua sửa trị trong nước. Có so sánh và thí dụ như sau đây: Lẽ thường nhà vua (xưa kia) ngăn ngừa đạo tặc trong nước theo bảy phương cách là:

Esikā: Đóng cột cừ cho thật sâu, thật chắc.



Parikkhāro: Đào lũy hào chung quanh cho sâu.

Anupariyāyapatho: Làm tường trong lũy cho dày và cao cho binh núp để chống giặc.

Bahumāvudham: Tích trữ khí giới cho nhiều.

Bahubalakāyo: Mộ binh lính cho đông đảo.

Dovāriko: Lính canh gác cửa thành cho thật nghiêm ngặt.

Pākāro: Đắp lũy chung quanh.

Đất nước nào được nhà vua cai trị theo bảy điều trên thì nhân dân sẽ được an cư, không bị giặc giã quấy rối, lại thêm có đủ bốn món vật thực như sau đây:

1. Có nhiều trái cây
2. Có nhiều lúa nếp
3. Có nhiều mè đậu
4. Có nhiều sữa đặc, sữa tươi, dầu, mật ong, nước mía v.v...

Cũng như thế, người Phật tử tu tập chân chánh cũng nên trau giồi thân tâm theo 7 pháp như sau:

Saddho: niềm tin (tứ chánh tín).

Hirimā: tâm, hồ thẹn nghiệp dữ.

Bahussuto: văn, học hỏi và rõ thông Phật pháp cho nhiều.

Āraddavāriyo: tinh tấn trong tứ chánh cần.

Satimā: niệm, ghi nhớ việc lành để trau giồi thân tâm cho thanh tịnh.

Paññuvā: trí huệ xem thấy tính vô thường của ngũ uẩn.

Không nên bỏ qua cơ hội, thời kỳ, là chỉ về bốn thời kỳ quý báu dưới đây:

1. Thời kỳ bậc Toàn Giác chứng đắc Đạo Quả.
2. Thời kỳ mình được sanh trong nước có đức Phật sanh (Ấn Độ).
3. Thời kỳ còn có chánh kiến.
4. Thời kỳ mình còn có đủ lục căn.

Hai thời kỳ đầu đã trải qua rồi, nhưng chúng ta còn hữu duyên ở hai thời kỳ này là vì chúng ta còn gặp được Phật pháp, mà gặp Phật pháp tức là đã gặp Phật rồi. Tuy Phật đã viên tịch Níp Bàn nhưng Ngài còn để lại giáo pháp. Dù chúng ta không được sanh ở Trung Ấn Độ nhưng ngay trong nước ta vẫn có đủ cả ba Tạng (Kinh, Luật, Vô Tỷ Pháp).

Phần đông chúng ta đều tin ngưỡng nơi Phật pháp, gọi là chúng ta có chánh kiến, thêm có lục căn tròn đủ, thì chúng ta là người rất là hữu phước. Vậy phải cố trau giồi thân tâm cho trong sạch, chớ nên để đuôi bỏ qua việc lành. Phải tu thân ngữ ý cho thanh tịnh, cũng như nhà vua sửa trị đất nước cho nhân dân được an cư, có đào hầm đắp lũy v.v...

Lại nữa, nếu chúng ta là người biết thương cái “Ta” và muốn được hưởng quả Níp Bàn, là nơi an vui tuyệt đối, thì ta phải dứt bỏ việc dữ, hành theo điều lành, mới có thể an vui trường cửu.







## Phẩm thứ hai mươi ba – Phẩm Voi

Phẩm Voi có 14 câu với biểu tượng Voi là một loài thú to lớn, có nhiều năng lực phi thường, chịu đựng được bao điều khó khăn, ngụ ý nói lên đức hạnh nhẫn nại phi thường, trọng điểm để thành đạt chân lý siêu thoát.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm hai mươi:

Ahaṃ nāgo'va saṅgāme  
cāpāto patitaṃ saraṃ  
ativākyam titikkhissam  
dussīlo hi bahujjano.

*Ta như voi giữa trận  
Hứng chịu cung tên bắn  
Chịu đựng mọi phỉ báng  
Đời nhiều kẻ phá giới.*

Đại ý: Như voi chiến ở trận địa hứng lãnh lần tên mũi đạn cùng thế ấy. Như Lai sẽ chịu đựng lời nguyện rửa. Đúng thật vậy, phần đông sống không giới luật (P.C. 320).

Đức Phật đã nói với Ananda kệ Pháp này khi Ngài gặp một nghịch cảnh - phỉ báng và chỉ trích Ngài, “Ta phải có thái độ của đàn voi lâm trận, mạnh tiến giữa rừng grom đao, giáo mác bình tĩnh hứng lấy những nỗi chua cay của đời và thân nhiên, vững bước trên đường phạm hạnh.”

Đức Phật nêu cao hạnh nhẫn nại lên tột cùng, không những không chống trả lại, mà Ngài còn rải tâm từ ái đến những kẻ gây ra việc dữ bởi vì người ác có tâm tư luôn xao xuyên, hằng sống trong nỗi khổ triền miên.

Dantaṃ nayanti samitiṃ  
dantaṃ rājābhirūhati  
danto seṭṭho manussesu  
yo' tivākyam titikkhati

*Voi luyện, đưa dự hội  
Voi luyện, được vua cười  
Kẻ luyện, người tối thượng  
Chịu đựng mọi phỉ báng.*

Đại ý: Người ta dẫn những con voi đã được đào luyện đến nơi (vua quan) tụ họp. Vua chọn con nào thuần thực nhứt để cỡi. Giữa đám người, cao thượng nhứt là người thuần thực, chịu đựng những lời nguyện rửa (P.C. 321).

Có Pālī chú giải về pháp nhẫn nại (khanti) như vậy: Khanti paramaṃ tapo titikkha. Sự nhẫn nại là pháp thiêu đốt cao quý.

Có ba trường hợp của sự nhẫn nại là:

1. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân cho sanh tham.
2. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân cho sanh sân.
3. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân cho sanh si.

Nhẫn trong điều thứ nhất, nói về sự nhịn nín đối với các điều ham muốn, phát sanh trong sáu cửa. Tiếng “nhịn nín” là ráng chịu, không làm dữ theo lòng mong mỏi hoặc đòi khát. Có hạng người, chỉ vì không biết nhịn nín đối với cái tâm ham muốn hoặc sự đòi khát, mới dối gạt cướp giật của người, ắt bị nghiệp báo do nhân dữ tạo tác. Người nào nhẫn nại được thì hằng được an vui, lợi ích, đó là nhẫn nại đối với cái khổ là nguyên nhân cho sanh xan tham.

Nhẫn trong điều thứ hai, nói về sự nhịn nín với điều không vừa lòng của kẻ khác tạo ra. Lẽ thường con người đã sanh ra trong thế gian này, chẳng có một ai không bị chê trách nếu họ không nhiếc ngay trước mặt thì họ mắng xiên chửi xéo, hoặc nói xấu sau lưng. Xét coi như mặt trời mặt trăng thường soi sáng khắp thế gian cũng chẳng khỏi bị chê trách huống chi ở người đời, tránh sao khỏi lời phi báng. Chí đến đức Thế Tôn có đủ oai đức, cũng còn có kẻ oán trách, chỉ trích, như lúc Ngài ngự trong thành Kosambi bị thứ phi của vua Udena bảo nhiều người chửi mắng.

Nhẫn trong điều thứ ba là nhịn đối với điều khổ phát sanh trong thân tâm mình, không nên chiều theo cái khổ mà làm dữ. Dầu nhẫn trong lúc mang bệnh là cái nhân sanh trí nhớ và sự biết mình, là một nét hạnh thanh cao nên có trong tâm, hằng ngày hằng giờ, hoặc trong lúc bệnh nặng, cũng cần có tánh nhẫn nại cho vững vàng.

Na hi etehi yānehi	<i>Chẳng phải loài thú ấy</i>
gaccheyya agataṃ disaṃ	<i>Đưa người đến Níp Bàn</i>
Yathā' ttanā sudantena	<i>Chỉ có người tự điều</i>
danto dantena gacchati	<i>Đến đích, nhờ điều phục.</i>

Đại ý: Chắc chắn không bao giờ những chuyến xe như thế đưa ta đến Níp Bàn, như người tự kiểm soát bằng cách khắc phục và đào luyện tự ngã chân chánh (P.C. 323).

Phương tiện làm phát sanh đức nhẫn nại trong giờ hấp hối là phải xét thấy chân lý rằng, bệnh và chết là cái khổ mà tất cả chúng sanh phải mang, chẳng có một ai tránh khỏi. Chúng sanh trong thế gian này đều phải mang bệnh hoạn ốm đau. Do thiếu trí mới gây ra nghiệp dữ, rồi sau khi chết phải sa đọa trong ác đạo. Những người có trí nhớ và sự biết mình, hằng được thọ sanh trong nhân cảnh. Cho nên phương pháp dạy dỗ cái tâm cho có sự nhẫn nại là điều trọng yếu mà chúng ta cần phải có, hầu chiến thắng nghịch cảnh, tức là bệnh khổ trong giờ hấp hối. Bậc trí tuệ nên suy xét thấy cái tội trong sự lầm lạc, và cái phước của trí nhớ với tánh nhẫn nại như đã nói, cần phải tu cái trí nhớ sẵn sàng để đề nện sự si mê không cho phát sanh.

Nhẫn với cái khổ là nhân sanh tham và si là pháp phụ thuộc, nhịn với cái khổ là nhân sanh sự sân hận mới là quan trọng, chánh yếu. Đức Phật dạy là nếu muốn diệt cái tâm sân, phải làm như “người mù kẻ điếc,” như thế mới nhịn được sự sân. Làm người có mắt hay thấy, có tai hay nghe, thì rất khó nhẫn. Những kẻ không biết nhịn đối với sự khổ vì sân hận thì làm việc chi cũng nóng nảy, thường phải gặp điều rủi ro tai hại, rồi sau lại hối hận. Nên nhận thức, dù đối với việc nào chẳng hạn, nếu đã làm theo cái tâm sân hận, ắt

phải hư hỏng. Cho nên bậc trí tuệ cần phải suy xét cho thấy rõ tội lỗi trong sự sân, rồi ráng nhịn nín như đã trình bày.

Có năm quả phước báu của sự nhẫn nại, sự dứt lòng nóng giận dù chưa hết sạch, chỉ trừ được từng chấp bằng pháp nhẫn nại là:

1. Piyo manopo: Người nhẫn nại hằng được nhiều người thương yêu vừa lòng.
2. Na vera bahulo: Ít có kẻ ganh ghét.
3. Na vajja bahulo: Ít có tội.
4. Asammulho: Không hôn mê trong lúc lâm chung.
5. Sugati: Mạng chung được thọ sanh nhân cảnh.

Muốn được an vui, xa lìa các điều thông khổ, ngoài các điều ác không làm, giữ hạnh nhẫn nại trong những nghịch pháp, đức Phật còn chỉ cho chúng ta những nhân tạo ra hạnh phúc.

Một trong những điều hạnh phúc, đó là nết hạnh phụng dưỡng mẹ cha và hiếu kính các bậc có giới đức.

Sukhā mattheyatā loke

atho pettheyatā sukhā

sukhā sāmāññatā loke

atho brahmaññatā sukhā.

*Vui thay, hiếu kính mẹ*

*Vui thay, hiếu kính cha*

*Vui thay, kính Sa Môn*

*Vui thay, kính Hiền Thánh.*

Đại ý: Trên thế gian này, phụng dưỡng mẹ là niềm vui. Trên thế gian này, phụng dưỡng cha cũng là vui. Phụng dưỡng bậc Sa Môn là vui. Phụng dưỡng bậc Thánh Nhân cũng là vui (P.C. 332).

Lễ bái bậc trưởng thượng là một phương cách tạo phước. Lễ dĩ nhiên, người giữ thái độ trang nghiêm tôn kính cũng luyện tập tâm mình. Xuyên qua cử chỉ nhún nhường, người ấy dứt bỏ ô nhiễm tự cao ngã mạn, xem cái “Ta” là trọng và phát triển đức khiêm tốn sáng suốt của mình. Thái độ khiêm tốn làm cho tâm trở nên mềm dẻo và nhu thuận, sẵn sàng thấu nhận và lãnh hội những lời dạy của người khác. Trái lại, người tự cao ngã mạn khó lòng học hỏi nơi ai điều gì. Trong đoàn thể Phật giáo, có sự lễ bái trật tự từ dưới lên cao, trẻ em lễ bái tôn kính người lớn như là ông bà, cha mẹ, hay cô bác cậu dì. Dân chúng lễ bái vua chúa. Thiên tín cư sĩ lễ bái nhà sư. Trong Giáo Hội Tăng Già cũng vậy, Sa Di lễ bái Tỳ Khuru. Tỳ Khuru thấp hạ lễ bái các ngài cao hạ. Chư Tỳ Khuru lễ bái Ngài Vua Sãi (Tăng Thống). Và tất cả, lớn nhỏ, đều lễ bái đức Thế Tôn với một lòng tôn sùng kính trọng.

Phận sự làm con phải biết đáp đền công ân cùng phụng dưỡng cha mẹ và các bậc trí thức, nhất là đức Thế Tôn hằng ngợi khen và khuyên dạy, “Đó là một hạnh mà các bậc hiền triết hằng thực hiện và dạy người hành theo trong mọi thời gian.”

Đức Thế Tôn dạy rằng, “Cha Mẹ có bốn ân đức lớn là Từ Bi Hỷ Xả” (Tứ Vô Lượng Tâm). Đối với hai đấng có ân đức lớn đó, đức Phật ban cho bốn hồng danh là: Đấng Phạm Thiên, chư Thiên đầu tiên, bậc Tôn Sư đầu tiên, bậc đấng cúng dường.

### 1. Hồng danh thứ nhất là Đấng Phạm Thiên

Một vị Phạm Thiên luôn an trú trong Tứ Vô Lượng Tâm. Cha mẹ nuôi con không bao giờ nài khó nhọc, luôn nhủ tâm thương con với tâm vô lượng.

Tâm Từ: Từ khi biết thọ thai cho đến sanh ra, lúc nào cũng có một lòng thương mến con, mong mỗi gặp được con, khi con sanh ra cho đến lớn khôn, luôn luôn giữ một lòng thương yêu con trong mọi tình huống, không nghĩ rằng con có thương mình.

Tâm Bi: Động lòng trắc ẩn khi con gặp khó khăn, bệnh hoạn ốm đau, luôn mong mỗi tìm cách chia sẻ với nỗi khó khăn khổ đau cùng con. Một lòng thương xót, cần kê giúp đỡ, mong cho con sớm thoát khổ, bất luận con còn nhỏ hay đã lớn khôn.

Tâm Hỷ: Vui mừng hân hoan với những thành tựu mà con đang thọ hưởng về mặt vật chất lẫn tinh thần. Không bao giờ có lòng ganh tỵ, tật đố với con. Luôn mong mỗi cho con được nhiều an vui hạnh phúc, đó chính là niềm vui của chính mình.

Tâm Xả: Luôn giữ lòng rộng lượng, khoan dung đối với con khi con có nhiều điều lầm lỡ phạm lỗi đến mình. Không buồn phiền, trái lại mong cho con được mọi an lành khi tạo các hành động không tốt đến mình.

### 2. Hồng danh thứ hai là vị Trời đầu tiên

Cha mẹ là người luôn đem hạnh phúc lại cho con, luôn che chở, bảo hộ cho con ngay từ khi con mới ra đời. Ân cần giúp đỡ, không ngại gian khổ, nuôi con cho đến ngày lớn khôn.

### 3. Hồng danh thứ ba là vị Tôn Sư đầu tiên

Cha mẹ là vị thầy đầu tiên dạy cho con điều hay lẽ phải, truyền đạt kiến thức cho con, và thậm chí còn truyền kinh nghiệm sống của bản thân mình cho con cái trước tất cả các vị thầy giáo khác.

### 4. Hồng danh thứ tư là bậc đấng cúng dường

Cha mẹ với bao ân đức to lớn cao dày, xứng đáng cho con được lễ bái cúng dường, tôn thờ phụng dưỡng.

Đức Phật tuyên bố rằng hạng làm con không bao giờ đáp đền tương xứng với ân đức của cha mẹ đã cho con. Đức Phật nói rằng, “Nếu như một bên vai cõng mẹ, một bên vai cõng

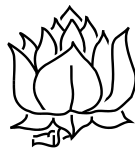
cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tạt đầy mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện như vậy, cũng chưa làm đủ hay trả ân đủ mẹ và cha. Hơn nữa, nếu có an trú cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực trên quả đất lớn với bảy báu này như vậy, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ với cha mẹ. Vì có sao? Vì rằng cha mẹ đã làm quá nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời. Tuy nhiên, đối với cha mẹ theo ác giới, mà ta biết khuyến khích, hướng dẫn, an trú cha mẹ vào thiện giới (sīla); đối với cha mẹ xan tham, mà ta biết khuyến khích, hướng dẫn, an trú cha mẹ vào dứt bỏ (cāga); đối với cha mẹ theo ác tuệ, mà ta biết khuyến khích, hướng dẫn, an trú cha mẹ vào trí tuệ (paññā), cho đến như vậy, là làm đủ và trả ân đủ mẹ và cha.” (Tăng1-11).

Hạnh phúc thay cho vị nào biết hiếu kính cha mẹ và biết đền ân cha mẹ. Vị ấy có nhiều phước báu lớn.

Ngoài ra nên thân cận, gần gũi và kính trọng các bậc Sa Môn và các bậc Thánh Hiền là điều phước báu vô lượng. Vì sao? Vì khi ta có lòng kính trọng các bậc Sa Môn và bậc Thánh Hiền (chư Phật, Độc Giác, Thinh Văn Giác v.v...) thì hằng làm cho ta có lợi ích. Vì khi ta kính trọng, thân cận, gần gũi thì làm cho ta được trong sạch, các bậc ấy chỉ dẫn ta làm được các việc lành, dạy cho ta xa lánh các điều ác, giới đức của ta chưa được trong sạch cho trong sạch, thiền định chưa đạt đi đến thành tựu, trí tuệ chưa được viên dung đi đến hoàn hảo, cuối cùng đưa đến sự giải thoát.

Điểm chánh yếu là hạnh phúc thật sự đến cho chúng ta khi chúng ta biết làm những điều chân chánh. Hiếu kính mẹ, hiếu kính cha, kính trọng Sa Môn và bậc Thánh Hiền không thuần qua tấm lòng, mà còn cần phải thể hiện qua hành động, biết ứng dụng từ những lời dạy có nhiều giá trị của những bậc có nhiều ân đức thành những lợi ích thiết thực cho mình trong cuộc sống hằng ngày. Đó là hiếu kính chân thật.

Phải gắng công tu tập, rèn luyện phẩm hạnh trang nghiêm, sống đời chân chánh, hành đúng theo lời giáo huấn của các bậc ân đức lớn, đó là tôn trọng, hiếu kính, kính trọng và làm vẻ vang các bậc ấy vậy.









## Phẩm thứ hai mươi bốn – Phẩm Ái Dục

Từ Ngữ “Taṇhā” dịch là ái dục, luyến ái, bám víu, nhiễm đắm. Nguồn cội của mọi đau khổ là ái dục.

Phẩm Ái Dục có 26 câu, nêu những tính nguy hại của ái dục và khuyên chúng ta mau cố gắng đoạn tận mọi phiền não của ái dục.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm ba mươi lăm:

Yaṃ esā sahaṭī jammī	<i>Ai sống trong đời này</i>
taṇhā loke visattikā	<i>Bị ái dục buộc ràng</i>
sokā tassa pavaḍḍhanti	<i>Sầu khổ sẽ tăng trưởng</i>
abhivaṭṭham'va bīraṇaṃ	<i>Như cỏ bị gặp mưa.</i>

Đại ý: Trên thế gian này, sầu muộn của người bị khát vọng khắng khít và đê hèn áy tràn ngập, sẽ sinh sôi nảy nở tựa hồ như cỏ bīrina được tưới nước đầy đủ (P.C. 335).

Ái dục - Taṇhā, có nghĩa luyến ái, khát khao, bám víu. Có ba loại ái dục là:

1. Ái dục đeo níu theo nhục dục ngũ trần (kāmatanaḥ).
2. Ái dục đeo níu theo những khoái lạc vật chất có liên quan đến chủ trương đoạn kiến hay tuyệt diệt (vibhavataṇhā), tức là trong lúc hưởng dục, nghĩ rằng tất cả điều tiêu diệt sau khi chết, chết là hết.
3. Ái dục đeo níu theo khoái lạc vật chất có liên quan đến chủ trương thường kiến (bhavataṇhā), tức là trong khi thọ hưởng, nghĩ rằng những khoái lạc này sẽ mãi mãi tồn tại, vĩnh cửu trường tồn.

Bhavataṇhā (Hữu Ái) có khi được giải thích là sự luyến ái đeo níu theo Sắc Giới, và Vibhavataṇhā (Ly Hữu Ái) là sự luyến ái đeo níu theo Vô Sắc Giới. Hai phạm ngữ ấy thường được dịch là ái dục đeo níu theo sự sống, theo kiếp sinh tồn, và ái dục đeo níu theo sự không sống, không sinh tồn.

Có sáu loại ái dục liên quan đến sáu căn là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, và sáu loại liên quan đến sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Nếu tính có sáu ái dục liên quan đến lục căn, và sáu liên quan đến lục trần, thì tất cả có mười hai. Nếu tính luôn ái dục trong quá khứ, hiện tại, và vị lai thì có tất cả 36. Và nếu tính luôn cả ba loại ái dục kể trên thì có 108.

Yassa chattiṃsatī sotā	<i>Ba mươi sáu dòng Ái</i>
manāpassavanā bhusā	<i>Còn đầy mạnh người này</i>
vāhā vahanti duddiṭṭhiṃ	<i>Đến cảnh giới ái, lạc</i>

saṅkappā rāganissitā.

*Các tư tưởng ái dục  
Như giòng nước cuốn trôi  
Người có ác tà kiến.*

**Đại ý:** Nếu bên trong kẻ nào ba mươi sáu dòng (ái dục) tuôn chảy mạnh mẽ đến những tư tưởng hỷ lạc, tâm tham ái cuốn cuộn lôi cuốn kẻ si mê ấy đi như một luồng thác lũ (P.C. 339).

Xuyên qua suốt kiếp sống, lòng mong muốn của tất cả chúng sanh là thoát ra khỏi khổ đau, lánh xa phiền não và cố gắng tạo những hoàn cảnh hữu hạnh. Nhưng, nhiều người không am hiểu đường lối chân chánh để thành tựu mà chỉ tìm hạnh phúc trong dục lạc và lợi dưỡng để thỏa mãn tính vị kỷ. Họ không hiểu biết rằng trong khi khát khao mưu cầu những cảm giác tạo hạnh phúc, họ chỉ thật sự đem lại đau khổ. Chúng ta có thể thỏa thích thọ hưởng một thú vui trong khoảnh khắc mà nó còn tồn tại, nhưng lắm khi sau đó, đủ loại hối tiếc có thể làm hư hỏng tất cả, chí đến kỷ niệm tốt đẹp trước kia. Và nơi nào có tham, tất cũng có sân. Cả hai tậ đoạn ấy bị tâm si mê thúc đẩy. Như vậy, để đuổi khao khát là phương cách đem lại những điều bất thiện cho mình, thay vì đem lại hạnh phúc mà ta hết sức mong mỏi và gia công tìm kiếm.

“Taṇhā” là “Jappā,” dịch là gian tham, tham lam, khao khát và có ý nghĩa là điều dơ bẩn của đời, cái dính mắc của đời, lem luốc, buộc thắt. “Taṇhā” là “Sibbanī,” dịch là khát khao mãnh liệt, không cưỡng được, ví như loài tầm mắc dính trong ổ kén vậy. Ái dục ràng rịt chúng sanh ở trong khổ của sanh già đau chết, siết chặt trong nỗi than van, rên rỉ, đau đớn, khổ sở, ưu sầu, buộc thắt trong sự luân hồi khổ. “Taṇhā” là “Asa,” dịch là dục vọng vô độ, khiến chúng sanh phải chiến đấu, chống lại theo sự khao khát. “Taṇhā” là “pāpācādhamma,” dịch là tri hoãn, nghĩa là pháp làm cho chúng sanh bị chậm lại và có ba là: 1. Taṇhā (Ái dục), 2. Māna (Kiêu mạn), và 3. Diṭṭhi (Tà kiến). Bị chậm giải thoát khỏi luân hồi, gọi “Taṇhā” là “Sango,” dịch là cố giữ lấy.

Tasiṇāya purakkhatā pajā  
parisappanti saso' va bādhito  
saññojanasaṅgasattā  
dukkhaṃ upenti punappunam  
cirāya.

*Người bị ái buộc ràng  
Vùng vẫy và lẩn lóc  
Như thỏ bị sa lưới  
Bị kiệt sức trôi buộc  
Tiếp tục và lâu dài.*

**Đại ý:** Kẻ bị bao trùm trong ái dục kinh hoàng như thỏ nằm trong rọ, bị thẳng thúc trôi buộc siết chặt, kẻ ấy còn chịu đau khổ triền miên lâu dài (P.C. 342).

Ái dục có trong người nào là duyên cho người ấy khổ sở khó thoát khỏi khổ cảnh, là nguyên nhân sinh khổ đau triền miên, buồn rầu, đau đớn, than van v.v... Ái dục đàn áp người nào, thì làm cho người ấy đọa trong 4 ác đạo, ví như loại chùm gửi đàn áp cổ thụ lâu ngày khiến cổ thụ phải chết. Ái dục là thụy miên phiền não ngủ ngầm trong bản năng, chưa đoạn tận thì sự khổ, nhất là sanh lão, cũng còn phát lên mãi mãi. Chúng sanh

mà bị “Taṇhānusaya - Ái tiềm thù” đè ép bao vây rồi thì hằng không yên lòng, bức rức, ví như thỏ bị mắc bẫy vậy. Vì thế cần phải sát trừ ái dục.

Na taṃ daḷhaṃ bandhanaṃ āhu dhīrā	<i>Sắt, cây, gai trói buộc</i>
yadāyasam dārujaṃ babbajan ca	<i>Người trí xem chưa bền</i>
sārattarattā manikuṇḍalesu	<i>Tham châu báu, trang sức</i>
puttesu dāresu ca yā apekkhā.	<i>Tham vọng vợ và con.</i>

Đại ý: Dây làm bằng sắt, gỗ hay gai, ràng buộc không bền chắc. Bậc thiện trí dạy như thế. Lòng bám bấu vào kim cương, đồ trang trí, vợ con, là trói buộc bền chắc hơn nhiều (P.C. 345).

Etaṃ daḷhaṃ bandhanaṃ ahu dhīrā	<i>Người có trí nói rằng:</i>
ohāriṇaṃ sithilaṃ duppamuñcaṃ	<i>Trói buộc này thật bền</i>
etampi chetvāna vajanti dhīrā	<i>Rì kéo xuống, lỏng lẻo</i>
anapekkhino kāma sukhaṃ pahāya.	<i>Nhưng thật sự khó thoát</i>
	<i>Người trí cắt trừ nó</i>
	<i>Bỏ dục lạc, không màng.</i>

Đại ý: Trói buộc ấy thật bền chắc, bậc thiện trí dạy như vậy. Nó trĩ xuống, mềm mỏng, nhưng rất khó tháo gỡ. Chính dây ấy, người thiện trí cũng cắt lìa và từ bỏ thế gian, không luyến ái, từ khước mọi dục lạc (P.C. 346).

Ái dục là một năng lực tinh thần vô cùng hùng mạnh, luôn luôn ngủ ngầm trong mỗi chúng ta, và là nguyên nhân chánh yếu của phần lớn các điều bất hạnh trong đời. Chính ái dục - thô thiển hay vi tế - làm cho ta bám víu vào sự sống dưới mọi hình thức, và do đó dắt dẫn chúng ta mãi phiêu bạt trong vòng luân hồi.

Những hình thức thô thiển nhứt của ái dục được suy giảm phần nào khi đắc quả Tư Đà Hàm, tầng thứ nhì trong bốn tầng Thánh, và chỉ được tận diệt khi đắc A Na Hàm, tầng thứ ba, những hình thức tế nhị được tận diệt khi thành đạt Đạo Quả Vô Sinh.

Vītataṇho anādāno	<i>Ái lìa, không chấp thủ</i>
Niruttipadakovidō	<i>Cú pháp khéo biện tài</i>
akkharānaṃ sannipātaṃ	<i>Thấu suốt từ vô ngại.</i>
jaññā pubbaparāṇi ca	<i>Hiểu thứ lớp trước sau</i>
sa ve antimasārīro	<i>Thân này thân cuối cùng</i>
mahāpañño mahāpuriso'ti	<i>Vị như vậy được gọi</i>
vuccati.	<i>Bậc đại trí, đại nhân.</i>

Đại ý: Người xa lìa ái dục và không chấp thủ, người lão thông ngữ nguyên và danh từ, người thấu suốt thứ lớp tự cú và hậu quả của nó, đó là người mang thể xác cuối cùng, là bậc trí tuệ uyên thâm, bậc vĩ nhân (P.C. 352).

Đây nói đến bậc A La Hán chứng đại Tứ Vô Ngại Giải (Paṭisambhidāpatta arahatta) thông suốt bốn thành phần là:

Nghĩa vô ngại giải (aṭṭhappati sambhidā): Thông suốt hết mọi nghĩa lý.

Pháp vô ngại giải (dhammappaṭi sambhidā): Thông suốt hết tất cả các pháp.

Từ vô ngại giải (niruttippaṭi sambhidā): Thông suốt hết các thứ tiếng.

Biện vô ngại giải (patibhappaṭi sambhidā): Thông suốt hết tất cả sự vật.

Còn gọi là bậc A La Hán Tứ Tuệ Phân Tích - đoạn tận mọi ái dục và chấp thủ - đặc Hữu Dur Y Níp Bàn - kiếp sống này là cuối cùng, không còn tái sanh.

Hạnh phúc thật sự nằm bên trong chúng ta và không thể định nghĩa bằng những danh từ như tài vật, quyền thế, danh vọng hay chinh phục, xâm lăng, chiếm đoạt. Nếu sự nghiệp vật chất ấy được thu đoạt bằng bạo lực hay bằng một phương tiện bất công nào khác, hoặc giả, nếu sự nghiệp vật chất ấy được hưởng theo một chiều lầm lạc, hay nếu ta đem lòng luyến ái, trù mến nó, thì đó là một nguồn đau khổ và phiền não cho người làm chủ nó.

Đối với người thông thường, thọ hưởng dục lạc là hạnh phúc tốt đẹp duy nhất. Chắc chắn rằng có hạnh phúc nhất thời trong khi mơ ước, lúc thọ hưởng và khi hồi nhớ lại những khoái lạc vật chất tương tự, nhưng chỉ là huyền ảo và tạm bợ. Theo đức Phật, không luyến ái (virāgatā), tức vượt lên trên mọi dục lạc, là hạnh phúc cao thượng nhất. “Trên thế gian này, không luyến ái là hạnh phúc. Và vượt hẳn lên khỏi mọi hình thức dục lạc là hạnh phúc.”

Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti

Sabbam rasam dhammaraso jināti

Sabbam ratim dhammaratī jināti

taṇhakkhayo sabbadukkham jināti

*Pháp thí, thắng mọi thí*

*Pháp vị, thắng mọi vị*

*Pháp hỷ, thắng mọi hỷ*

*Ái diệt, thắng mọi khổ.*

Đại ý: Bồ thí chân lý cao thượng hơn tất cả các pháp bồ thí (khác). Hương vị của chân lý cao thượng hơn tất cả hương vị (khác). Sự hoan hỷ trong chân lý cao thượng hơn tất cả hoan hỷ (khác). Người đã tận diệt ái dục vượt khỏi mọi đau khổ (P.C. 354).

Nếu người dâng cúng y quý giá đến đức Phật Toàn Giác, đức Độc Giác và chư Thánh Văn Giác hội họp nhau đông đúc, ngồi kề nhau đầy đủ trong khắp cả thế giới cho đến cõi trời Phạm Thiên, quả báu của sự bồ thí đó cũng không sánh bằng một vị Pháp Sư thuyết bốn câu kệ. Sự thí y đó không bằng một phần kệ ngôn mà người chia ra 16 phần, rồi lấy mỗi phần chia ra 16 lần nữa. Sự thuyết pháp, hoặc dạy pháp, hoặc nghe pháp là điều cao quý như thế. Pháp thí, dầu chỉ có tâm hoan hỷ theo bốn câu kệ cũng còn quý hơn tài thí mà người đem thực phẩm quý giá để đầy trong bát dâng đến bậc A La Hán, hơn thí thuốc (sữa, dầu v.v...) hơn thí chỗ ngụ (nhà, tịnh thất, chùa). Vì người làm được các phước này cũng do nhờ được nghe pháp, vì nếu không được nghe pháp, không thông hiểu pháp lý,

dầu là một muỗng cháo, một vá cơm cũng không thể thí được, cho nên gọi Pháp Thí là cao thượng hơn tất cả sự thí.

Hơn nữa, dầu là những vị thực phẩm cao quý của chư Thiên cũng đều là duyên dắt dẫn chúng sanh say đắm trong đường sanh tử, phải chịu nhiều điều khổ não. Về phần vị của pháp, như 37 pháp nhân sanh giác ngộ (bodhipakkhiyadhamma) hoặc 9 pháp thắng tất cả các vị.

Sự ưa thích có nhiều thứ loại, như tài vật, thân quyến v.v... Các sự ưa thích đó đều là cái duyên níu kéo chúng sanh trong nẻo luân hồi, phải mang quả khổ vô cùng tận. Trái lại, sự ưa thích phát sanh trong tâm của pháp sư, hoặc người nghe pháp, làm cho thân tâm dường như bay bổng, cả châu thân nhẹ nhàng, mát mẽ, cả mình mọc ốc cũng có, sự ưa thích đó tức là điều phi lạc, có thể đem ra khỏi vòng sanh tử được, sự ưa thích như thế gọi là quý trọng hơn mọi sự ưa thích. Do vậy, sự vui thích trong pháp thắng tất cả sự vui thích.

Lại nữa, chư vị A La Hán gọi là cao quý hơn cả vì không còn phải chịu nạn khổ luân hồi nữa. Do vậy mới gọi là sự dứt lòng tham muốn, thắng tất cả sự khổ não.

Pháp thí chia ra làm hai loại là:

Pháp Thí Hiệp Thế (Lokiya dhammadāna) là thuyết pháp chỉ dạy con đường người và trời.

Pháp Thí Siêu Thế (Lokuttara dhammadāna) là thuyết pháp về Tam Tướng cho thấy rõ vô thường, khổ não, vô ngã, thực tướng của thế gian, nhưt là cái thân ngũ uẩn, sanh ra rồi phải già đau chết, chẳng một ai tránh khỏi được, hoặc về Tứ Đế - liễu tri được vị giải thoát.







**Phẩm thứ hai mươi lăm – Phẩm Tỳ Khuru**

Từ ngữ “Bhikkhu” dịch là Tỳ Khuru, là người đệ tử của đức Phật đã thọ lễ xuất gia đầy đủ (Cụ Túc Giới).

“Nhà sư khát thực” có thể là danh từ gần như với từ ngữ “Bhikkhu.” Thầy Tỳ Khuru không phải là người trung gian giữa Thượng Đế với con người. Thầy Tỳ Khuru không bị ràng buộc là phải sống suốt đời như vậy, nhưng ngày nào còn đắp y vàng, thầy phải biết khép mình vào nếp sống giới luật mà chính thầy đã tự nguyện nghiêm trì trong sạch. Thầy cũng tự nguyện sống đời tri túc và độc thân. Đến khi cảm thấy không thể giữ tròn giới luật, không thể tiếp tục đời sống thiêng liêng, thầy có thể hoàn tục bất luận lúc nào.

Phẩm Tỳ Khuru có 23 câu, trình bày đời sống Phạm Hạnh chân chánh của một người đệ tử Phật, sống hạnh khước từ mọi cuộc vui thú thế gian để chọn lấy đời sống tu sĩ, tự chế các hành động, điều ngự các căn để chỉ nhắm một mục tiêu duy nhất là giải thoát Níp Bàn.

Xin trích dẫn kệ Pháp Cú thứ ba trăm sáu mươi hai:

Hatthasaññato pāda saññato	<i>Người chế ngự tay chân</i>
vācāya saññato saññatuttamo	<i>Chế ngự lời và đầu</i>
ajjhattarato samāhito	<i>Vui thích nội thiền định</i>
eko santusito tam āhu	<i>Độc thân, biết vừa đủ</i>
bhikkhum	<i>Thật xứng gọi tỳ khuru.</i>

Đại ý: Người tự điều chế tay, chân, lời nói, và ở điểm cao nhất (tức là đầu), người thỏa thích trong thiền định, người tự tại, cô đơn và tri túc - người ấy được gọi là Tỳ Khuru (P.C. 362).

Dhammārāmo dhammarato	<i>Vị tỳ khuru thích pháp</i>
dhammaṃ anuvicintayaṃ	<i>Mến pháp, suy tư pháp</i>
dhammaṃ anussaraṃ bhikkhu	<i>Tâm tư niệm chánh pháp</i>
saddhammā na parihāyati.	<i>Không rời bỏ chánh pháp.</i>

Đại ý: Thầy Tỳ Khuru ấy ẩn nấu trong Giáo Pháp, thỏa thích trong Giáo Pháp, suy niệm về Giáo Pháp, hằng nhớ tưởng Giáo Pháp - vị ấy không sa đọa, không xa lìa Giáo Pháp cao thượng (P.C. 364).

Một vị tăng sĩ tên Dhamārāma biết đức Phật sắp viên tịch Níp Bàn, cố tránh không làm theo những vị khác mà rút về tịnh thất mình, lấy Giáo Pháp làm đề mục thiền nhằm thành đạt Đạo Quả A La Hán. Vì hiểu lầm thái độ của thầy, các vị khác đem câu chuyện bạch lại với đức Phật. Khi đại đức Dhamārāma giải thích ý định của mình, đức Phật tán dương thầy và đọc những lời trên.

Một vị Tỳ Khuru hằng vui thích trong đời sống Phạm Hạnh của mình, hằng luôn được an vui trong Chánh Pháp.

Đời sống chân chánh của vị Tỳ Khuru là luôn trau dồi Phạm Hạnh hầu đem lại lợi ích cho mình, luôn vun bồi con đường Giới Định Tuệ.

Vị Tỳ Khuru nào nhận rõ điều khổ, thấy rõ nhân sanh khổ là tham ái, thấy rõ sự diệt tắt khổ là Níp Bàn, thấy rõ con đường đi đến diệt tắt khổ là Bát Chánh Đạo, như vậy gọi là có Chánh Kiến trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khuru hằng suy nghĩ về việc xuất ly, suy nghĩ trong sự không oán thù, suy nghĩ trong sự không làm hại người, như vậy gọi là có Chánh Tư Duy trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khuru luôn xa lánh điều nói dối, nói đâm thọc, nói ác ngữ, nói phù phiếm, như vậy có Chánh Ngữ trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khuru hằng xa lánh tam thân ác nghiệp là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, như vậy có Chánh Nghiệp trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khuru nuôi dưỡng sanh mạng chân chính, xa lìa các pháp tà mạng về thân ngữ ý, như vậy có Chánh Mạng trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khuru thỏa thích trong sự tinh tấn, hành tinh tấn và cố tinh tấn gom tâm lại, làm cho tâm trụ một chỗ, hầu ngăn ngừa các pháp ác chưa phát sanh không cho phát sanh. Thỏa thích trong sự tinh tấn, cố tinh tấn, làm cho tâm trụ vào một chỗ, hầu dứt trừ các ác pháp đã phát sanh lên rồi. Thỏa thích trong sự tinh tấn, cố tinh tấn gom tâm lại, cố làm cho tâm trụ lại vào một chỗ, hầu để vun trồng mầm thiện phước chưa phát sanh cho sanh lên. Thỏa thích trong sự tinh tấn, cố tinh tấn gom tâm lại, cố làm cho tâm trụ lại vào một chỗ hầu làm cho thiện phước đã có càng tăng trưởng lên, như vậy có Chánh Tinh Tấn trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khuru luôn trau dồi sự ghi nhớ, chánh niệm tỉnh giác, không để duôi, dứt bỏ mọi ác niệm, xa lìa Tham Sân Si. Như vậy có Chánh Niệm trong Chánh Pháp.

Vị Tỳ Khuru luôn giữ tâm được an tịnh, không tán loạn phóng dật, vun bồi thiền định Chỉ Quán, viên mãn chứng đắc từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền, như vậy có Chánh Định trong Chánh Pháp.

Suññāgāraṃ pavitṭhassa  
santacittassa bhikkhuno  
amānusi ratī hoti  
sammā dhammaṃ vipassato.

*Sống bước vào nhà trống  
Tỳ Khuru tâm an tịnh  
Tịnh quán theo chánh pháp  
Thọ hưởng vui siêu nhân.*



Đại ý: Thầy Tỳ Khuru đã rút vào nơi ẩn nấu đơn độc, đã giữ tâm vắng lặng, đã ngộ rõ giáo pháp, vị ấy chứng phỉ lạc siêu trần (P.C. 373).

Yato yato sammāsati	<i>Người luôn luôn chánh niệm</i>
khandhānaṃ udayabbayaṃ	<i>Sự sanh diệt các uẩn</i>
labhati pīti pāmojjaṃ	<i>Được hưởng hỷ, hân hoan</i>
amataṃ taṃ vijānataṃ	<i>Dành bậc biết bất tử.</i>

Đại ý: Mỗi khi suy niệm về pháp sanh - diệt của các uẩn, người ấy đạt phỉ và lạc. Đối với “những ai thấu hiểu,” suy niệm ấy là Bất Tử (P.C. 374).

Như thế vị Tỳ Khuru không bị sa đọa, hằng luôn an vui trong Giáp Pháp cao thượng. Con đường Giới Định Tuệ luôn được nghiêm trì. Tự nguyện giữ tròn giới luật và ráng sức nâng cao đức hạnh đến tột đỉnh để trở nên hoàn toàn vị tha trong mọi hành động. Không có gì làm lay động được hạnh nguyện của vị Tỳ Khuru.

Tự mình tìm nơi vắng vẻ để sống đời độc thân cao thượng của nhà tu sĩ. Một vị Tỳ Khuru có đời sống gương mẫu, một vị Tỳ Khuru lý tưởng là nguồn hạnh phúc cho mình và cho kẻ khác. Mọi người đều có thể học hỏi nơi ngài, noi theo gương lành của ngài, và thực hành theo những lời vàng ngọc của ngài chỉ dẫn. Bên trong, các vị ấy tự làm cho mình trong sạch, bên ngoài thì làm lợi ích cho mọi người được trong sạch.

Tatrāyaṃ ādi bhavati	<i>Vị Tỳ Khuru có trí</i>
idha paññassa bhikkhuno	<i>Tu tập pháp căn bản</i>
indriyagutti santuṭṭhī	<i>Hộ căn, biết vừa đủ</i>
pātimokkhe ca saṃvaro	<i>Gìn giữ căn bản giới</i>
mitte bhajassu kalyāṇe	<i>Thường gần gũi bạn lành</i>
suddhājīve atandite	<i>Sống thanh tịnh tinh cần.</i>

Đại ý: Và điều này, ở đây, trở thành bước đầu của thầy Tỳ Khuru có trí tuệ: thu thúc lục căn, trì túc, tự chế trong Giới Bản (Pāṭimokkha), kết hợp với những người bạn hữu ích, tinh tấn, và có chánh mạng trong sạch (P.C. 375).

santakāya santavāco	<i>Thân tịnh, lời an tịnh</i>
satavā sūssamāhito	<i>An tịnh, khéo thiền tịnh.</i>
vantalokāmisso bhikkhu	<i>Tỳ khuru bỏ thế vật</i>
upasanto'ti vuccati	<i>Xưng danh “người tịch tịnh.”</i>

Đại ý: Thầy Tỳ Khuru có thân nhàn tịnh, khẩu nhàn tịnh, ý nhàn tịnh, thầy Tỳ Khuru tự tại, đã rút ra khỏi thế sự, đáng được gọi “bậc tịch tịnh” (P.C. 378).

Vị Tỳ Khuru luôn tinh tấn trau dồi trí tuệ, đồng thời cũng tự thấy có bổn phận giúp đỡ những người khác cùng tiến hóa với mình, luôn học hỏi để trở nên sáng suốt. Không làm phiền ai, không muốn cho ai phải nặng lo về mình, các vị Tỳ Khuru sống như loài ong:

Hút mật của hoa nhưng không làm tổn thương đến đời sống của hoa. Từ bỏ tất cả sự nghiệp của cải, không giữ lấy một món chi của thế gian. Nhu cầu của một vị Tỳ Khuru thật là ít ỏi. Bao nhiêu tài sản của các vị này chỉ gồm vòn vẹn trong hạnh tri túc.

Có năm điều thu thúc trong Luật (saṃvaravinaya):

1. Thu thúc trong giới bốn (sīlasaṃvara) giữ giới Sa Di, Tỳ Khuru giới trọn vẹn trang nghiêm.
2. Thu thúc trong lục căn (satisaṃvara) ghi nhớ, chánh niệm giữ lục căn không tiếp xúc tục trần, nếu phải tiếp xúc thì không giữ lấy tướng chung tướng riêng.
3. Thu thúc trong ái dục bằng trí tuệ (ñānasaṃvara).
4. Thu thúc trong kiên nhẫn, là nín nhịn sự lạnh nóng, đói khát đau khổ (khantisaṃvara).
5. Thu thúc trong tinh tấn là dứt trừ ba tà tư duy, suy nghĩ quấy trong cõi dục, sắc, và vô sắc giới (viriyasaṃvara).

Pháp tri túc có ba là:

1. “Ưu thích theo vật dụng đã được” (yathālābhasandosa) là được tứ vật dụng (y áo, thực phẩm, chỗ ở, thuốc men) dù tốt hay không tốt cũng vẫn dùng vật ấy, không mong tìm kiếm vật khác, dầu có người dâng cúng đi nữa cũng không thọ thêm, hay là thọ rồi đem dâng cho vị Tỳ Khuru khác.
2. “Ưu thích theo sức mình” (yathābalasandosa) là tùy lượng theo sức mình, nếu có bệnh dùng món ăn không tiêu nên đem đổi lấy món khác với Tỳ Khuru thân thiết, rồi vừa lòng trong vật ấy.
3. “Ưu thích cho vừa theo” (yathāsarupasandosa) là nếu được vật tốt quý giá, nên xét rằng: Vật này vừa đến vị cao hơn có đức hạnh, bậc thông hiểu, rồi dâng đến các vị ấy, phần mình chỉ nên dùng vật bình thường.

Pháp tri túc nếu giải rộng có 50 pháp là:

- Về y áo có 20 pháp (civara).
- Về tri bình đi bát có 15 pháp (pindapāta).
- Về thuốc chữa bệnh có 15 pháp (gilāna).

Người có hạnh tri túc có ba tướng phân biệt là:

1. Không buồn tiếc đến của đã qua (atitamnānusocanto).
2. Không nói đến vật chưa có (nappajappamanāgatam).
3. Nuôi mạng sống theo vật phát sanh hiện tại (paccuppan – ena yāpento).

Giới luật trong Giáo Hội Tăng Già không cho phép thầy Tỳ Khuru thọ lãnh tất cả mọi vật người ta dâng đến cho mình. Nếu có người dâng, thầy Tỳ Khuru chỉ được nhận bốn món vật dụng thông thường. Khi cần dùng một trong bốn món ấy mà không có ai cho, thầy Tỳ Khuru chỉ được phép hỏi những bà con thân thuộc, hoặc những thí chủ nào đã hứa trước và yêu cầu ngài cho biết khi cần dùng đến. Thiệt tìn không thể nhờ thầy Tỳ Khuru chuyển đạt lên một thần linh những lời cầu nguyện vì trong Phật giáo không có một quyền lực nào trên và ngoài con người có thể nhận những lời cầu khẩn do sự trung gian của một tu sĩ để ban phước hoặc xá tội.

Đối với hàng Tỳ Khuru có bốn trọng tội là hành dâm, trộm cắp, sát nhân, và khoe khoang rằng mình đã đạt được các pháp của bậc cao nhân mà thật sự mình không có. Vị nào vi phạm một trong bốn tội ấy tức thì không còn là Tỳ Khuru nữa và bị trục xuất ra khỏi Giáo Hội Tăng Già.

Ngoài bốn trọng tội (Tứ Bất Cọng Trụ) đó, nếu vị Tỳ Khuru phạm giới nào khác, thì phải sám hối.

Có bảy chi trọng yếu nên thân cận cùng bạn là:

1. Cho những vật khó cho.
2. Làm những việc khó làm.
3. Kiên nhẫn với sự việc khó khăn.
4. Nói điều kín đến bạn.
5. Giữ kín điều bạn đã nói.
6. Không bỏ nhau trong khi có tai hại.
7. Khi bạn hết tài vật, không khinh rẻ.

Bạn lành có 3 chi:

1. Hằng khuyên bạn trong khi bạn làm việc quấy.
2. Hằng khuyến khích bạn làm các việc lành.
3. Không bỏ bạn lúc hữu sự (cùng chia vui buồn với bạn).

Có sáu điều học mà thầy Tỳ Khuru có giới thành tựu do sự thu thúc chánh mạng:

1. Thầy Tỳ Khuru chỉ vì sự nuôi mạng, bởi lòng tham lợi, tự khoe mình đắc pháp của bậc cao nhân (pháp Đại Định hay Thánh Pháp) mà mình chưa đắc thì phạm tội bất cọng trụ.
2. Thầy Tỳ Khuru chỉ vì sự nuôi mạng, làm mai dong, nói cho người nam vừa lòng người nữ, nữ đẹp lòng nam, thì phạm tội tăng tàn.
3. Thầy Tỳ Khuru khoe mình đắc pháp cao nhân đến người chưa thọ cụ túc giới thì phạm ung đối trị.

4. Thầy Tỳ Khuru vô bệnh chỉ vì sự nuôi mạng, xin vật thực cao lương để dùng, thì phạm ung xả đối trị.
5. Thầy Tỳ Khuru biết rõ vật thực do Tỳ Khuru Ni sắp đặt mà thọ thực thì phạm tội ung đối trị.
6. Thầy Tỳ Khuru vô bệnh, xin vật thực để dùng thì phạm tội tác ác.

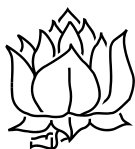
Sự tinh tấn dứt bỏ tà mạng do nội thân và ngữ thì phải lánh xa năm ác pháp (pāpadhamma) và 21 pháp tà vạy (ansana). Năm pháp ác là: 1. Giả dối (kuhanā - làm bộ cao thượng); 2. Nói bợ đờ (lapanā); 3. Giả dạng (nemittikatā - bói toán do thân và lời), 4. Nói hăm dọa (nippesikatā); và 5. Lấy lợi câu lợi (lābhena lābham nijjigimsanata).

Yo have daharo bhikkhu  
yuñjati buddhasāsane  
so imaṃ lokam pabhāseti  
abbhā mutto'va candimā.

*Tỳ Khuru tuy tuổi nhỏ  
Siêng tu giáo pháp Phật  
Soi sáng thế gian này  
Như trăng thoát khỏi mây.*

Đại ý: Dầu trẻ tuổi, thầy tỳ khuru để hết tâm trí vào giáo lý của Phật sẽ rọi sáng thế gian này như mặt trăng ra khỏi vùng mây (P.C. 382).

Vị Tỳ Khuru có thể sống trầm lặng ở một nơi xa vắng, yên tĩnh, hoặc tích cực hoạt động trong xã hội. Dù tuổi trẻ, nếu nhiệt thành với giáo pháp, thầy Tỳ Khuru có thể rọi sáng toàn thể thế gian. Lối sống cô độc, trầm lặng, rất thích hợp với lý tưởng của Tỳ Khuru. Y vàng tượng trưng cho sự trong sạch và khiêm tốn. Khi vị Tỳ Khuru khoác lên thân một bộ y vàng tức là đã nhằm lấy mục đích cuối cùng là tận diệt dục vọng để chứng đạt Đạo Quả Níp Bàn. Ta cũng nên lưu ý rằng đời sống của một Tỳ Khuru, hay nói cách khác, sự từ bỏ những thú vui và những khát vọng của đời chỉ là một phương tiện để thành đạt mục tiêu cuối cùng, sự xuất gia tự nó, không phải là một cứu cánh.





## Phẩm thứ hai mươi sáu – Phẩm Bà La Môn

Từ ngữ “Brahmaṇa” dịch là Bà La Môn, Phạm Chí, thường được dùng như một danh từ có tánh cách chủng tộc, nhưng ở đây Bà La Môn ý chỉ về đức Phật hay bậc A La Hán - bậc Thánh Nhân.

Phẩm Bà La Môn có 41 câu với đầy đủ ý nghĩa, nêu lên tính hạnh của một vị Bà La Môn, không vì sanh trưởng trong một gia đình ở giai cấp Bà La Môn mà trở thành vị Bà La Môn, nhưng là vì họ đã thành đạt mục tiêu tối thượng - chứng đắc quả A La Hán Níp Bàn giải thoát - thành đạt chân lý và đầy đủ chánh hạnh.

Yassa pāraṃ apāraṃ vā	<i>Không bờ này, bờ kia</i>
pārāpāraṃ na vijjati	<i>Cả hai bờ không có</i>
vītaddaraṃ viṣaṃyuttaṃ	<i>Lìa khổ, không trói buộc</i>
taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.	<i>Ta gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Người không còn bờ bên này hay bờ bên kia, cũng không còn cả hai bờ, bên này và bên kia, người thoát ly phiền não và không bị ràng buộc - người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 385).

Jhāyimaṃ, virajamaṃ āsīnaṃ	<i>Tu thiền, trú ly trần</i>
katakkamaṃ anāsavaṃ	<i>Phận sự xong, vô lậu</i>
uttamatthaṃ anuppattaṃ	<i>Đạt được đích tối thượng</i>
taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.	<i>Ta gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Người có hành thiền, vô nhiễm và ẩn dật, người đã hoàn tất nhiệm vụ và thoát ly lậu hoặc, người đã thành đạt Mục Tiêu tối thượng - người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 386).

Được gọi là một vị Bà La Môn, không vì sanh trưởng trong một gia đình thuộc giai cấp Bà La Môn, mà là người đã thành đạt mục tiêu tối thượng (Níp Bàn), không còn bị ràng buộc, không còn dính mắc đến những dục vọng, đoạn tận luyện ái liên quan đến “cái Ta” và “của Ta,” lục căn thanh tịnh, xa lìa các trần và thoát ly phiền não.

Na jatāhi na gottena	<i>Được gọi Bà La Môn</i>
na jaccā hoti brāhmaṇo	<i>Không vì đầu bện tóc</i>
yamhi saccaṃ ca dhammo ca	<i>Không chủng tộc, thọ sanh</i>
so sucī so ca brāhmaṇo	<i>Ai thật chân, chánh, tịnh</i>
	<i>Mới gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Không phải vì thắt tóc bính, cũng không vì thọ sanh (trong giai cấp nào) hay do gia tộc mà người ta trở thành Bà La Môn. Nhưng ai có đủ cả hai, chân lý và chánh hạnh, người ấy quả thật trong sạch, quả thật Bà La Môn (P.C. 393).

Na c'āhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi	<i>Ta không gọi Phạm Chí</i>
yonijaṃ mattisambhavaṃ	<i>Vì chỗ sanh, mẹ sanh</i>
bhovādi nāma so hoti	<i>Chỉ được gọi tên suông</i>
sa ce hoti sakiñcano	<i>Nếu tâm còn phiền não</i>
akiñcanaṃ anādānaṃ	<i>Không phiền não, chấp trước</i>
taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.	<i>Ta gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Như Lai không gọi là Bà La Môn chỉ vì người ấy được sanh ra từ thai bào (của một người ở giai cấp Bà La Môn) hay có mẹ (là Bà La Môn). Người ấy chỉ là: “Bhovādi” nếu tâm còn chướng ngại. Người đã thoát ly chướng ngại, thoát ly luyến ái, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 396).

“Bhovādi” - “Bho” là hình thức xưng hô thông thường mà chính đức Phật cũng thường dùng khi nói chuyện với người cư sĩ, thiện tín. Bhovādi có nghĩa là người đối thoại thân mến.

Bậc được gọi là vị Bà La Môn là vị có đời sống Phạm Hạnh (Brāhmaccariya), hành theo Phạm Hạnh cao thượng. Vì những hành động ấy không lẫn lộn với các pháp ác, mà trái lại còn làm cho tăng trưởng những pháp thiện lành.

Pháp Phạm Hạnh có mười điều là:

1. Dāna: Xả thí, là sự chia sẻ tài sản của mình cho người.
2. Veyyāvacca: Phụng sự sốt sắng, sự ráng tìm kiếm (giúp đỡ) sự phước thiện ở người khác.
3. Pañca sīla: Ngũ giới thọ trì chín chắn.
4. Methunavirati: Bất hành dâm.
5. Appamañña: Hành tứ vô lượng tâm.
6. Sadāra santasa: Tri túc với vợ nhà (không ngoại tình).
7. Viriya: Tinh tấn, siêng năng.
8. Uposatha: Thọ trì bát thanh tịnh giới.
9. Ariyamagga: Bát thánh đạo.
10. Sāsana: Lời giáo huấn của đức Thế Tôn (là Giới Định Tuệ).

Chính mười pháp này hình thành một vị Bà La Môn chân chánh. Đức Phật dạy rằng, “Chính thiện ý và trí tuệ cùng với tâm được rèn luyện đúng phương pháp, và phẩm hạnh cao thượng như dựa trên căn bản giới luật, làm cho chúng sanh trong sạch, chớ không phải do giai cấp hay tài sản.”

Đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã cố gắng loại bỏ chế độ mua tôi bán mọi, đã xây dựng một nền luân lý cao thượng và ý niệm về tình huynh đệ giữa loài người, và bằng những lời mạnh mẽ, Ngài đã lên án hệ thống đẳng cấp có tánh cách xúc phạm đến phẩm hạnh con người lúc bấy giờ đã ăn sâu trong xã hội Ấn Độ. Ngài tuyên bố, “Là

cùng đình không phải do sanh trưởng. Là Bà La Môn không phải do sanh trưởng. Do hành động, người này là cùng đình; do hành động, người kia là Bà La Môn.” Đức Phật cho biết rằng các loài cây cối, côn trùng, loài thú có bốn chân, rắn rít, cá tôm chim chóc đều có hình thể riêng và có thể phân biệt với nhau; còn trường hợp ở người thì khác, không có biệt mạo riêng từng loại. Rồi Ngài giải thích làm thế nào con người có thể phân biệt với nhau bằng việc làm hằng ngày. Để kết luận, đức Phật giải thích rằng, “Sự sanh trưởng không làm cho con người được liệt vào giai cấp Bà La Môn hay bị loại ra khỏi giai cấp này.”

Nếp sống hằng ngày tạo ra người nông dân, thương gia, hay nô bộc. Nếp sống hằng ngày tạo ra hạng trộm cắp, binh sĩ, tu sĩ, hay vua chúa.

Chetvā naddhiṃ varattañ ca	<i>Bỏ đai da, bỏ cương</i>
sandāmaṃ sahanukkamaṃ	<i>Bỏ dây, đồ sở thuộc</i>
ukkhittapaḷighaṃ buddhaṃ	<i>Bỏ then chốt, sáng suốt</i>
taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ	<i>Ta gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Người đã cắt đứt dây cương (sân hận), dây thừng (luyến ái) và dây nòng (tà kiến) cùng các món đồ bắt kè (thủy miên, những khuynh hướng còn ngủ ngầm), vứt bỏ cây trục (vô minh), người đã giác ngộ (Phật), người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 398).

Nguồn gốc của tâm luyến ái, lòng thù hận, và tánh hung tợn là tham, sân, si. Một người đã tẩy sạch tham sân si và giữ tâm hoàn toàn thanh tịnh thì những xu hướng xấu xa không phát sanh lên được. Tâm thanh ý tịnh thì đời sống được trong sạch. Người không tham, không sân, không si, ắt không thể sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba nghiệp được phòng hộ, chính đó là một vị Bà La Môn.

Đức Phật bác bỏ lập luận về người Bà La Môn vào đương thời của Ngài. Ngài không cho rằng: Trong bốn đẳng cấp mà con người được phân hạng, Bà La Môn là cao hơn hết. Các đẳng cấp khác đều thấp kém hơn (Sát Đế Ly, Thương Buôn, và Thủ Đà La). Chư vị Bà La Môn được xem là trong sạch, những hạng khác thì không. Những vị Bà La Môn là con chánh thức của thần Brahma (Phạm Thiên) sanh ra từ trong miệng ngài Phạm Thiên, được đặc cách tạo nên và sẽ là thừa kế của ngài Phạm Thiên. Đức Phật phủ nhận lập luận này. Chính Ngài muốn nói lên tính chất đầy đủ năng lực làm việc của con người, và chính con người có đầy đủ năng lực làm tất cả, làm được Trời, Người, hoặc chúng sanh khác đều do chính hành động của mình, rồi mình thọ lãnh lấy kết quả của hành động ấy để trở thành Trời, Người, hay chúng sanh khác.

Yassa rāgo ca doso ca	<i>Người bỏ rơi tham sân</i>
māno makkho ca pātito	<i>Không mạn, không ganh tị</i>
sāsaṃporiva āraḅḅā	<i>Như hột cải đầu kim</i>
taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ	<i>Ta gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Người mà tham lam, sân hận, ngã mạn, phỉ báng (không bám vào được), là tả rơi như hạt cải để đầu mũi kim, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 407).

Người đã thanh lọc mọi tham vọng ích kỷ, mọi thù hận, mọi tư tưởng hung ác, tàn bạo, và đượm nhuần tinh thần vị tha từ ái và ôn hòa, sẽ thấy đời sống mình được an lành vui vẻ, chính là đời sống của vị Bà La Môn.

Akakkasam viññāpaṇiṃ	<i>Nói lên lời ôn hòa</i>
giraṃ saccam udīraye	<i>Lợi ích và chân thật</i>
yāya nābhisaje kiñci	<i>Không mất lòng một ai</i>
taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.	<i>Ta gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Nói lời êm dịu, hiền hòa, xây dựng, chân thật, và không xúc phạm đến ai, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 408).

Người đã tận diệt tham vọng, tức nhiên không thể có lời nói giả dối, phỉ báng, thô lỗ, và nhắm nhĩ vì một mục đích ích kỷ nào, mà luôn luôn chân thành, trung tín, luôn luôn tìm cái đẹp, cái tốt nơi người khác hơn là lừa dối, vu oan, sỉ nhục, chia rẽ những người bạn đồng cảnh ngộ với mình. Một nhân vật hòa nhã và đượm nhuần tâm từ ái, không thể có lời nói thô lỗ cộc cằn để làm suy giảm giá trị mình và tổn hại đến người khác. Lời lẽ của người giàu lòng bi ái, không những chân thật dịu dàng, mà còn hữu ích và luôn luôn đem lợi lộc cho kẻ khác, chính vị đó là Bà La Môn.

Yo'dha puññañ ca pāpañ ca	<i>Người sống ở đời này</i>
ubho saṅgaṃ upaccagā	<i>Không nhiễm cả thiện ác</i>
asakaṃ virajaṃ suddham	<i>Không sầu, không bụi cấu</i>
taṃ ahaṃ brūmi	<i>Thật thanh tịnh trong sạch</i>
brāhmaṇaṃ.	<i>Ta gọi là Bà La Môn.</i>

Đại ý: Ở đây, người đã vượt khỏi cả hai điều, thiện và ác, và các ràng buộc, người không ưu phiền, không ô nhiễm và thanh tịnh, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 412).

Nói đến tính chất của Bà La Môn, đức Phật đã đề cập đến một tính chất của người đã vượt khỏi thiện và ác, là người trong sạch, là người đã dứt bỏ ưa và ghét, là người đã giác ngộ, đã đắc đạo quả A La Hán, chân thực, và chánh hạnh. Bạc đáng tôn kính. Người tự làm mình trở nên toàn thiện. Cụ thể nhất chính là hình ảnh đức Phật và chư vị Thánh Tăng, các bậc đã diệt tận mọi lậu hoặc, mọi trói buộc, đi đến hoàn toàn thanh tịnh.

Divā tapati ādicco	<i>Mặt trời sáng ban ngày</i>
rattim obhāti candimā	<i>Mặt trăng sáng ban đêm</i>
sannaddho khattiyō tapati	<i>Khí giới sáng Sát Ly</i>
jhāyī tapati brāhmaṇo	<i>Thiền sáng Bà La Môn</i>
atha sabbam ahorattim	<i>Còn hào quang đức Phật</i>
Buddho tapati tejasā.	<i>Chói sáng cả ngày đêm.</i>



Dại ý: Mặt trời chiếu sáng ban ngày. Mặt trăng rạng tỏ ban đêm. Nhưng giáp và gươm đao chói sáng nhà Vua khi lâm trận. Lúc thiên định, hào quang của vị Bà La Môn chiếu sáng. Nhưng ngày như đêm, đức Phật rực rỡ sáng lòa trong vinh hạnh (P.C. 387).

Đại đức Ānanda nhận thấy một vị vua huy hoàng, một vị tỳ khuru ngồi hành thiền trong giảng đường, một cảnh bình minh, và một cảnh trời trăng sáng tỏ. Rồi Đại Đức nhìn thấy đức Phật sáng lòa rực rỡ trong vinh hạnh. Khi Đại đức Ānanda bạch lại với đức Phật về những cảm tưởng khác nhau ấy, đức Phật đã đọc lên câu kệ trên.

Theo bản chú giải, giới đức của đức Phật có oai lực sáng tỏ, làm lu mờ điều bất thiện. Ân đức của Ngài có oai lực làm lu mờ các tật xấu. Oai lực của trí tuệ che lấp vô minh. Oai lực của phước báu che lấp tội khổ. Oai lực của chánh hạnh che lấp điều bất chánh.

“Nhu hoa sen đẹp đẽ và dễ thương, không ô nhiễm bùn dơ nước đục giữa đám bụi trần. Ta không chút vướng bận như, như vậy, Ta là Phật.” (Tăng Chi II).

Đức Phật không hề tự xưng là hiện thân (avatāra) của thần Vishnu, một thần linh Ấn Độ Giáo mà kinh Bhagavadgītā đã ca ngợi một cách huyền diệu, sanh ra để bảo vệ sự chân chánh, tiêu diệt tội lỗi, và củng cố đạo lý.

Theo lời dạy của đức Phật thì có hằng hà sa số chư Thiên - cũng là hạng chúng sanh, còn phải chịu sanh tử luân hồi; tuy nhiên, không có một thần linh tối thượng với quyền lực siêu thế, kiểm soát vận mạng con người, xuất hiện trên thế gian từng lúc, dùng hình thức con người làm phương tiện.

Đức Phật cũng không bao giờ tự gọi là “Đấng Cứu Thế” có quyền năng cứu vớt kẻ khác bằng chính sự cứu rỗi của mình. Ngài thiết tha kêu gọi những ai hoan hỷ bước theo dấu chân Ngài, không nên ỷ lại nơi người khác, mà phải tự mình giải thoát lấy mình bởi vì cả hai, trong sạch và bận rộn, cũng đều tùy thuộc ở chính nơi mình. Ngài không thể trực tiếp làm cho ai trong sạch hay ô nhiễm.

Để minh định rõ ràng mối tương quan của Ngài đối với hàng môn đệ và để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kiện tự mình nhận lãnh trọn vẹn trách nhiệm và tự mình nỗ lực kiên trì, đức Phật dạy minh bạch rằng:

“Các con phải tự mình nỗ lực. Các đấng Như Lai chỉ là thầy chỉ đường.”

Đức Phật chỉ vạch cho ta con đường và phương pháp mà ta có thể nương theo đó để tự giải thoát ra khỏi mọi khổ đau sanh tử và thành tựu mục tiêu cứu cánh. Đi trên con đường và theo đúng phương pháp là phần của người đệ tử chân chánh muốn thoát khỏi những bất hạnh của cuộc đời.

Ỗ ỷ lại nơi người khác để giải thoát cho mình là tiêu cực. Nhưng đang lãnh lấy trách nhiệm, chỉ tùy thuộc nơi mình để tự giải thoát quả thật là tích cực.

Tùy thuộc nơi người khác là đem tất cả cố gắng của chính mình ra qui hàng. Tìm sự cứu rỗi nơi những nhân vật hảo tâm có quyền năng cứu thế và bám víu vào hạnh phúc ảo huyền xuyên qua lời van vái nguyện cầu không thể đem lại kết quả và nghi thức cúng tế vô nghĩa lý quả là thiên bực và vô ích.

Pubbenivāsaṃ yo vedī	<i>Ai biết được đời trước</i>
saggāpāyaṃ ca passati	<i>Thấy thiên giới, đọa xứ</i>
atho jātikkhayaṃ patto	<i>Đạt được sanh đoạn diệt</i>
abhiññā vosito muni	<i>Thắng trí, tự viên thành</i>
sabbavosi tivosānaṃ	<i>Bậc mâu ni đạo sĩ</i>
taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ	<i>Viên mãn mọi thành tựu</i>
	<i>Ta gọi Bà La Môn.</i>

Đại ý: Bậc hiền thánh đã thấu hiểu chỗ ở trước của mình, đã thấy những cảnh nhàn và khổ, đã đến mức tận cùng của mọi kiếp sống, người đã với trí tuệ cao siêu, tự mình cải tiến và hoàn tất đời sống phạm hạnh thiêng liêng và chấm dứt mọi dục vọng, người ấy, Như Lai gọi là Bà La Môn (P.C. 423).

Sanh ra là một người, sống như một người, đức Phật thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn diện, đạo quả Phật, do sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Nhưng Ngài không dành giữ lấy sự liễu ngộ siêu phàm cho riêng mình mà còn công bố trước thế gian rằng Tâm có khả năng và oai lực bất khuất. Không khi nào tự hào rằng chỉ có Ngài là người duy nhất đắc quả Phật, vì đạo quả Phật không phải là ân huệ đặc biệt dành riêng cho một cá nhân tốt phước nào đã được chọn trước. Thay vì đặt trên con người một thần linh vạn năng vô hình và cho con người một địa vị khép nép rụt rè, Ngài chứng minh rằng con người có thể thành đạo trí tuệ cao siêu và Đạo Quả tối thượng do sự cố gắng của chính mình. Và như vậy, đức Phật nâng cao phẩm giá con người. Ngài dạy rằng muốn thoát ra khỏi vòng trầm luân khổ não thì chính ta phải tự mình gia công cố gắng, chớ không phải phục tùng, tùy thuộc nơi một thần linh hay một nhân vật nào làm trung gian giữa ta và vị thần linh ấy.

Trong thế gian ngã chấp, lấy mình làm trung tâm của vũ trụ, và chạy theo quyền thế, đức Phật dạy chúng ta một lý tưởng cao quý của sự phục vụ bất cầu lợi.

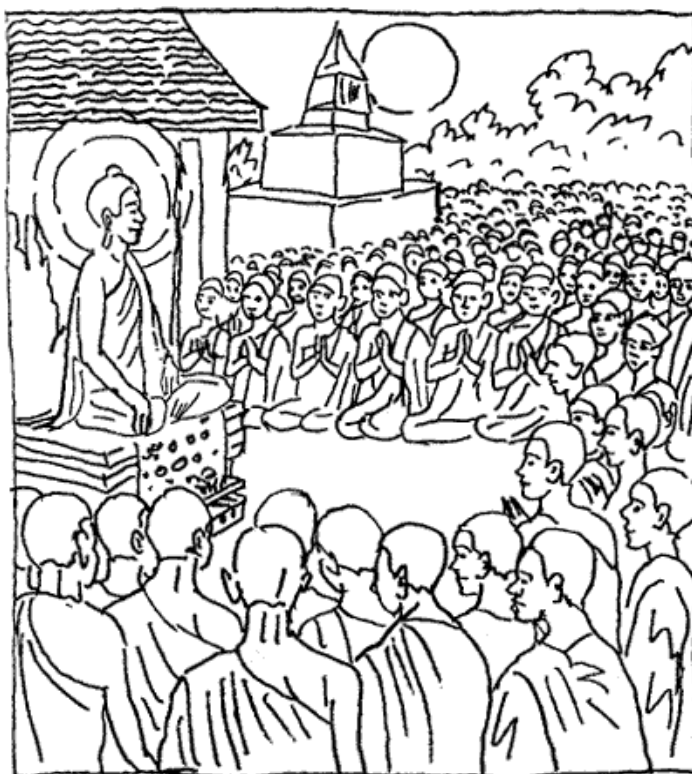
Ngài chống đối tệ đoan phân chia giai cấp trong xã hội - chỉ làm trở ngại sự tiến hóa của loài người - và luôn luôn bênh vực công lý, khuyên dạy bình đẳng con người. Ngài tuyên bố rằng cánh cửa thành công và thịnh vượng phải rộng mở cho tất cả mọi người, ai cũng như ai, dầu cao thấp, sang hèn, đạo đức hay tội lỗi nếu người ấy cố công cải thiện nếp sống, hướng con đường trong sạch. Ngài khuyến khích kẻ yếu, đoàn kết người chia rẽ, đem ánh sáng đến cho người vô minh tăm tối, dẫn dắt kẻ mê muội lầm đường, nâng đỡ người thấp kém, và tăng cao phẩm giá người cao quý.

Người nghèo, người giàu, người lương thiện, và người tội lỗi tất cả đều quý mến Ngài như nhau.

Những bậc vua chúa tàn bạo độc tài, những vị minh quân chánh trực, những hoàng tử vinh quang hiển hách, và những người sống cuộc đời tối tăm không ai biết đến; những nhà triệu phú giàu lòng quảng đại, những vị keo kiệt bần xén, những học giả khiêm tốn, những người kiêu căng tự đắc, hạng gái giang hồ, hạng người làm nghề bần thiêu, hạng sát nhân, hạng người thường bị khinh bỉ; tất cả đều có thụ hưởng những lời khuyên dạy đầy trí tuệ và từ bi của đức Phật.

Gương lành cao quý của Ngài là nguồn gợi cảm, là niềm khích lệ cho tất cả. Ngài là vị đạo sư giàu lòng bi mẫn và rộng lượng khoan dung hơn tất cả.

Ý chí sắt đá, trí tuệ cao siêu, lòng bi mẫn vô biên, đức vị tha phục vụ, sự thoát ly chưa từng có, đời sống gương mẫu, những phương pháp toàn thiện mà Ngài đã áp dụng để truyền bá giáo lý và sự thành công tối hậu của Ngài - tất cả những yếu tố ấy đã khiến một phân năm nhân loại ngày nay đang noi theo dấu chân Ngài, đã khiến Ngài trở thành một chúng sanh tối thượng giữa những hạng chúng sanh hai chân.





**Phương Danh Ấn Tống - Năm 2011**  
**500 Quyển Giáo Án Kinh Pháp Cú**

Thân Hữu ở Pennsylvania

1. Bà Đỗ Văn Sét \$5
2. Bà Diệu Hằng \$5
3. Bà Diệu Huệ \$5
4. Bà Nguyễn Nhật Tân \$5
5. Bà Trần Thị Kế \$5
6. Ông bà Đỗ Thế Khải \$5
7. Bà Tý Tiên \$5
8. Ông bà Lê Văn Cát \$10
9. Bà Nhâm Ngọc Hựu \$10
10. Bà Đỗ Thị Nhàn \$10
11. Ông bà Lê Văn Nhẫn \$10
12. Ông bà Lê Văn Đạt \$10
13. Ông bà Lê Văn Lộc \$10
14. Bà Nguyễn Thị Liên \$30

Thân Hữu ở Maryland

1. Nguyễn Khánh \$50
2. Phật tử ẩn danh \$100
3. Thiện Trí (Phạm C. Sang) \$60
4. Mary Ray (pd Tâm Hóa) \$50
5. Lê Thị An (pd Trí Thông) \$50

Thân Hữu ở Virginia

1. Chơn Đạo \$30
2. Gia đình Tâm Hân Huệ & Tâm Chánh An \$500
3. Phật tử ẩn danh \$200
4. Nguyễn Phi Yên \$20
5. Nguyễn T.T. Thảo \$100
6. Bé Tuệ Đạo - Winston Đức \$50
7. Hoàng T. Thiên Hương & Đoàn T. Nghi \$50
8. Nguyễn Bảo \$50
9. Chúc Thuần \$50
10. Ngọc Thanh & Chơn Tịnh \$50
11. Bùi L. Chính Tín \$50
12. Diệu Hồng & Lêđỳnh Bột \$25
13. Trisha Vũ & Nguyễn Phước Luận \$50
14. Thân Vô \$100
15. Vũ Thị Phương (pd Diệu Pháp) \$100
16. Khánh & Huệ \$100

17. Diệu Thủy \$100
18. Nga Westerlund \$125
19. Bình Ngọc \$100
20. Võ Thị Tuyết (pd Chơn Hạnh Bạch) \$100
21. Nguyễn Hà \$40
22. Nguyễn T. Tiến & Huỳnh T. Dung \$100
23. Gia đình Bùi-Phó Khánh \$30
24. Chúc Diệu \$50
25. Tâm T. Đỗ & Nancy A. Nguyễn \$100
26. Huỳnh B. Yến Như & bé Anna Bạch \$100
27. Quảng Diệu Linh & Dũng \$100
28. Lê Tú & Nguyễn Bách \$100
29. Chơn Tâm Giao & Tâm Nghĩa \$100
30. Tâm Tín \$50
31. Lê Thái Bình \$20
32. Trần Quang Bình \$10
33. Phúc Nhân, Nguyễn Phú & cháu Nguyễn Tuệ \$50
34. Chúc Giới & Chúc Nguyễn \$40
35. Trương Cẩm Tú \$20
36. Amy Tôn & Nathan Tôn \$20
37. Dhammapala & Vicassayadi \$30
38. Phương Hiếu Ngọc/Nguyễn Viên/Nguyễn Phạm Thu Thảo/Chân Thủy Long \$100
39. Chơn Tâm Huệ & Chơn Q. Le \$20
40. Kim Anh \$10
41. Tâm Thiện \$25
42. Thảo Trần & Đức Trần \$50
43. Phật tử ẩn danh \$300
44. Trần N. Minh \$25
45. Liễu Duyên \$20
46. Mai Anh Đào \$50
47. Thân Hòa \$50
48. Tâm Diệu Phú & Nguyễn Tuệ \$200
49. Amy Hoàng \$20 (HHCD đến tất cả đệ tử và chúng sanh sớm thành Phật đạo)
50. Lê Ngọc Bích \$50 (HHCD cho bà ngoại Đỗ Thị Đăng 75 tuổi, cha mẹ, cùng anh chị em)
51. Kathy Lê \$20 (HHCD cho con trai Thái Trường Nhân trong quân đội ở Afghanistan)
52. Diane Trần \$30 (HHCD cho cha Trần Thy Xuy và mẹ Trịnh Thị Nhẽ được vãng sanh)



Hình ảnh các khóa tu học Phật pháp

Thomas Jefferson Library (Arlington, VA) ngày 1 tháng 12, 2010, đến ngày 5 tháng 1, năm 2011



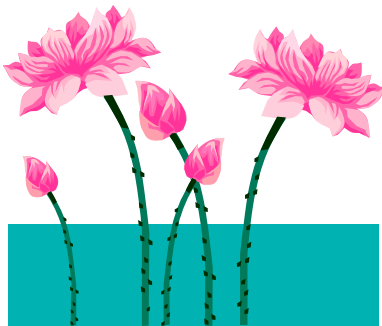
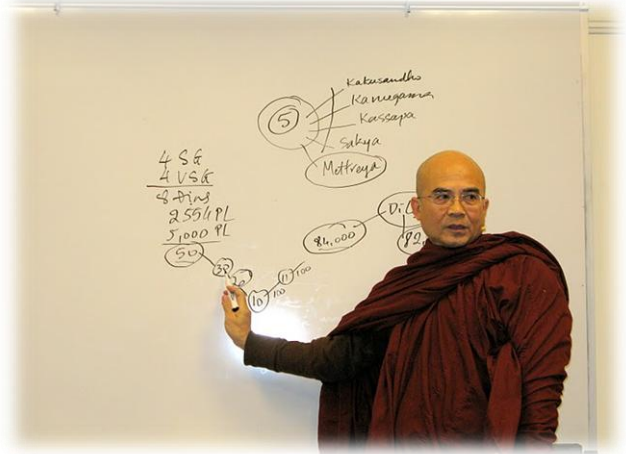
Sư Thanh Tâm hướng dẫn đại chúng thọ trì Tam Quy Ngũ Giới



Đại chúng ngồi thiền theo lời hướng dẫn của sư Thanh Tâm



Sư Sán Nhiên thuyết giảng về Tứ Niệm Xứ vào mỗi buổi tối thứ Tư trong 6 tuần liên tiếp



Sư Sán Nhiên cùng một số anh chị em trong Hội Thiện Đức và thân hữu





## GIÁO ÁN KINH PHÁP CỨ

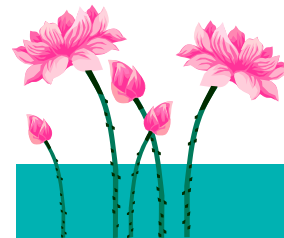
Chương trình thuyết giảng 37 Phẩm Trợ Đạo trong 7 tuần (20 tháng 11 đến 3 tháng 3 năm 2011)  
Tại Chùa Hoa Nghiêm (Fort Belvoir, VA)



Sư Sán Nhiên thuyết giảng 37 Phẩm Trợ Đạo



Đại chúng ngồi thiền



Sư Thanh Tâm, thầy trụ trì Kiến Khai, một vị thầy Bangladesh và sư Sán Nhiên hồi hương công đức sau thời thuyết giảng



Sư Sán Nhiên tại Tâm Pháp Thiền Viện (Bumpass, VA)



Sư Sán Nhiên nói pháp thoại trong khóa lễ Chủ Nhật hàng tuần (Bumpass, VA)

